BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số926 /QĐ-PAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động dịch vụ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

thuộc Dự toán mua sắm Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động dịch vụ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-PAS ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho Dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động dịch vụ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-PAS ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt E-HSMT cho gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động dịch vụ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT số 02/BCĐG/623 ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Tổ chuyên gia;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số 01/BCTĐKQLCNT/624 ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Tổ thẩm định;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Vật tư – Thiết bị y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động dịch vụ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600471709 - 00;

- Tên gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động dịch vụ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

- Giá gói thầu: 61.039.164.797 đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi mốt tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng);*

- Tên chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng. Xét theo từng phần của gói thầu;

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm.

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT,VTTBYT.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Ký bởi: VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thời gian ký: 20/11/2026 10:21:06

VIỆN PASTEUR TP. HỒ CHÍ MINH

Đinh Xuân Thành

Phụ lục I

THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PAS ngày tháng 11 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC BIOMEDIC	0102956002	51.212.000	51.212.000	-	-	51.212.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
2	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC NKTBIO	0316460638	72.450.000	72.450.000	-	-	72.450.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
3	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH	0311733313	74.814.000	74.814.000	-	-	74.814.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
4	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	124.333.060	124.333.060	-	-	54.547.310	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
5	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT VIỆT HUY	0304444286	140.334.500	140.334.500	-	-	140.334.500	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
6	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT VIETLAB	0102800460	188.843.098	188.843.098	-	-	134.393.460	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
7	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC KHOA THƯƠNG	0303340051	189.998.400	189.998.400	-	-	189.998.400	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
8	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT LỤC TỈNH	0301020722	208.746.500	208.746.500	-	-	180.621.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
9	CÔNG TY TNHH MEDIPRO VIET NAM	0312003976	226.600.000	226.600.000	-	-	226.600.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
10	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGÔI SAO VIỆT	0108538481	330.180.000	330.180.000	-	-	330.180.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
11	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	0312315968	346.695.000	346.695.000	-	-	319.195.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
12	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG	0400567178	395.678.800	395.678.800	-	-	395.678.800	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
13	CÔNG TY TNHH CA NA RO	0310775984	528.000.000	528.000.000	-	-	528.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
14	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ANH KHÔI	0310631534	528.000.000	528.000.000	-	-	528.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
15	CÔNG TY TNHH TEKMAX	0104683512	531.011.250	531.011.250	-	-	531.011.250	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
16	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION	0315804815	933.826.000	933.826.000	-	-	933.826.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
17	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN VIỆT	0103360438	1.450.000.000	1.450.000.000	-	-	1.450.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
18	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT	0312397569	1.787.712.000	1.787.712.000	-	-	1.476.288.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
19	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	2.485.557.900	2.485.557.900	-	-	265.668.480	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
20	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	3.711.455.748	3.711.455.748	-	-	1.624.907.844	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
21	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH	0304504714	11.548.652.832	11.548.652.832	-	-	11.548.652.832	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
22	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG	0306310369	37.656.529.788	37.656.529.788	-	-	36.000.630.216	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
Tổng cộng (VNĐ)							**57.057.009.092**			

Phụ lục II

THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PAS ngày tháng 11 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG	0306310369	PP2600340404	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng chỉ số lipid huyết, chỉ số tán huyết và chỉ số vàng da	Không đáp ứng kỹ thuật
2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG	0306310369	PP2600340428	Hóa chất cho xét nghiệm CRP4	Không đáp ứng kỹ thuật
3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG	0306310369	PP2600340435	Cóng phản ứng	Không đáp ứng kỹ thuật
4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG	0306310369	PP2600340451	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HCV	Không đáp ứng kỹ thuật
5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG	0306310369	PP2600340467	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	Không đáp ứng kỹ thuật
6	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ MEDIVINA	0109953586	PP2600340546	Dung dịch rửa kim có tính kiềm	Không đáp ứng kỹ thuật
7	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ MEDIVINA	0109953586	PP2600340547	Dung dịch rửa kim có tính acid	Không đáp ứng kỹ thuật
8	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ MEDIVINA	0109953586	PP2600340548	Cóng phản ứng sử dụng trên máy đông máu tự động	Không đáp ứng kỹ thuật
9	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	0312315968	PP2600340560	Ống nghiệm không nắp	Không đáp ứng kỹ thuật
10	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340664	Khay thử test nhanh 2 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2	Không đáp ứng kỹ thuật
11	Công ty TNHH khoa học kỹ	0102800460	PP2600340691	Kháng sinh đĩa Fosfomycin 200 ug	Không đáp ứng kỹ thuật

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
	thuật VIETLAB				
12	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	0102800460	PP2600340710	Kháng sinh đĩa Novobiocin 30 ug	Không đáp ứng kỹ thuật
13	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	0102800460	PP2600340735	Kít phát hiện kháng nguyên cúm Influenza A, B	Không đáp ứng kỹ thuật
14	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340746	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Entamoeba histolytica	Không đáp ứng kỹ thuật
15	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340747	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Cysticercosis	Không đáp ứng kỹ thuật
16	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340748	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	Không đáp ứng kỹ thuật
17	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340749	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma	Không đáp ứng kỹ thuật
18	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẬT	0312397569	PP2600340750	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Toxocara	Không đáp ứng kỹ thuật
19	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340751	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Toxocara	Không đáp ứng kỹ thuật
20	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340752	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	Không đáp ứng kỹ thuật
21	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340753	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	Không đáp ứng kỹ thuật
22	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340754	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Trichinella	Không đáp ứng kỹ thuật
23	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340755	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma spp	Không đáp ứng kỹ thuật
24	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340757	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Ascaris	Không đáp ứng kỹ thuật
25	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340758	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Clonorchis	Không đáp ứng kỹ thuật

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
26	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT	0312397569	PP2600340767	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Ascaris	Không đáp ứng kỹ thuật
27	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340768	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Trichinella	Không đáp ứng kỹ thuật
28	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340604	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dung tích 1100 ul chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
29	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340605	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dung tích 300 ul chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
30	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340666	Kháng sinh đĩa Ampicilin 10 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
31	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340667	Kháng sinh đĩa Ampicillin+sulbactam 10/10 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
32	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340668	Kháng sinh đĩa Amikacin 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
33	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340669	Kháng sinh đĩa Azithromycin 15 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
34	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340670	Kháng sinh đĩa Amox+clavulanic acid 20/10 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
35	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340674	Kháng sinh đĩa Ceftazidime 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
36	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340677	Kháng sinh đĩa Cefotaxim 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
37	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340679	Kháng sinh đĩa Cefuroxim 30 ug	Không được xét là nhà thầu

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
					có giá chào thấp nhất
38	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340680	Kháng sinh đĩa Cefepime 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
39	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340682	Kháng sinh đĩa Cefiderocol 30ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
40	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340683	Kháng sinh đĩa Cefoxitin 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
41	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340685	Kháng sinh đĩa Ceftriaxone 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
42	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340686	Kháng sinh đĩa Ciprofloxacin 5 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
43	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340688	Kháng sinh đĩa Chloramphenicol 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
44	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340689	Kháng sinh đĩa Doxycycline 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
45	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340690	Kháng sinh đĩa Erythromycin 15 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
46	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340692	Kháng sinh đĩa Gentamicin 10 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
47	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340695	Kháng sinh đĩa Linezolid 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
48	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340697	Kháng sinh đĩa Levofloxacin 5 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
49	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340701	Kháng sinh đĩa Penicillin 10units	Không được xét là nhà thầu

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
					có giá chào thấp nhất
50	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340702	Kháng sinh đĩa Piperacillin-tazobactam 100/10 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
51	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340706	Kháng sinh đĩa Tetracycline 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
52	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340708	Kháng sinh đĩa Trimethoprim-sulfamethoxazole 1.25/23.75 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
53	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN	0310143350	PP2600340709	Kháng sinh đĩa Vancomycin 30 ug	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
54	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	0102800460	PP2600340730	Kit thử nghiệm định danh ngưng kết Streptococcus	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
55	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	0102800460	PP2600340733	Dung dịch chuẩn Mc Farland	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
56	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT LỤC TỈNH	0301020722	PP2600340734	Kít phát hiện kháng nguyên Dengue NS1	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
57	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340734	Kít phát hiện kháng nguyên Dengue NS1	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
58	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340746	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Entamoeba histolytica	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
59	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340747	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Cysticercosis	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
60	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340748	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
61	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT	0312397569	PP2600340749	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
62	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340749	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
63	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340751	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Toxocara	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
64	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340752	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
65	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340753	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
66	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340754	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Trichinella	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
67	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340755	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma spp	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
68	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340756	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Paragonimus	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
69	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340757	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Ascaris	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
70	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340758	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Clonorchis	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
71	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340759	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Filaria	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
72	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI	0304222357	PP2600340760	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng Angiostrongylus bằng	Không được xét là nhà thầu có giá chào

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
	Y TẾ PHÚ GIA			phương pháp ELISA	thấp nhất
73	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340761	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Angiostrongylus	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
74	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340762	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Paragonimus	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
75	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340763	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Clonorchis	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
76	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340764	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Schistosoma bằng kỹ thuật ELISA	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
77	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340765	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Cysticercosis (T.Solium)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
78	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340766	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Echinococcus	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
79	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340768	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Trichinella	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
80	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340771	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Chlamydia trachomatis	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
81	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA	0304222357	PP2600340772	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Chlamydia trachomatis	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
82	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	PP2600340717	Test nhanh phát hiện máu ẩn trong phân	Chào vượt giá kế hoạch

Phụ lục III

THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PAS ngày tháng 11 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
1	PP2600340372	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	08104719214 ASTP2 800 cobas c pack green	08104719214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo IFCC - Khoảng đo: 5-700U/L - Giới hạn dưới: 5 U/L - Độ lập lại: CV:2,1% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,9%, - So sánh phương pháp: R : 0,99. - Độ ổn định trên máy phân tích : 84 ngày	Test	50.400	2.849	143.589.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
2	PP2600340373	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	08104697214 ALTP2 800 cobas c pack green	08104697214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo IFCC - Khoảng đo: 5-700U/L - Giới hạn dưới: 5 U/L - Độ lập lại: CV:3,7% - Độ tái lập: CV:4,8% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 84 ngày	Test	50.400	2.849	143.589.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
3	PP2600340374	Thuốc thử xét nghiệm ALP	Thuốc thử xét nghiệm ALP	08056757214 ALP2 1100 cobas c pack green	08056757214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo IFCC - Khoảng đo: 5-1200U/L - Giới hạn dưới: 5 U/L - Độ lập lại: CV:3,1% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:11,6% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 56 ngày	Test	2.200	2.729	6.003.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
4	PP2600340375	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	08056714190 ALBP 500T c 503	08056714190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa theo mẫu tham chiếu ERM-DA470k/IFCC. - Khoảng đo: 30,4-1520umol/L - Giới hạn dưới: 30,4umol/L - Độ lập lại: CV:0,6% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:1,1% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE -Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	1.500	2.205	3.307.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
5	PP2600340376	Thuốc thử xét nghiệm Amylase	Thuốc thử xét nghiệm Amylase	08056811214 AMYL2 750 cobas c pack green	08056811214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Khoảng đo: 3-1500U/L - Giới hạn dưới: 3U/L - Độ lập lại: CV:3,1% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,6% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	3.000	6.671	20.013.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
6	PP2600340377	Thuốc thử xét nghiệm ASO	Thuốc thử xét nghiệm ASO	08105472190 ASLOT 200T c 503	08105472190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa theo mẫu chuẩn nội bộ - Khoảng đo: 20-600 IU/mL - Giới hạn dưới: 20 IU/mL - Độ lập lại: CV:4,0% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:4,3% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE -Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	3.000	26.678	80.034.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
7	PP2600340378	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm ASLO	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm ASLO	03555941190 CFAS PAC F 3X1ML	03555941190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	-Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định - Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: Chất phân tích ASLO có nguồn gốc từ cừu - Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định	ml	30	934.597	28.037.910	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
8	PP2600340379	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	08056951214 BILD2 1000 cobas c green	08056951214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo phương pháp Jendrassik-Grof - Khoảng đo: 1,5-291 umol/L - Giới hạn dưới: 1,5umol/L - Độ lập lại: CV:1,9% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,5% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	18.000	1.714	30.852.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
9	PP2600340380	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	08056960190 BILT3 1050T C 503	08056960190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa theo theo phương pháp Doumas - Khoảng đo: 2,5-650umol/L - Giới hạn dưới: 2,5umol/L - Độ lập lại: CV:3,9% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:4,1% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 42 ngày	Test	17.850	1.714	30.594.900	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
10	PP2600340381	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	08057443214 CHOL2 2600 cobas c green	08057443214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo phương pháp Abell/Kendall - Khoảng đo: 0,1-20,7mmol/L - Giới hạn dưới: 0,1mmol/L - Độ lập lại: CV:2,1% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:7,4% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	36.400	1.835	66.794.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
11	PP2600340382	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci)	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci)	08057427214 CA2 1500 cobas c pack green	08057427214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo tài liệu tham chiếu của SRM 956c level 2 - Khoảng đo: 0,2-5,0 mmol/L - Giới hạn dưới: 0,2 mmol/L - Độ lập lại: CV:1,9% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,3% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	4.500	2.216	9.972.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
12	PP2600340383	Thuốc thử xét nghiệm GGT	Thuốc thử xét nghiệm GGT	08057796214 GGT-2 400 cobas c pack green	08057796214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo IFCC, và theo Persijn và van der Slik - Khoảng đo: 3-1200U/L - Giới hạn dưới: 3,0U/L - Độ lập lại: CV:5,2% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:5,3% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 84 ngày	Test	40.000	2.376	95.040.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
13	PP2600340384	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	08057800214 GLUC3 3300 cobas c green	08057800214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo ID/MS - Khoảng đo: 0,11-41,6mmol/L - Giới hạn dưới: 0,11mmol/L - Độ lập lại: CV:9,2% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:10,0% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	42.900	1.835	78.721.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
14	PP2600340385	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	08057877214 HDLC4 700 cobas c pack green	08057877214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo phương pháp CDC - Khoảng đo: 0,08-3,88mmol/L - Giới hạn dưới: 0,08mmol/L - Độ lập lại: CV:1,2% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:1,5% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 84 ngày	Test	31.500	10.671	336.136.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
15	PP2600340386	Thuốc thử xét nghiệm HbA1c	Thuốc thử xét nghiệm HbA1c	09529705190 A1C Gen.4 200T c pack green	09529705190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa theo theo phương pháp IFCC - Khoảng đo: Hemoglobin: 2,48-24,8 mmol/L HbA1c: 0,186-1,450 mmol/L - Giới hạn dưới: Hemoglobin: Giới hạn phát hiện = 0,62 mmol/L HbA1c: Giới hạn phát hiện = 0,18 mmol/L - Độ lập lại: CV:1,4% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:1,5% - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 28 ngày	Test	15.000	42.022	630.330.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
16	PP2600340387	Dung dịch ly huyết để chuẩn bị mẫu định lượng HbA1c	Dung dịch ly huyết để chuẩn bị mẫu định lượng HbA1c	08463107190 A1CD 50ml C 503	08463107190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Thuốc thử ly huyết được sử dụng như một chất pha loãng để ly huyết mẫu máu toàn phần (ứng dụng máu toàn phần) và để pha loãng mẫu chuẩn (ứng dụng máu toàn phần và ứng dụng ly huyết). Trong quá trình tiền pha loãng TTABa) là chất tẩy rửa trong thuốc thử ly giải để loại bỏ ảnh hưởng từ các bạch cầu (TTAB không ly giải bạch cầu).	ml	800	32.052	25.641.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
17	PP2600340388	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng HbA1c	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng HbA1c	04528417190 CFAS HBA1C, 3X2ML	04528417190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Mẫu chuẩn đông khô lấy từ máu cừu ly huyết. Máu cừu ly huyết với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. - Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: Chất phân tích Hemoglobin có nguồn gốc từ Máu cừu, HbA1c có nguồn gốc từ Máu người	ml	90	840.366	75.632.940	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
18	PP2600340389	Chất chuẩn cho xét nghiệm HbA1c mức bình thường	Chất chuẩn cho xét nghiệm HbA1c mức bình thường	05479207190 PreciControlHBA1c Norm,4x1ml	05479207190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Máu người ly huyết - Nồng độ điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở mức bình thường hay ở ngưỡng bình thường/bệnh lý	ml	48	1.157.625	55.566.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
19	PP2600340390	Chất chuẩn cho xét nghiệm HbA1c mức bệnh lý	Chất chuẩn cho xét nghiệm HbA1c mức bệnh lý	05912504190 PreciControlHBA1c Path,4x1ml	05912504190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần có hoạt tính trong mẫu chứng lỏng: Máu người ly huyết, HbA1c glycosyl hóa in vitro - Nồng độ điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở ngưỡng bệnh lý	ml	48	1.186.566	56.955.168	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
20	PP2600340391	Thuốc thử xét nghiệm Fe (Sắt)	Thuốc thử xét nghiệm Fe (Sắt)	08057931214 IRON2 700 cobas c pack green	08057931214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo SRM 937 - Khoảng đo: 0,9-179umol/L - Giới hạn dưới: 0,9umol/L - Độ lập lại: CV:3,4% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:5,2% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 84 ngày	Test	2.100	4.668	9.802.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
21	PP2600340392	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol	08057966214 LDLC3 600 cobas c pack green	08057966214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo phương pháp định lượng beta - Khoảng đo: 0,1-14,2mmol/L - Giới hạn dưới: 0,1mmol/L - Độ lập lại: CV:2,0% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,5% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE -Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	32.400	10.672	345.772.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
22	PP2600340393	Thuốc thử xét nghiệm Mg (Magnesi)	Thuốc thử xét nghiệm Mg (Magnesi)	08058016214 MG2 690 cobas c pack green	08058016214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử - Khoảng đo: 0,1-2,0mmol/L - Giới hạn dưới: 0,1mmol/L - Độ lập lại: CV:1,5% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,5% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	1.380	2.441	3.368.580	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
23	PP2600340394	Thuốc thử xét nghiệm Phospho vô cơ	Thuốc thử xét nghiệm Phospho vô cơ	08058610214 PHOS2 750 cobas c pack green	08058610214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo theo chuẩn tham chiếu sơ cấp NERL - Khoảng đo: 0,1-6,46mmol/L - Giới hạn dưới: 0,1mmol/L - Độ lập lại: CV:1,2% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,2% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	1.500	1.601	2.401.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
24	PP2600340395	Thuốc thử xét nghiệm RF	Thuốc thử xét nghiệm RF	08058628190 RF-II 400T C 503	08058628190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa theo theo chuẩn của WHO số 64/2 - Khoảng đo: 10-130 IU/mL - Giới hạn dưới:10 IU/mL - Độ lặp lại: CV:4,7% - Độ tái lặp/ Độ chính xác trung gian: CV:4,7% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 56 ngày	Test	4.000	16.007	64.028.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
25	PP2600340396	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm RF	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm RF	12172828322 PRECISET RF	12172828322	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần phản ứng: RF trong huyết thanh người - Thành phần không phản ứng: Đệm HEPES, albumin huyết thanh bò, natri chloride, chất bảo quản	ml	50	881.486	44.074.300	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
26	PP2600340397	Chất chuẩn cho xét nghiệm RF	Chất chuẩn cho xét nghiệm RF	03005496122 CONTROLSET RF II	03005496122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần phản ứng: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định - Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: RF có nguồn gốc từ người - Thành phần không phản ứng: Đệm HEPES, albumin huyết thanh bò, natri chloride, chất bảo quản	ml	60	770.657	46.239.420	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
27	PP2600340398	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	08058687214 TRIGL 1000 cobas c green	08058687214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo phương pháp ID/MS - Khoảng đo: 0,1 -10 mmol/L - Giới hạn dưới: 0,1 mmol/L - Độ lập lại: CV:2,1% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,3% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	36.000	3.041	109.476.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
28	PP2600340399	Thuốc thử xét nghiệm TP (Total Protein)	Thuốc thử xét nghiệm TP (Total Protein)	08058652214 TP2 1050 cobas c pack green	08058652214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo SRM 927 - Khoảng đo: 2,0-120 g/L - Giới hạn dưới: 2,0 g/L - Độ lập lại: CV:3,0% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:4,1% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	2.100	1.836	3.855.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
29	PP2600340400	Hóa chất xét nghiệm TPUC (Total Protein Urine)	Hóa chất xét nghiệm TPUC (Total Protein Urine)	08058679190 TPUC3 650T C 503	08058679190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa theo chuẩn sơ cấp có thể truy nguyên theo NIST - Khoảng đo: 40-2000 mg/L - Giới hạn dưới: 40mg/L - Độ lập lại: CV:4,4% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:5,2% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	1.950	9.342	18.216.900	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
30	PP2600340401	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	08058750214 UA2 1300 cobas c pack green	08058750214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo ID/MS - Khoảng đo: 11,9-1487 umol/L - Giới hạn dưới: 11,9umol/L - Độ lập lại: CV:1,7% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,0% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 182 ngày	Test	24.700	2.137	52.783.900	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
31	PP2600340402	Thuốc thử xét nghiệm Ure	Thuốc thử xét nghiệm Ure	08058806214 UREAL 600 cobas c pack green	08058806214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo ID/MS - Khoảng đo: 0,5-40 mmol/L - Giới hạn dưới: 0,5mmol/L - Độ lập lại: CV:3,4% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,8% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 56 ngày	Test	25.200	3.203	80.715.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
32	PP2600340403	Dung dịch SMS	Dung dịch SMS	08063478214 SMS 123T C 503	08063478214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	Nồng độ HCl 200 mmol/L	ml	2.583	2.241	5.788.503	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
33	PP2600340405	Dung dịch pha loãng NaCl 9%	Dung dịch pha loãng NaCl 9%	08063494214 NACl 123T C 503	08063494214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	Diluent NaCl 9 % được sử dụng làm chất pha loãng mẫu. Chất pha loãng đậm đặc và sẽ được pha loãng trên máy với hệ số 10.	ml	1.599	2.241	3.583.359	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
34	PP2600340406	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa	10759350190 CFAS 12X3ML	10759350190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. - Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định	ml	360	44.464	16.007.040	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
35	PP2600340407	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm protein nước tiểu	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm protein nước tiểu	03121305122 CFAS PROTEINS U	03121305122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần phản ứng: Đệm HEPES: 20 mmol/L, pH 7,5 và chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. - Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định	ml	50	430.977	21.548.850	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
36	PP2600340408	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	11355279216 CFAS PROTEINS	11355279216	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	-Thành phần phản ứng: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. -Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: Chất phân tích Ferritin và CRP có nguồn gốc từ người -Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định	ml	50	287.832	14.391.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
37	PP2600340409	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol	12172623122 CFAS LIPIDS 3X1ML	12172623122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học - Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định	ml	45	406.702	18.301.590	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
38	PP2600340410	Dung dịch NaOH-D	Dung dịch NaOH-D	08063451214 NaOHD 123T C 503	08063451214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	NaOH 1 mol/L (khoảng 4%); chất tẩy	ml	9.348	2.241	20.948.868	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
39	PP2600340411	Dung dịch NaOH-D/Basic wash	Dung dịch NaOH-D/Basic wash	08302545214 Basic Wash 2x2L C 503	08302545214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	Dung dịch natri hydroxide 1 mol/L, 4 %; chất tẩy	Lít	180	496.125	89.302.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
40	PP2600340412	Dung dịch Acid Wash	Dung dịch Acid Wash	08302723190 Acid Wash 2x2L C 503	08302723190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Acid citric monohydrate: 310 mmol/L; đệm; chất tẩy	Lít	56	992.250	55.566.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
41	PP2600340413	Dung dịch SCCS	Dung dịch SCCS	08463093214 SCCS 50mL cobas c pack green	08463093214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	NaOH 3 mol/L (khoảng 12%); dung dịch natri hypochlorite (< 2% clo hoạt tính); phụ gia	ml	750	38.455	28.841.250	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
42	PP2600340414	Chất chuẩn cho xét nghiệm protein nước tiểu mức bệnh lý	Chất chuẩn cho xét nghiệm protein nước tiểu mức bệnh lý	03121291122 PRECIPATH PROTEINS URIN	03121291122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần phản ứng: Đệm HEPES: 20 mmol/L, pH 7,5 và chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định - Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định	ml	120	329.705	39.564.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
43	PP2600340415	Chất chuẩn cho xét nghiệm protein nước tiểu mức bình thường	Chất chuẩn cho xét nghiệm protein nước tiểu mức bình thường	03121313122 PRECINORM PROTEINS U	03121313122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần phản ứng: Đệm HEPES: 20 mmol/L, pH 7,5, và chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định - Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định	ml	120	329.705	39.564.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
44	PP2600340416	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Sinh hóa mức 1	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Sinh hóa mức 1	05117003190 PreciCtrl CC Multi 1, 20x5ml	05117003190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. - Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định	ml	800	88.200	70.560.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
45	PP2600340417	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Sinh hóa mức 2	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Sinh hóa mức 2	05117216190 PreciCtrl CC Multi 2, 20x5ml	05117216190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định - Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định	ml	800	88.200	70.560.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
46	PP2600340418	Chất chuẩn giá trị natri, kali, và clo trên điện cực chọn lọc ion (mức thấp)	Chất chuẩn giá trị natri, kali, và clo trên điện cực chọn lọc ion (mức thấp)	11183974216 ISE STANDARD LOW 10X3ML	11183974216	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	120 mmol/L Na+, 3 mmol/L K+, 80 mmol/L Cl-	ml	750	11.422	8.566.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
47	PP2600340419	Chất chuẩn giá trị natri, kali, và clo trên điện cực chọn lọc ion (mức cao)	Chất chuẩn giá trị natri, kali, và clo trên điện cực chọn lọc ion (mức cao)	11183982216 ISE STANDARD HIGH10X3ML	11183982216	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	160 mmol/L Na+, 7 mmol/L K+, 120 mmol/L Cl-	ml	750	11.422	8.566.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
48	PP2600340420	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng natri, kali, chloride	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng natri, kali, chloride	04880455214 ISE Internal Stand. 2x2L	04880455214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	Thành phần thuốc thử: Dung dịch đệm HEPES: 10 mmol/L Triethanolamine: 7 mmol/L Natri clorua: 3,06 mmol/L Natri axetat 1,45 mmol/L Kali clorua: 0,16 mmol/L Chất bảo quản	Lít	100	458.916	45.891.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
49	PP2600340421	Chất pha loãng mẫu phụ trợ cho môđun ISE	Chất pha loãng mẫu phụ trợ cho môđun ISE	04880480214 ISE Diluent Gen.2, 2x2 Liter	04880480214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	Thành phần thuốc thử: Đệm HEPES: 10 mmol/L Triethanolamine: 7 mmol/L Chất bảo quản	Lít	60	458.916	27.534.960	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
50	PP2600340422	Chất phụ trợ cho xét nghiệm Ion đồ	Chất phụ trợ cho xét nghiệm Ion đồ	10820652216 ISE REF. ELECTRODE	10820652216	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	ISE Reference Electrolyte được dùng để đóng mạch đo trên thiết bị phân tích ISE nhằm định lượng natri, kali và clorua trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu gốc người. Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: Kali clorua 1 mol/L	mL	24.000	686	16.464.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
51	PP2600340423	Chất phụ trợ cho xét nghiệm Ion đồ	Chất phụ trợ cho xét nghiệm Ion đồ	08392013190 ISE REFERENCE ELECTROLYTE 2L	08392013190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	ISE Reference Electrolyte được dùng để đóng mạch đo trên thiết bị phân tích ISE nhằm định lượng natri, kali và clorua trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu gốc người. Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: Kali clorua 1 mol/L	ml	20.000	1.090	21.800.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
52	PP2600340424	Hóa chất thêm vào buồng phản ứng	Hóa chất thêm vào buồng phản ứng	08063354214 ECO-D 40ml C 503	08063354214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chất được thêm vào buồng phản ứng, đóng vai trò là chất hoạt động bề mặt làm giảm thiểu sự tạo thành các bọt bong bóng có khả năng làm nhiễu kết quả quang phổ. - Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: Chất tẩy	ml	28.320	8.186	231.827.520	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
53	PP2600340425	Thuốc thử xét nghiệm CRP	Thuốc thử xét nghiệm CRP	09188231190 HSCRP 500T c pack green	09188231190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa dựa trên mẫu tham chiếu của IRMM - Khoảng đo: 0,15-10 mg/L - Giới hạn dưới: 0,15 mg/L - Độ lập lại: CV:1,9% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,0% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định trên máy phân tích 24 tuần	Test	3.000	26.681	80.043.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
54	PP2600340426	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP	20766321322 CRP N CTRL 5X0,5ML	20766321322	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. - Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: CRP có nguồn gốc từ người - Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định	ml	50	561.787	28.089.350	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
55	PP2600340427	Hóa chất cho xét nghiệm Creatinin	Hóa chất cho xét nghiệm Creatinin	08057524214 CREP2 600 cobas c pack green	08057524214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo ID/MS - Khoảng đo: 5,0-2.700umol/L, - Giới hạn phát hiện : 5,0 umol/L, - Độ lập lại: CV:4,2%, - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:4,4%, - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE	Test	35.400	2.205	78.057.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
56	PP2600340429	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin (trong nước tiểu, dịch não tủy)	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin (trong nước tiểu, dịch não tủy)	08056722190 ALBT2 500T C 503	08056722190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa theo phương pháp của IRMM Định lượng albumin trong nước tiểu, huyết thanh, huyết tương và dịch não tủy người (tỷ lệ albumin dịch não tủy/huyết thanh) - Khoảng đo nước tiểu: 3-400 mg/L (0,05-6,08 µmol/L) - Giới hạn dưới: nước tiểu: 3 mg/L - Độ lập lại, mẫu nước tiểu: CV:1,6% - Độ tái lập/ Độ chụm trung gian: CV:9,5% - So sánh phương pháp: R : 0,99 -Độ ổn định trên máy phân tích 26 tuần	Test	2.500	15.120	37.800.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
57	PP2600340430	Đèn Halogen	Đèn Halogen	04813707001 HALOGEN LAMP	04813707001	Roche Diagnostics GmbH, Germany / Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Nhật Bản	Hitachi High-Tech Corporation, Japan	Nguồn điện: 12V, Công suất: 50W	Cái	20	7.552.440	151.048.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
58	PP2600340431	Điện cực xét nghiệm định lượng chloride	Điện cực xét nghiệm định lượng chloride	03246353001 CARTRIDGE CL	03246353001	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Nhật Bản	Hitachi High-Tech Corporation, Japan	Khoảng đo: - Huyết thanh, huyết tương: 60-140 mmol/L - Nước tiểu: 20-250 mmol/L	Cái	10	7.352.440	73.524.400	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
59	PP2600340432	Điện cực xét nghiệm định lượng kali	Điện cực xét nghiệm định lượng kali	10825441001 CARTRIDGE K	10825441001	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Nhật Bản	Hitachi High-Tech Corporation, Japan	Khoảng đo - Ứng dụng cho huyết thanh và huyết tương: K+ 1,5-10,0 mmol/L - Ứng dụng cho nước tiểu: K+ 3-100 mmol/L	Cái	10	7.431.986	74.319.860	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
60	PP2600340433	Điện cực xét nghiệm định lượng natri	Điện cực xét nghiệm định lượng natri	10825468001 CARTRIDGE NA	10825468001	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Nhật Bản	Hitachi High-Tech Corporation, Japan	Khoảng đo: - Ứng dụng cho huyết thanh và huyết tương: 80-180 mmol/L - Ứng dụng cho nước tiểu: 20-250 mmol/L	Cái	10	7.770.971	77.709.710	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
61	PP2600340434	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu	03149501001 REFERENCE ELECTRODE	03149501001	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Nhật Bản	Hitachi High-Tech Corporation, Japan	Ứng dụng cho huyết thanh và huyết tương: - Na+ 80-180 mmol/L - K+ 1,5-10,0 mmol/L - Cl- 60-140 mmol/L	Cái	10	10.717.821	107.178.210	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
62	PP2600340436	Cóng phản ứng	Cóng phản ứng	07700814001 Reaction Cell c 513	07700814001	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Nhật Bản	Hitachi High-Tech Corporation, Japan	Cóng phản ứng dùng cho hệ thống xét nghiệm sinh hóa, sử dụng trong bộ phận phân tích để ủ và đo độ hấp thụ quang học của hỗn hợp phản ứng	Cái	156	724.852	113.076.912	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
63	PP2600340437	Dung dịch bảo dưỡng cho điện cực ISE, ống và kim hút mẫu	Dung dịch bảo dưỡng cho điện cực ISE, ống và kim hút mẫu	04663632190 ACTIVATOR COBAS C/INTE/C111	04663632190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Thuốc bảo dưỡng khuyến cáo trong hoạt động bảo dưỡng hàng ngày cho điện cực ISE, ống và kim hút mẫu. Sau khi được đặt trên hệ thống, nó được hút tự động khi hoạt động bảo dưỡng được yêu cầu. Mục đích chính là hoạt hóa điện cực ISE, để phủ ống ISE và kim hút mẫu đảm bảo thao tác và việc hút mẫu được thực hiện đúng sau quy trình rửa hằng ngày	mL	216	35.788	7.730.208	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
64	PP2600340438	Dung dịch dùng để vệ sinh điện cực chọn lọc ion	Dung dịch dùng để vệ sinh điện cực chọn lọc ion	20763071122 Integra ISE DEPROTEINIZER	20763071122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Dung dịch vệ sinh sử dụng trên mô đun ISE để làm sạch điện cực chọn lọc ion, buồng trộn và hệ thống trong quá trình bảo dưỡng ISE. Nó cũng được sử dụng để rửa kim hút mẫu. Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm Natri hypochlorite (NaOCl): khoảng 1.2 %	mL	252	10.382	2.616.264	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
65	PP2600340439	Chất hiệu chuẩn điện cực xét nghiệm định lượng natri, kali, clo	Chất hiệu chuẩn điện cực xét nghiệm định lượng natri, kali, clo	09137742190 ISE Internal Standard Gen.2 conc.	09137742190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Được dùng để theo dõi điện thế cực nhằm định lượng natri, kali và clorua trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm Dung dịch đệm HEPES: 310 mmol/L Triethanolamine: 217 mmol/L Natri clorua: 95 mmol/L Natri axetat 45 mmol/L Kali clorua: 5 mmol/L	mL	7.650	5.590	42.763.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
66	PP2600340440	Thuốc thử xét nghiệm HBsAg	Thuốc thử xét nghiệm HBsAg	08814848190 Elecsys HBsAg II 300T e8	08814848190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa theo theo chuẩn của NIBSC (mã số: 00/588; Tiêu chuẩn Quốc tế Thứ hai của WHO áp dụng cho HBsAg, thể phụ adw2, di truyền kiểu A; IU/mL). - Sử dụng trên máy Cobas 8000 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh - Độ nhạy: :0,04U/mL cho các thể AD, AY. - Độ lặp lại: CV :3,3% (mẫu dương tính yếu). - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV :3,9% (mẫu dương tính yếu). -Độ nhạy 99,9% - Độ đặc hiệu trong một nhóm người hiến máu như sau: độ đặc hiệu IR là 99,91 %; độ đặc hiệu có phản ứng lặp lại (RR) là 99,98 %; Trong nhóm mẫu thường quy, độ đặc hiệu (IR và RR) là 99,88 % - Có khả năng phát hiện sớm các mẫu chuyển đổi huyết thanh	Test	30.000	28.269	848.070.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
67	PP2600340441	Chất chuẩn cho xét nghiệm HBsAg	Chất chuẩn cho xét nghiệm HBsAg	04687876190 PRECICTRL HBSAG 2 ELEC	04687876190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ PC HBSAGII1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với HBsAg; chất bảo quản Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0,0-0,80 ▪ PC HBSAGII2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng HBsAg (người) khoảng 0,2 IU/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 2,6-5,0	ml	624	86.487	53.967.888	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
68	PP2600340442	Thuốc thử xét nghiệm IgE	Thuốc thử xét nghiệm IgE	07027516214 Elecsys IgE II E2G 100T	07027516214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Chuẩn hóa theo phương pháp tham chiếu quốc tế WHO thứ 2 của IgE huyết thanh - Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" - Khoảng đo: 0,2-2500 IU/mL - Giới hạn phát hiện: 0,2 IU/mL - Độ lặp lại: CV:3,4 - Độ chụm trung gian: CV:4,0 - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE	Test	10.000	51.399	513.990.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
69	PP2600340443	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng IgE	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng IgE	11930427122 ELEC IgE CALSET	11930427122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất hiệu chuẩn IgE 1: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩn IgE 2: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 2 IgE (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 1 IU/mL hoặc 2,4 ng/mL và khoảng 100 IU/mL hoặc 240 ng/mL) trong huyết thanh ngựa; chất bảo quản,	ml	48	417.613	20.045.424	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
70	PP2600340444	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HAV	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HAV	08086664190 Elecsys Anti-HAV II 300T e8	08086664190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chuẩn hóa theo tiêu chuẩn Quốc tế thứ hai cho Kháng thể kháng viêm gan A, Globulinmiễn dịch,người. - Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch. - Độ lặp lại: CV:1,6% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,5% - Độ đặc hiệu phân tích: Không có phản ứng chéo với HBV, HCV, HIV, CMV, EBV, HSV,Toxoplasma gondii, Rubella, Mumps/Rubeola, Parvovirus B19 và Treponema pallidum - Độ nhạy 100% - Độ đặc hiệu 99,48% (n=577, nhóm người hiến máu); 99,66% (n=871, nhóm xét nghiệm định kỳ) - Chứng nhận CE	Test	10.500	69.388	728.574.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
71	PP2600340445	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HAV	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HAV	08086672190 PreciControl Anti-HAV II	08086672190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn Anti-HAV 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HAV; chất bảo quản ▪ Chất chuẩn Anti-HAV 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Kháng thể kháng HAV (người) khoảng 110 IU/L trong huyết thanh người; chất bảo quản.	ml	312	121.328	37.854.336	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
72	PP2600340446	Thuốc thử xét nghiệm Anti-HBs	Thuốc thử xét nghiệm Anti-HBs	08498610190 Elecsys Anti-HBs II 300T e8	08498610190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa theo Tiêu chuẩn Tham chiếu WHO thứ nhất số 1977 - Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 2,0-1000 IU/L - Giá trị dưới giới hạn phát hiện: 2,0 IU/L - Độ đặc hiệu phân tích: Không có phản ứng chéo với HAV, HCV, HEV, CMV, EBV, HIV, Rubella, Toxoplasma gondii, Treponema pallidum, viêm khớp dạng thấp, đáp ứng tự miễn hoặc bệnh gan do rượu được ghi nhận - Độ nhạy 100% - Độ đặc hiệu trong nhóm người hiến máu 99,78% trong nhóm mẫu thường quy 99,45% - Độ lặp lại: CV:4,6% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:6,9% - Chứng nhận CE	Test	30.000	28.269	848.070.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
73	PP2600340447	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs	11876317122 PRECICTL ANTI-HBS ELEC	11876317122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Chất chuẩn Anti-HBs 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBs; chất bảo quản. Khoảng nồng độ đích cho kháng thể kháng HBs: :5 IU/L ▪ Chất chuẩn Anti-HBs 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Kháng thể kháng HBs (người) khoảng 100 IU/L trong huyết thanh người; chất bảo quản. Khoảng nồng độ đích cho kháng thể kháng HBs: 60-150 IU/L	ml	624	86.487	53.967.888	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
74	PP2600340448	Thuốc thử xét nghiệm Anti-HBc	Thuốc thử xét nghiệm Anti-HBc	09014926190 Anti-HBc G2 E2G 300 V2	09014926190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	300 xét nghiệm/hộp. Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa theo theo nguyên liệu chuẩn tham chiếu của WHO cho kháng thể kháng HBc (NIBSC mã số 95/522) - Giới hạn phát hiện: :0,8 WHO IU/mL - Độ nhạy 100% - Độ đặc hiệu trong mẫu chẩn đoán thường quy/ bệnh nhân nhập viện là 100 % (giới hạn tin cậy 95 % (2 bên): 99,60-100 %), trên bệnh nhân thẩm phân máu 99,31 % (95 % giới hạn tin cậy (2 bên): 98,23-99,81 %) và trên phụ nữ có thai 100 % (95 % giới hạn tin cậy (2 bên): 99,62-100 %) - Độ lặp lại: CV:3,2 - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:7,3 - Có khả năng phát hiện sớm các mẫu chuyển đổi huyết thanh - Chứng nhận CE	Test	30.000	46.259	1.387.770.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
75	PP2600340449	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc	04927931190 PreciControl Anti-HBc II	04927931190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn Anti-HBc 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBc; chất bảo quản Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 1,15-3,4 ▪ Chất chuẩn Anti-HBc 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Kháng thể kháng HBc (người) khoảng 1 U/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0,15-0,95	ml	624	86.487	53.967.888	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
76	PP2600340450	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HCV	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HCV	09730788190 Anti-HCV G2 Elecsys E2G 100 V2	09730788190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	100 xét nghiệm/hộp. Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch. - Độ đặc hiệu lâm sàng: :99% - Độ nhạy lâm sàng: :99,99% - Độ lặp lại: CV:1.4 (mẫu dương tính yếu) - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2.3 (mẫu dương tính yếu) - Chứng nhận CE	Test	15.000	83.652	1.254.780.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
77	PP2600340452	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV	03290379190 PRECICONTROL ANTI HCV CE	03290379190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn Anti-HCV 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HCV; chất bảo quản Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0-0,3 ▪ Chất chuẩn Anti-HCV 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng kháng HCV (người) trong huyết thanh người; chất bảo quản Giá trị đích cho chỉ số ngưỡng: Anti-HCV II: khoảng 4	ml	520	117.376	61.035.520	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
78	PP2600340453	Thuốc thử xét nghiệm HBeAg	Thuốc thử xét nghiệm HBeAg	07027427190 Elecsys HBeAg_300	07027427190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- 300 xét nghiệm/hộp, phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch Chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quốc tế thứ nhất của WHO cho kháng nguyên e kháng vi rút viêm gan B - Độ nhạy ngưỡng: :0,3IU/mL - Độ đặc hiệu: 100% - Độ lặp lại: CV:1,6 (mẫu dương tính yếu) - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,1 (mẫu dương tính yếu) - Chứng nhận CE	Test	8.100	53.969	437.148.900	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
79	PP2600340454	Chất chuẩn cho xét nghiệm HBeAg	Chất chuẩn cho xét nghiệm HBeAg	11876376122 PRECICTRL HBEAG ELEC	11876376122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ PC HBEAG1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với HBeAg; chất bảo quản Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0-0,5 ▪ PC HBEAG2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng HBeAg (E.coli, rDNA) khoảng 2,5 IU/mL trong đệm HEPES), pH 7,4; chất bảo quản, Giá trị đích cho chỉ số ngưỡng: khoảng 13	ml	312	61.777	19.274.424	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
80	PP2600340455	Thuốc thử xét nghiệm Anti-HBe	Thuốc thử xét nghiệm Anti-HBe	07026838190 Elecsys Anti-HBe_300	07026838190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- 300 xét nghiệm/hộp, phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa theo tiêu chuẩn Quốc tế thứ nhất của WHO cho kháng nguyên e kháng kháng thể vi rút viêm gan B - Giới hạn phát hiện: :0,2 IU/mL - Độ đặc hiệu lâm sàng: :99,9% - Độ nhạy lâm sàng: :90% (mẫu đã từng nhiễm HBV), - Độ lặp lại: CV:1,1 (mẫu dương tính yếu) - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:1,5 (mẫu dương tính yếu) - Chứng nhận CE	Test	6.000	53.969	323.814.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
81	PP2600340456	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBe	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBe	11876384122 PRECICTL ANTI-HBE	11876384122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn Anti-HBe 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBe; chất bảo quản Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 1,2-2,1 ▪ Chất chuẩn Anti-HBe 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng Kháng thể kháng HBe (người) khoảng 0,25 IU/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0,30-0,90	ml	312	61.777	19.274.424	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
82	PP2600340457	Thuốc thử xét nghiệm Anti HAV IgM	Thuốc thử xét nghiệm Anti HAV IgM	07026773190 Anti-HAV IgM Elecsys E2G 300	07026773190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" - Độ đặc hiệu lâm sàng là 100 % (Giới hạn tin cậy 95 % là 99,7 - 100 %) - Độ nhạy lâm sàng: :98% (mẫu nhiễm HAV cấp) - Độ lặp lại: CV:2,8 - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:5,3 - Chứng nhận CE	Test	1.500	80.953	121.429.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
83	PP2600340458	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HAV IgM	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HAV IgM	11876368122 PRECTL ANTIHAV IGM ELEC	11876368122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Chất chuẩn Anti-HAV IgM 1: 8 chai, mỗi chai chứa 0,67 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng HAV; chất bảo quản ▪ Chất chuẩn Anti-HAV IgM 2: 8 chai, mỗi chai chứa 0,67 mL huyết thanh chứng Kháng thể IgM kháng HAV (người) khoảng 3 U/mL) trong huyết thanh người; chất bảo quản	ml	75	227.745	17.080.875	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
84	PP2600340459	Thuốc thử xét nghiệm Anti-HBc IgM	Thuốc thử xét nghiệm Anti-HBc IgM	07026811190 Elecsys Anti-HBc IgM_300	07026811190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" Chuẩn hóa theo “HBc Reference Serum 84 (anti-HBc IgM)” của Viện Paul-Ehrlich, Langen (Đức) - Độ nhạy ngưỡng: 100 PEI U/mL - Độ đặc hiệu 100% - Độ lặp lại: CV:3,1 (mẫu dương tính yếu) - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,4 (mẫu dương tính yếu) - Chứng nhận CE	Test	600	64.248	38.548.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
85	PP2600340460	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc IgM	Chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc IgM	11876333122 PRECICTRL HBC IGM ELEC	11876333122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn Anti-HBc IgM 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng HBc; chất bảo quản ▪ Chất chuẩn Anti-HBc IgM 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Kháng thể IgM kháng HBc (người) : 130 U/mL (đơn vị Viện Paul-Ehrlich) trong huyết thanh người; chất bảo quản Giá trị đích cho chỉ số ngưỡng: khoảng 2,50	ml	96	187.123	17.963.808	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
86	PP2600340461	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng Syphilis	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng Syphilis	09015051190 Syphilis Elecsys E2G 300 V2	09015051190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	-Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Độ đặc hiệu lâm sàng: : 99% - Độ nhạy lâm sàng: : 99,96% - Độ lặp lại: CV:2,9 đối với mẫu dương tính - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,6 - Chứng nhận CE	Test	9.000	43.549	391.941.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
87	PP2600340462	Chất chuẩn cho xét nghiệm Syphilis	Chất chuẩn cho xét nghiệm Syphilis	06923364190 Syphilis PC Elecsys	06923364190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất chuẩn Syphilis 1: 2 chai, mỗi chai 2,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng -Treponema pallidum; chất bảo quản. Giá trị đích cho chỉ số ngưỡng: khoảng 0,15 ▪ Chất chuẩn Syphilis 2: 2 chai, mỗi chai 2,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, dương tính với kháng thể kháng -Treponema pallidum; chất bảo quản. Giá trị đích cho chỉ số ngưỡng: khoảng 5,00	ml	120	172.640	20.716.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
88	PP2600340463	Thuốc thử xét nghiệm Testosterone	Thuốc thử xét nghiệm Testosterone	08946370190 Elec Testosterone G2 300T e8	08946370190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch. - Chuẩn hóa theo phương pháp ID GC/MS - Khoảng đo: 0,025-15,0 ng/mL - Giới hạn phát hiện: 0,025 ng/mL - Độ lặp lại: CV:5,7%, - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:11,5% - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE - Đóng gói: 300 xét nghiệm/hộp	Test	600	41.633	24.979.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
89	PP2600340464	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Testosterone	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Testosterone	05202230190 TESTOSTERONE II CS	05202230190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất hiệu chuẩn Testosterone1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩnTestosterone 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 Testosterone (từ thực vật) với hai khoảng nồng độ (khoảng 0,4 ng/mL hoặc 40 ng/dL hoặc 1,4 nmol/L và khoảng 11,5 ng/mL hoặc 1150 ng/dL hoặc 40 nmol/L) trong huyết thanh người	ml	20	321.241	6.424.820	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
90	PP2600340465	Thuốc thử xét nghiệm PSA toàn phần	Thuốc thử xét nghiệm PSA toàn phần	09744860190 Total PSA Elecsys E2G 100	09744860190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa theo tiêu chuẩn tham chiếu Stanford/WHO số 96/670 - Khoảng đo: 0,006-100 ng/mL - Giới hạn phát hiện: 0,01 ng/mL - Độ lặp lại: CV:4,8% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:5,1% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE	Test	6.000	64.248	385.488.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
91	PP2600340466	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA	08838534190 TOTAL PSA CS ELECSYS V3	08838534190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất hiệu chuẩn PSA 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 Chất hiệu chuẩn PSA 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 PSA (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 0 ng/mL và khoảng 60 ng/mL) trong huyết thanh người	ml	48	321.241	15.419.568	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
92	PP2600340468	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	09043292190 Elecsys CalSet FT4 IV	09043292190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất hiệu chuẩn định lượng FT4 1: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩn định lượng FT4 2: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 2 L-thyroxine với hai khoảng nồng độ (khoảng 10 pmol/L hoặc 0,78 ng/dL và khoảng 45 pmol/L hoặc 3,5 ng/dL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò)	ml	48	321.241	15.419.568	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
93	PP2600340469	Thuốc thử xét nghiệm FT3	Thuốc thử xét nghiệm FT3	09005811214 Elecsys FT3 G3 300T e8	09005811214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa: có thể truy nguyên theo xét nghiệm FT3 đã được chuẩn hóa bằng thẩm tách cân bằng - Khoảng đo: 0,6-50 pmol/L - Giới hạn phát hiện: 0,6 pmol/L - Độ lặp lại: CV:5,3% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:5,3% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE	Test	7.500	28.269	212.017.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
94	PP2600340470	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT3	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT3	09077871190 Elecsys FT3 G3 CS V2	09077871190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Là huyết thanh người đông khô chứa T3 với hai khoảng nồng độ Các chai CalSet có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Chất hiệu chuẩn FT3 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩn FT3 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 FT3 với hai khoảng nồng độ (khoảng 2 pmol/L hoặc 1,3 pg/mL và khoảng 40 pmol/L hoặc 26 pg/mL) trong huyết thanh người	ml	48	321.241	15.419.568	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
95	PP2600340471	Thuốc thử xét nghiệm T3	Thuốc thử xét nghiệm T3	09007733214 Elecsys T3 300T e8	09007733214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa: theo tiêu chuẩn tham chiếu bằng cách thêm T3 vào huyết thanh người không có chất phân tích - Khoảng đo: 0,3-10 nmol/L - Giới hạn phát hiện: 0,3 nmol/L - Độ lặp lại: CV:4,7% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:6,5% - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE	Test	2.100	28.269	59.364.900	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
96	PP2600340472	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm T3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm T3	11731548122 T3 CS ELECSYS KIT	11731548122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất hiệu chuẩn T3 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩn T3 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 T3 với hai khoảng nồng độ (khoảng 1,25 nmol/L hoặc 0,8 ng/mL và khoảng 8,5 nmol/L hoặc 5,5 ng/mL) trong huyết thanh người	ml	48	321.241	15.419.568	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
97	PP2600340473	Thuốc thử xét nghiệm T4	Thuốc thử xét nghiệm T4	09007784214 Elecsys T4 300T e8	09007784214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch, - Chuẩn hóa: đã được kiểm tra bằng ID-GC/MS - Khoảng đo: 5,4-320 nmol/L - Giới hạn phát hiện: 5,4 nmol/L - Độ lặp lại: CV:3,3% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:7,2% - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE	Test	2.100	28.269	59.364.900	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
98	PP2600340474	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm T4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm T4	12017717122 T4 CS GEN.2 ELEC	12017717122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất hiệu chuẩn T4 1: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩn T4 2: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 2 L-thyroxine với hai khoảng nồng độ (khoảng 50 nmol/L hoặc 3,9 µg/dL và khoảng 230 nmol/L hoặc 17,9 µg/dL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò)	ml	48	321.241	15.419.568	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
99	PP2600340475	Thuốc thử xét nghiệm TSH	Thuốc thử xét nghiệm TSH	08443432214 TSH Elecsys E2G 300 V2	08443432214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa: theo tiêu chuẩn tham chiếu IRP WHO thứ 2 số 80/558 - Khoảng đo: 0,005-100 uIU/mL - Giới hạn phát hiện: 0,005uIU/mL - Độ lặp lại: CV:3,4% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:11,2% - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE	Test	8.100	28.269	228.978.900	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
100	PP2600340476	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	08443459190 TSH CS Elecsys V3	08443459190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất hiệu chuẩn TSH 1: 2 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩn TSH 2: 2 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL mẫu chuẩn 2 Nồng độ của TSH Cal1 trong huyết thanh ngựa khoảng 0 µIU/mL; TSH Cal2 chứa khoảng 1,5 µIU/mL TSH (người) trong huyết thanh người	ml	78	247.108	19.274.424	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
101	PP2600340477	Thuốc thử xét nghiệm Cortisol	Thuốc thử xét nghiệm Cortisol	07027150190 Elecsys Cortisol II	07027150190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa: theo IRMM - Khoảng đo: 0,054-63,4 ug/dL - Giới hạn phát hiện: 0,054 ug/dL - Độ lặp lại: CV:5,5% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:7,8% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE	Test	600	41.633	24.979.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
102	PP2600340478	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cortisol	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cortisol	06687750190 Cortisol G2 CS Elecsys	06687750190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất hiệu chuẩn Cortisol 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩn Cortisol 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 Cortisol (tổng hợp) với hai khoảng nồng độ (khoảng 12,5 nmol/L hoặc 0,45 µg/dL và khoảng 1000 nmol/L hoặc 36 µg/dL) trong huyết thanh người.	ml	20	385.490	7.709.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
103	PP2600340479	Thuốc thử xét nghiệm SCC	Thuốc thử xét nghiệm SCC	07028253190 SCC Elecsys E2G 100	07028253190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 0,1-70 ng/mL - Giới hạn phát hiện: 0,2 ng/mL - Độ lặp lại: CV:3,8% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:4,2% - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE	Test	5.000	105.437	527.185.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
104	PP2600340480	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm SCC	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm SCC	07126999190 SCC CS Elecsys	07126999190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất hiệu chuẩn SCC 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 Chất hiệu chuẩn SCC 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 SCC (tái tổ hợp từ E.coli) ở hai khoảng nồng độ (< 1,5 ng/mL và khoảng 20 ng/mL) trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản	ml	48	1.285.013	61.680.624	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
105	PP2600340481	Thuốc thử xét nghiệm CEA	Thuốc thử xét nghiệm CEA	09755616190 CEA Elecsys E2G 100 V1	09755616190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 0,3- 1000 ng/mL - Giới hạn phát hiện: 0,6 ng/mL - Độ lặp lại: CV:2,8% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,3% - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE	Test	8.000	46.259	370.072.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
106	PP2600340482	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	11731645322 CEA CALSET GEN.2	11731645322	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất hiệu chuẩn CEA 1: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 1 Chất hiệu chuẩn CEA 2: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 2 CEA (người, từ canh cấy tế bào) với hai khoảng nồng độ (khoảng 5 ng/mL và khoảng 50 ng/mL) trong hỗn hợp đệm/protein, 1 ng/mL CEA tương ứng với 16,9 mIU/mL	ml	48	321.241	15.419.568	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
107	PP2600340483	Thuốc thử xét nghiệm CA 19-9	Thuốc thử xét nghiệm CA 19-9	07027028214 Elecsys CA 19-9	07027028214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 2,0- 1.000 U/mL - Giới hạn phát hiện: : 2,0 U/mL - Độ lặp lại: CV:2,7% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,0% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE	Test	6.000	80.953	485.718.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
108	PP2600340484	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9	11776215122 CA 19-9 CALSET	11776215122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất hiệu chuẩn CA 19-9 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 Chất hiệu chuẩn CA 19-9 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 CA 19-9 (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 20 U/mL và khoảng 250 U/mL) trong huyết thanh người; chất bảo quản	ml	48	385.490	18.503.520	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
109	PP2600340485	Thuốc thử xét nghiệm CA 125	Thuốc thử xét nghiệm CA 125	09755586190 CA 125 G2 Elecsys E2G 100 V1	09755586190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 0,6- 5.000 U/mL - Giới hạn phát hiện: 1,2 U/mL - Độ lặp lại: CV:2,7% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,4% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE	Test	5.000	80.953	404.765.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
110	PP2600340486	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125	07030207190 CA 125 G2 CS G2 Elecsys	07030207190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất hiệu chuẩn CA 125 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 Chất hiệu chuẩn CA 125 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 Nồng độ của CA 125 người trong huyết thanh ngựa (CA125 II Cal1) là 0 U/mL; CA125 II Cal2 chứa khoảng 500 U/mL CA 125 người trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản	ml	48	385.490	18.503.520	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
111	PP2600340487	Thuốc thử xét nghiệm CA 72-4	Thuốc thử xét nghiệm CA 72-4	09744525190 CA 72-4 Elecsys E2G 100 V2	09744525190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 0,5-250 U/mL - Giới hạn phát hiện: 1 U/mL - Độ lặp lại: CV:2,0% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,0% - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE	Test	6.000	80.953	485.718.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
112	PP2600340488	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CA 72-4	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CA 72-4	09175130190 CA 72-4 CS Elecsys V2	09175130190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất hiệu chuẩn CA 72 -4 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 Chất hiệu chuẩn CA 72 -4 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 CA 72-4 (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 1 U/mL và khoảng 70 U/mL) trong huyết thanh người; chất bảo quản	ml	48	484.132	23.238.336	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
113	PP2600340489	Thuốc thử xét nghiệm CYFRA 21-1	Thuốc thử xét nghiệm CYFRA 21-1	07299966214 Elecsys Cyfra 21-1	07299966214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 0,100-500 ng/mL - Giới hạn phát hiện: :0,3 ng/mL - Độ lặp lại: CV:3,0% - Độ chụm trung gian: CV:3,4% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE	Test	6.000	64.248	385.488.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
114	PP2600340490	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA 21-1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA 21-1	11820974322 CYFRA CALSET 2 ELEC	11820974322	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất hiệu chuẩn CYFRA 21-1 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩn CYFRA 21-1 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 Cytokeratin (người, từ dòng tế bào MCF-7) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 0 ng/mL và khoảng 50 ng/mL) trong huyết thanh người	ml	48	481.862	23.129.376	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
115	PP2600340491	Thuốc thử xét nghiệm CA 15_3	Thuốc thử xét nghiệm CA 15_3	09755594190 CA 15-3 G2 Elecsys E2G 100 V1	09755594190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 1,5-300 U/mL - Giới hạn phát hiện: :1,5 U/mL - Độ lặp lại: CV:4,5% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:12,2% - So sánh phương pháp: R :0,96 - Chứng nhận CE - Độ ổn định của thuốc thử trên hệ thống: 16 tuần	Test	5.000	80.953	404.765.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
116	PP2600340492	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15_3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15_3	03045846122 CA 15-3 II CS ELEC	03045846122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất hiệu chuẩn CA 15-3 1: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 1 Chất hiệu chuẩn CA 15-3 2: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 2 CA 15-3 (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 15 U/mL và khoảng 100 U/mL) trong huyết thanh người	ml	48	385.490	18.503.520	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
117	PP2600340493	Chất chuẩn cho xét nghiệm SCC, ProGRP, Cyfra 21-1, NSE	Chất chuẩn cho xét nghiệm SCC, ProGRP, Cyfra 21-1, NSE	07360070190 PreciControl LC Elec. cobasE	07360070190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất chuẩn LC 1: 2 chai, mỗi chai 3,0 mL huyết thanh chứng Chất chuẩn LC 2: 2 chai, mỗi chai 3,0 mL huyết thanh chứng	ml	144	252.302	36.331.488	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
118	PP2600340494	Chất chuẩn cho các xét nghiệm ung thư	Chất chuẩn cho các xét nghiệm ung thư	11776452122 PRECICTR TUMOR MARKER ELEC	11776452122	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất chuẩn TM1: 2 chai, mỗi chai 3,0 mL huyết thanh chứng (người) Chất chuẩn TM2: 2 chai, mỗi chai 3,0 mL huyết thanh chứng (người)	ml	480	235.577	113.076.960	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
119	PP2600340495	Thuốc thử xét nghiệm AFP (alpha1_fetoprotein)	Thuốc thử xét nghiệm AFP (alpha1_fetoprotein)	09015124214 AFP Elecsys E2G 300	09015124214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa: đã được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn tham chiếu IRP WHO thứ nhất số 72/225 - Khoảng đo: 0,75 - 1000 IU/mL - Giới hạn phát hiện: 1,5 IU/mL - Độ lặp lại: CV:4,1% - Độ chụm trung gian: CV:4.2% - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định của thuốc thử trên hệ thống: 16 tuần	Test	12.000	41.633	499.596.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
120	PP2600340496	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP (alpha1_fetoprotein)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP (alpha1_fetoprotein)	09227261190 AFP G2 CS Elecsys V3	09227261190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất hiệu chuẩn AFP 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 Chất hiệu chuẩn AFP 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 AFP (người, từ canh cấy tế bào) với hai khoảng nồng độ (khoảng 5 IU/mL hoặc 6 ng/mL và khoảng 50 IU/mL hoặc 60 ng/mL) trong huyết thanh người	ml	48	321.241	15.419.568	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
121	PP2600340497	Thuốc thử xét nghiệm HCG, beta-HCG	Thuốc thử xét nghiệm HCG, beta-HCG	09744428190 HCG+beta Elecsys E2G 100 V1	09744428190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa: đã được chẩn hóa theo tiêu chuẩn Quốc tế thứ 4 cho kích tố sinh dục màng đệm từ Viện Quốc gia về Chuẩn Sinh học và Chứng (NIBSC) - Khoảng đo: 0,2 - 10.000 mIU/mL - Giới hạn phát hiện: 0,2 mIU/mL - Độ lặp lại: CV:4,2% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:6,3% - So sánh phương pháp: R :0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định của thuốc thử trên hệ thống: 16 tuần	Test	500	42.446	21.223.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
122	PP2600340498	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HCG, beta-HCG	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HCG, beta-HCG	03302652190 HCG+BETA II CS ELEC	03302652190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	HCG+β Cal1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ HCG+β Cal2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 Kích tố sinh dục màng đệm của người (từ nước tiểu) với hai khoảng nồng độ (khoảng 1,5 mIU/mL và khoảng 2000 mIU/mL) trong đệm huyết thanh người	ml	48	321.241	15.419.568	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
123	PP2600340499	Thuốc thử xét nghiệm Ferritin	Thuốc thử xét nghiệm Ferritin	07027273214 Elecsys Ferritin 300T	07027273214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 0,5 - 2.000 ng/mL - Giới hạn phát hiện: 0,5 ng/mL - Độ lặp lại: CV:6,4% - Độ chụm trung gian: CV:7,1% - So sánh phương pháp: R : 0,99 - Chứng nhận CE - Độ ổn định của thuốc thử trên hệ thống: 16 tuần	Test	3.000	46.259	138.777.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
124	PP2600340500	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ferritin	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ferritin	03737586190 FERRITIN CALSET	03737586190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất hiệu chuẩn Ferritin 1: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Chất hiệu chuẩn Ferritin 2: 2 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chuẩn 2 Ferritin (người, gan) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 10 µg/L hoặc ng/mL và khoảng 300 µg/L hoặc ng/mL) trong hỗn hợp huyết thanh người	ml	48	321.241	15.419.568	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
125	PP2600340501	Thuốc thử xét nghiệm Rubella IgG	Thuốc thử xét nghiệm Rubella IgG	07027770190 Elecsys Rubella IgG_300	07027770190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Chuẩn hóa: đã được chẩn hóa theo tiêu chuẩn Quốc tế thứ nhất cho Immunglobulin kháng Rubella, người, mã số RUBI-1-94, từ Viện Quốc gia về Tiêu chuẩn và Kiểm soát Sinh học, (NIBSC), Hertfordshire, Anh Quốc - Khoảng đo: 0,21 - 500 IU/mL - Giới hạn phát hiện: 0,21 IU/mL - Độ lặp lại: CV:5,4% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:7% - So sánh phương pháp: + Độ nhạy tương đối: : 99% + Độ đặc hiệu tương đối: : 97% - Chứng nhận CE - Độ ổn định của thuốc thử trên hệ thống: 16 tuần	Test	1.200	56.538	67.845.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
126	PP2600340502	Chất chuẩn cho xét nghiệm Rubella IgG	Chất chuẩn cho xét nghiệm Rubella IgG	04618807190 PRECTL RUBELLA IGG ELEC	04618807190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn Rubella IgG 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính đến dương tính yếu với kháng thể IgG kháng Rubella (khoảng 4 IU/mL); chất bảo quản, ▪ Chất chuẩn Rubella IgG 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgG kháng Rubella (khoảng 75 IU/mL); chất bảo quản	ml	80	112.434	8.994.720	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
127	PP2600340503	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgM	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgM	09755837190 Rubella IgM Elecsys E2G 100 V1	09755837190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Độ lặp lại: CV:1,0% (mẫu dương tính yếu) - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:1,5% (mẫu dương tính yếu) - Độ đặc hiệu tương đối::98% - Độ nhạy lâm sàng::80% - Chứng nhận CE - Độ ổn định của thuốc thử trên hệ thống: 16 tuần	Test	1.200	88.200	105.840.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
128	PP2600340504	Chất chuẩn cho xét nghiệm Rubella IgM	Chất chuẩn cho xét nghiệm Rubella IgM	09787518190 Rubella IgM PreciControl Elecsys V2	09787518190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Chất chuẩn Rubella IgM 1: 4 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng Rubella; chất bảo quản ▪ Chất chuẩn Rubella IgM 2: 4 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgM Rubella; chất bảo quản	ml	80	235.577	18.846.160	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
129	PP2600340505	Thuốc thử xét nghiệm Toxo IgG	Thuốc thử xét nghiệm Toxo IgG	07028008190 Elecsys Toxo IgG_300	07028008190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch Chuẩn hóa: theo tiêu chuẩn Quốc tế thứ 3 cho huyết thanh chứa kháng thể kháng Toxoplasma (TOXM) của NIBSC -Khoảng đo: 0.18-650 IU/mL -Giới hạn phát hiện: 0,18 IU/mL -Độ lặp lại: CV:5,8% -Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:7,7% -Độ đặc hiệu phân tích::97,8% -Độ đặc hiệu tương đối::98,8% -Độ nhạy tương đối: :99,5% -Chứng nhận CE - Độ ổn định của thuốc thử trên hệ thống: 16 tuần	Test	1.200	56.538	67.845.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
130	PP2600340506	Chất chuẩn cho xét nghiệm Toxo IgG	Chất chuẩn cho xét nghiệm Toxo IgG	04618823190 PRECICRTL TOXO IGG ELEC	04618823190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn Toxo IgG 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính đến dương tính yếu với kháng thể IgG kháng Toxo (khoảng 1 IU/mL); chất bảo quản ▪ Chất chuẩn Toxo IgG 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgG kháng Toxo (khoảng 50 IU/mL); chất bảo quản	ml	160	112.434	17.989.440	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
131	PP2600340507	Thuốc thử xét nghiệm Toxo IgM	Thuốc thử xét nghiệm Toxo IgM	09755861190 Toxo IgM Elecsys E2G 100 V1	09755861190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Độ lặp lại: CV:1,8% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,4% - Độ nhạy: 95,3%-98,8% - Độ đặc hiệu:98,8%-99,7% - Chứng nhận CE	Test	1.200	88.200	105.840.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
132	PP2600340508	Chất chuẩn cho xét nghiệm Toxo IgM	Chất chuẩn cho xét nghiệm Toxo IgM	04618866190 PRECICTRL TOXO IGM ELEC	04618866190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn Toxo IgM 1: 8 chai, mỗi chai chứa 0,67 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng Toxo; chất bảo quản. ▪ Chất chuẩn Toxo IgM 2: 8 chai, mỗi chai chứa 0,67 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgM kháng Toxo khoảng 125 U/mL; chất bảo quản	ml	208	167.812	34.904.896	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
133	PP2600340509	Thuốc thử xét nghiệm CMV IgG	Thuốc thử xét nghiệm CMV IgG	09118551190 Elecsys CMV IgG E2G 300	09118551190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Khoảng đo: 0,25-500 U/mL - Độ lặp lại: CV:3,1% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:3,2% - Độ đặc hiệu phân tích::96% - Tương đồng tổng thể : 96,6% - Tương đồng với xét nghiệm so sánh: :90% - Chứng nhận CE	Test	600	51.399	30.839.400	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
134	PP2600340510	Chất chuẩn cho xét nghiệm CMV IgG	Chất chuẩn cho xét nghiệm CMV IgG	04784600190 ELECSYS PRECICONTROL CMV IGG	04784600190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn CMV IgG 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chứng huyết thanh Huyết thanh người, dương tính yếu với kháng thể IgG kháng CMV (khoảng 1,5 U/mL); chất bảo quản ▪ Chất chuẩn CMV IgG 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chứng huyết thanh Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgG kháng CMV (khoảng 25 U/mL); chất bảo quản	ml	96	183.911	17.655.456	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
135	PP2600340511	Thuốc thử xét nghiệm CMV IgM	Thuốc thử xét nghiệm CMV IgM	07027133190 Elecsys CMV IgM_300	07027133190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Độ lặp lại: CV:1,6% đối với mẫu dương tính thấp - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:2,9% đối với mẫu dương tính thấp - Độ đặc hiệu phân tích::92,3% - Độ nhạy trong nhiễm trùng nguyên phát::91,2% - Độ đặc hiệu tương đối trong đã từng nhiễm: : 84,0% - Độ đặc hiệu trong các mẫu âm tính: :98% - Độ đặc hiệu tương đối sau phân tích: :97,0% - Chứng nhận CE	Test	600	77.098	46.258.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
136	PP2600340512	Chất chuẩn cho xét nghiệm CMV IgM	Chất chuẩn cho xét nghiệm CMV IgM	04784626190 ELECSYS PRECICONTROL CMV IGM	04784626190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	▪ Chất chuẩn CMV IgM 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng CMV; chất bảo quản ▪ Chất chuẩn CMV IgM 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgM kháng CMV, đệm HEPES, pH 7,4; albumin bò; chất bảo quản	ml	96	183.911	17.655.456	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
137	PP2600340513	Thuốc thử xét nghiệm PIVKA II	Thuốc thử xét nghiệm PIVKA II	09015043190 PIVKAII Elecsys E2G 300 V2	09015043190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	- Phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Chuẩn hóa: theo des-γ-carboxy prothrombin tái tổ hợp tinh khiết từ canh cấy tế bào - Khoảng đo: 3,5-12.000 ng/mL - Giới hạn phát hiện: :3,5 ng/mL - Độ lặp lại: CV:2,2% - Độ tái lập/ Độ chính xác trung gian: CV:6,9% - Chứng nhận CE - Độ ổn định của thuốc thử trên hệ thống: 16 tuần	Test	6.500	393.593	2.558.354.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
138	PP2600340514	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PIVKA II	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PIVKA II	08333637190 PIVKAII CS Elecsys	08333637190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất hiệu chuẩn PIVKA-II 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 Chất hiệu chuẩn PIVKA-II 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2 PIVKA-II (tái tổ hợp, từ canh cấy tế bào, cũng được gọi là des-γ-carboxy prothrombin [DCP]) ở hai khoảng nồng độ (khoảng 12 ng/mL và khoảng 2300 ng/mL) trong một hỗn hợp huyết thanh ngựa; chất bảo quản	ml	20	390.699	7.813.980	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
139	PP2600340515	Chất chuẩn cho xét nghiệm PIVKA II	Chất chuẩn cho xét nghiệm PIVKA II	08333645190 HCC PC Elecsys	08333645190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất chuẩn HCC 1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL huyết thanh chứng Chất chuẩn HCC 2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL huyết thanh chứng Protein được tạo do thiếu vitamin K hoặc antagonist-II (PIVKA-II) (tái tổ hợp, từ canh cấy tế bào, cũng được gọi là des-γ-carboxy prothrombin [DCP]) ở hai khoảng nồng độ (khoảng 23 ng/mL và khoảng 350 ng/mL) trong một hỗn hợp huyết thanh ngựa	ml	48	955.041	45.841.968	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
140	PP2600340516	Chất pha loãng cho các xét nghiệm miễn dịch	Chất pha loãng cho các xét nghiệm miễn dịch	07299010190 Diluent MultiAssay E2G	07299010190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Pha loãng mẫu cần thiết trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm tương ứng (ví dụ như: TSH, Troponin T hs, IL 6). Hoặc tiền pha loãng mẫu nói chung cho một số xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: Đệm huyết thanh ngựa; chất bảo quản	ml	144	65.038	9.365.472	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
141	PP2600340517	Chất pha loãng cho các xét nghiệm ung thư	Chất pha loãng cho các xét nghiệm ung thư	07299001190 Diluent Universal E2G	07299001190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	36mL Pha loãng mẫu cần thiết trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm tương ứng. Hơn nữa, tiền pha loãng mẫu nói chung được chỉ định cho một số xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: Hỗn hợp protein; chất bảo quản	ml	1.800	70.584	127.051.200	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
142	PP2600340518	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng: IgE, T3,T4,TSH	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng: IgE, T3,T4,TSH	11731416190 PRECICTRL UNIVERSAL ELEC	11731416190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Chất chuẩn U1: 2 chai để pha 2 x 3,0 mL mẫu chứng huyết thanh (người) ▪ Chất chuẩn U2: 2 chai để pha 2 x 3,0 mL mẫu chứng huyết thanh (người)	ml	480	128.497	61.678.560	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
143	PP2600340519	Dung dịch làm sạch cho hệ thống ISE	Dung dịch làm sạch cho hệ thống ISE	11298500316 ISE CLEANING SOL.	11298500316	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	5x100mL dung dịch làm sạch cho hệ thống ISE Dung dịch natri hydroxide: 3 mol/L với dung dịch natri hypochlorite < 2 % Cl hoạt tính	Hộp	20	1.712.062	34.241.240	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
144	PP2600340520	Dung dịch rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch	04880293214 CleanCell M	04880293214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	2x2L dung dịch rửa bộ phát hiện trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Rửa hệ thống ống và cốc đo sau mỗi lần đo và điều chỉnh điện cực, Dung dịch còn dùng để rửa kim hút thuốc thử của máy phân tích sau khi hút	Hộp	300	2.002.140	600.642.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
145	PP2600340521	Cốc mẫu dùng để chạy QC, calib, nước tiểu, ngoại kiểm, các mẫu bệnh phẩm	Cốc mẫu dùng để chạy QC, calib, nước tiểu, ngoại kiểm, các mẫu bệnh phẩm	10394246001 COBAS SAMPLE CUP 5000PCS	10394246001	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Weidmann Medical Technology AG, Switzerland	5000 cái/thùng, cốc mẫu dùng để chạy QC, calib, nước tiểu, ngoại kiểm, các mẫu bệnh phẩm không quét code tự động trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Thùng	5	1.763.460	8.817.300	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
146	PP2600340522	Cúp và típ dùng hút mẫu, chất nội kiểm và chất chuẩn trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch	Cúp và típ dùng hút mẫu, chất nội kiểm và chất chuẩn trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch	05694302001 AssayTip/AssayCup tray	05694302001	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Balda Medical GmbH, Germany	Cúp và típ dùng hút mẫu, chất nội kiểm và chất chuẩn trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Thùng	110	4.236.908	466.059.880	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
147	PP2600340523	Thuốc thử xét nghiệm HCV Duo	Thuốc thử xét nghiệm HCV Duo	08110697190 Elecsys HCV Duo	08110697190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Xét nghiệm miễn dịch để phát hiện định tính in vitro kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan C (HCV) (HCV Ag) và kháng thể kháng HCV trong huyết thanh và huyết tương người. - Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang -Thời gian xét nghiệm (phút):27 phút - Độ nhạy: Độ nhạy chẩn đoán là 100%. - Độ đặc hiệu: Nhóm người hiến máu (n = 20634): 99,94% Mẫu từ thường quy (n = 2531): 99,92%	Test	3.000	128.625	385.875.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
148	PP2600340524	Chất chuẩn xét nghiệm HCV Duo	Chất chuẩn xét nghiệm HCV Duo	08335923190 PreciControl HCV Duo	08335923190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Chất chuẩn HCV Duo 1: 5 chai, mỗi chai chứa 2,0 mL mẫu chứng được tạo ra từ huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HCV và HCV-core-Ag; chất bảo quản. Chất chuẩn HCV Duo 2: 5 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chứng dương tính với HCV-core-Ag (tái tổ hợp) trong dung dịch đệm; chất bảo quản. Chất chuẩn HCV Duo 3: 5 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL mẫu chứng được tạo ra từ huyết thanh người, dương tính với kháng thể kháng HCV; chất bảo quản.	mL	40	121.275	4.851.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
149	PP2600340525	Dung dịch dùng để phát tín hiệu điện hóa	Dung dịch dùng để phát tín hiệu điện hóa	06908799214 ProCell M G2 2x2L Elec.	06908799214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	Đệm phosphate 300 mmol/L; tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy :0,1 %; pH 6,8	Hộp	600	1.689.030	1.013.418.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
150	PP2600340526	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch	06908853214 PreClean II M 2x2 L	06908853214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Đệm phosphat 10 mmol/L; natri clorua 20 mmol/L; chất tẩy rửa :0,1%; chất bảo quản; pH 7	Hộp	825	983.430	811.329.750	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
151	PP2600340527	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	CELLPACK DCL	ZPPCT661628	ZPPCT661628	2026 trở về sau	Singapore	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Công dụng: dùng để đo lường số lượng và kích thước của hồng cầu và tiểu cầu bằng phương pháp tập trung dòng chảy thuỷ động học. Khi bổ sung thuốc thử ly giải được chỉ định để xác định nồng độ hemoglobin, thuốc thử cũng có thể được sử dụng để phân tích nồng độ hemoglobin. Ngoài ra, còn thể được dùng làm dòng dung dịch bao bên ngoài (sheath fluid) cho buồng đo FCM. Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học của Sysmex Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium chloride 0,7%; Tris buffer 0,2%; EDTA-2K 0,02% Đóng gói: 20 lít/thùng	Thùng	100	3.150.000	315.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
152	PP2600340528	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng trong hệ thống huyết học tự động	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng trong hệ thống huyết học tự động	SULFOLYSER	P90411317	P90411317	2026 trở về sau	Singapore	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Công dụng: sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu Sử dụng trên các máy xét nghiệm huyết học tự động của Sysmex Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1,7 g/L Đóng gói: 500mlx3/hộp	Hộp	20	5.967.000	119.340.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
153	PP2600340529	Hóa chất ly giải dùng cho kênh đo hồng cầu nhân trên hệ thống huyết học tự động	Hóa chất ly giải dùng cho kênh đo hồng cầu nhân trên hệ thống huyết học tự động	Lysercell WNR	ZPPBL121531	ZPPBL121531	2026 trở về sau	Singapore	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Công dụng: thuốc thử được kết hợp và sử dụng với Fluorocell WNR. Bằng cách ly giải các tế bào hồng cầu bằng Lysercell WNR và bằng việc phân loại nhóm các tế bào bạch cầu bằng Fluorocel WNR. Số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu ái kiềm, tỷ lệ bạch cầu ái kiềm, số lượng hồng cầu nhân và tỷ lệ hồng cầu nhân được phân tích. Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0,20%; Nonionic surfactant 0,10% Đóng gói: 5 lít/thùng	Lít	70	770.234	53.916.380	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
154	PP2600340530	Hóa chất ly giải dùng cho kênh đo bạch cầu trên hệ thống huyết học tự động	Hóa chất ly giải dùng cho kênh đo bạch cầu trên hệ thống huyết học tự động	Lysercell WDF	ZPPAL337564	ZPPAL337564	2026 trở về sau	Singapore	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Công dụng: là thuốc thử được sử dụng kết hợp với Fluorocell WDF. Bằng cách làm ly giải các tế bào hồng cầu bằng Lysercell WDF và nhuộm các tế bào bạch cầu bằng Fluorocell WDF, số lượng và tỷ lệ của bạch cầu trung tính, bạch cầu lympho, bạch cầu mono, bạch cầu ái toan và bạch cầu ái kiềm được phân tích. Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0,07%; Nonionic surfactant 0,17% Đóng gói: 5 lít/thùng	Lít	70	2.351.633	164.614.310	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
155	PP2600340531	Hóa chất nhuộm kênh đo hồng cầu nhân trên hệ thống huyết học tự động	Hóa chất nhuộm kênh đo hồng cầu nhân trên hệ thống huyết học tự động	Fluorocell WNR	CP-066-715	CP-066-715	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Công dụng: được sử dụng để đánh dấu các tế bào có nhân trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải để xác định số lượng bạch cầu, số lượng tế bào hồng cầu có nhân và số lượng bạch cầu ái kiềm trong máu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học Sysmex Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Polymethine 0,005%; Ethylene Glycol 99,9% Đóng gói: 82mlx2/hộp	ml	820	55.354	45.390.280	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
156	PP2600340532	Hóa chất nhuộm kênh đo bạch cầu trên hệ thống huyết học tự động	Hóa chất nhuộm kênh đo bạch cầu trên hệ thống huyết học tự động	Fluorocell WDF	CV-377-552	CV-377-552	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Công dụng: được sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học Sysmex Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Polymethine 0,002%; methanol 3,0%; Ethylene Glycol 96,9% Đóng gói: 42ml x2	ml	840	501.072	420.900.480	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
157	PP2600340533	Hóa chất rửa loại bỏ các thành phần không mong muốn sau phản ứng trên hệ thống huyết học tự động	Hóa chất rửa loại bỏ các thành phần không mong muốn sau phản ứng trên hệ thống huyết học tự động	CELLCLEAN AUTO	CF-579-595	CF-579-595	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Dùng để tẩy rửa để ngăn ngừa sự tích tụ protein trong các buồng phản ứng, buồng thải, buồng đo và các kim hút, ống dẫn và điểm đo HGB. Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học Sysmex Thành phần: Sodium Hypochloride (nồng độ clo 5,0%) Đóng gói: 4mlx20/hộp	ml	800	38.250	30.600.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
158	PP2600340534	Chất chuẩn mức 1 cho xét nghiệm huyết học	Chất chuẩn mức 1 cho xét nghiệm huyết học	XN CHECK L1	720017821	720017821	2026 trở về sau	Hoa Kỳ	Streck	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học Sysmex Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C Thành phần: bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản Đóng gói: 3mlx1/hộp	ml	180	1.116.667	201.000.060	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
159	PP2600340535	Chất chuẩn mức 2 cho xét nghiệm huyết học	Chất chuẩn mức 2 cho xét nghiệm huyết học	XN CHECK L2	720017816	720017816	2026 trở về sau	Hoa Kỳ	Streck	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học Sysmex Thành phần: bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản Đóng gói: 3mlx1/hộp	ml	180	1.116.667	201.000.060	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
160	PP2600340536	Chất chuẩn mức 3 cho xét nghiệm huyết học	Chất chuẩn mức 3 cho xét nghiệm huyết học	XN CHECK L3	720017819	720017819	2026 trở về sau	Hoa Kỳ	Streck	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học Sysmex Thành phần: bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản Đóng gói: 3mlx1/hộp	ml	180	1.116.667	201.000.060	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
161	PP2600340537	Chất kiểm chuẩn mức bình thường cho các xét nghiệm đông máu aPTT, PT, Fibrinogen	Chất kiểm chuẩn mức bình thường cho các xét nghiệm đông máu aPTT, PT, Fibrinogen	Dade Ci-Trol 1	291070	291070	2026 trở về sau	Đức	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	- Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở giới hạn bình thường, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, Fibrinogen, ATIII, Thời gian Batroxobin/ Reptilase. - Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông citrat của những người bình thường - Độ ổn định sau hoàn nguyên: + Trong vòng 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ) + Trong vòng 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (đóng nắp lọ)	ml	150	240.000	36.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
162	PP2600340538	Chất kiểm chuẩn mức bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu aPTT, PT	Chất kiểm chuẩn mức bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu aPTT, PT	Dade Ci-Trol 2	291071	291071	2026 trở về sau	Đức	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	- Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu trong khoảng giới hạn từ trung đến cao của giới hạn điều trị trong liệu pháp kháng đông đường uống, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT - Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông bằng natri citrat của người bình thường - Độ ổn định sau hoàn nguyên: + Trong vòng 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ) + Trong vòng 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (đóng nắp lọ)	ml	150	240.000	36.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
163	PP2600340539	Chất kiểm chuẩn mức bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu PT và Fibrinogen	Chất kiểm chuẩn mức bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu PT và Fibrinogen	Control Plasma P	OUPZ17	OUPZ17	2026 trở về sau	Đức	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	- Sử dụng để đánh giá độ chính xác và độ lệch phân tích trong giới hạn bệnh lý cho các xét nghiệm PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen, thời gian Thrombin - Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) - Đóng gói dạng bột đông khô, không chứa chất bảo quản, chứa huyết tương người, chất ổn định HEPES 12g/L - Độ ổn định sau hoàn nguyên: + Trong vòng 4 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C + Trong vòng 4 tuần ở khi bảo quản ở ≤ -20 °C	ml	150	1.100.000	165.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
164	PP2600340540	Hóa chất đo thời gian prothrombin	Hóa chất đo thời gian prothrombin	Dade Innovin	B4212-40	B4212-40	2026 trở về sau	Đức	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	- Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) -Đóng gói dạng bột đông khô, thành phần chứa yếu tố mô người tái tổ hợp (hoàn nguyên ~ 100-200 µg/L) với phospholipid tổng hợp, calcium, chất trung hòa heparin, chất đệm và chất ổn định BSA - Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) - Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: + Trong vòng 10 ngày khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ) + Trong vòng 5 ngày khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (đóng nắp lọ) + Trong vòng 24 giờ khi được bảo quản ở +37 °C (đóng nắp lọ) Độ tái lặp tổng quát: PT% < 10% PT giây < 5% PT INR < 5%	ml	600	125.000	75.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
165	PP2600340541	Hoá chất để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá một phần	Hoá chất để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá một phần	Dade Actin FSL Activated PTT Reagent	B4219-1	B4219-1	2026 trở về sau	Đức	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	- Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT) và có thể sử dụng kết hợp với các huyết tương thiếu hụt yếu tố để định lượng các yếu tố đông máu - Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) - Đóng gói dạng lỏng, thành phần chứa phosphatit đậu nành tinh khiết và cephaline não thỏ trong 1 x 0,0001 acid ellagic, chất đệm, chất ổn định và chất bảo quản - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp trong vòng 7 ngày khi bảo quản ở +2 tới +15 °C (đóng nắp lọ) - Độ tái lặp tổng thể < 8%	ml	300	235.000	70.500.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
166	PP2600340542	Dung dịch Calcium Chloride	Dung dịch Calcium Chloride	Calcium Chloride Solution	ORHO37	ORHO37	2026 trở về sau	Đức	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	- Sử dụng như hoá chất bổ sung trong các xét nghiệm đông máu - Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) - Đóng gói dạng lỏng, dung dịch calcium chloride 0,025 mol/L - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp trong vòng 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới +25 °C	ml	450	25.000	11.250.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
167	PP2600340543	Hóa chất định lượng fibrinogen trong huyết tương	Hóa chất định lượng fibrinogen trong huyết tương	Dade Thrombin Reagent	B4233-25	B4233-25	2026 trở về sau	Đức	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) Thành phần: Thuốc thử đông khô chứa: Thrombin, bò (sau hoàn nguyên: ~100 IU/ml), Chất ổn định, Chất đệm.	ml	60	470.000	28.200.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
168	PP2600340544	Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho các xét nghiệm Fibrinogen, định lượng yếu tố V.	Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho các xét nghiệm Fibrinogen, định lượng yếu tố V.	Dade Owren's Veronal Buffer	B4234-25	B4234-25	2026 trở về sau	Đức	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) Thành phần gồm sodium barbital 2,84 x 0,01M và sodium chloride 1,25 x 0,1M, pH 7,35 ± 0,1 - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới 8 °C	ml	450	14.547	6.546.150	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
169	PP2600340545	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm PT	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm PT	Standard Human Plasma	ORKL17	ORKL17	2026 trở về sau	Đức	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	- Sử dụng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen, ngoài ra còn có thể được sử dụng làm phương tiện pha loãng mẫu cho một số xét nghiệm nếu được chỉ định. - Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) Thành phần: thuốc thử đông khô chứa huyết tương người, chất ổn định HEPES (sau hoàn nguyên 12g/L) - Độ ổn định sau hoàn nguyên: ≥ 4 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C ≥ 4 tuần ờ khi bảo quản ở ≤ -20 °C	ml	140	651.600	91.224.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
170	PP2600340546	Dung dịch rửa kim có tính kiềm	Dung dịch rửa kim có tính kiềm	CA CLEAN I	964-0631-3	964-0631-3	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Sử dụng trên máy đông máu tự động Dung dịch có tính kiềm Nồng độ NaClO ≥ 1% Độ ổn định sau mở nắp trong vòng 1 tháng khi bảo quản ở 2-8°C Đóng gói: 1x50ml/hộp	ml	4.000	30.000	120.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
171	PP2600340547	Dung dịch rửa kim có tính acid	Dung dịch rửa kim có tính acid	CA CLEAN II	964-0611-9	964-0611-9	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Sử dụng trên máy đông máu tự động Dung dịch có tính acid Nồng độ HCL < 1% , chất hoạt động bề mặt không ion hóa 0,5% Độ ổn định sau mở nắp trong vòng 2 tháng khi bảo quản ở 5-35°C Đóng gói: 1x500ml/hộp	ml	5.000	4.400	22.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
172	PP2600340548	Cóng phản ứng sử dụng trên máy đông máu tự động	Cóng phản ứng sử dụng trên máy đông máu tự động	REACTION TUBE SU-40	904-0721-9	904-0721-9	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Sử dụng trên máy đông máu dòng CA-600 (bao gồm CA-620) Cóng phản ứng cho máy xét nghiệm đông máu tự động bằng cơ chế đo ánh sáng tán xạ Đóng gói: 3000 cái/thùng	Thùng	2	12.632.738	25.265.476	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
173	PP2600340549	Que thử nước tiểu 9 thông số	Que thử nước tiểu 9 thông số	MEDITAPE UC-9A	AX-119-225	AX-119-225	2026 trở về sau	Nhật Bản	EIKEN CHEMICAL CO., LTD. Nogi Plant	Que thử nước tiểu sử dụng trên máy phân tích sinh hóa nước tiểu tự động gồm các thông số: Urobilinogen, Máu, Protein, Glucose, Ketones, Nitrit, Bilirubin, Bạch cầu, pH. Bảo quản trong hộp kín, tránh độ ẩm, ánh sáng mặt trời và nhiệt độ cao: que thử có độ bền cho đến ngày hết hạn in trên nhãn. Độ bền sau khi mở nắp và đặt vào máy trong vòng 1 tuần. Đóng gói: 100que x 10/Hộp	Hộp	30	12.500.000	375.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
174	PP2600340550	Dung dịch tạo dòng chảy dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	Dung dịch tạo dòng chảy dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	UF-CELLSHEATH	ZPPBY074501	ZPPBY074501	2026 trở về sau	Singapore	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Công dụng: Dung dịch tạo dòng, sử dụng cùng với các hoá chất khác trên hệ thống máy phân tích cặn lắng nước tiểu tự động Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Đệm Tris 0,14% Đóng gói: 20 lít/thùng	Thùng	60	6.500.000	390.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
175	PP2600340551	Hóa chất ly giải trên kênh đo Tế bào có nhân dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	Hóa chất ly giải trên kênh đo Tế bào có nhân dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	UF-CELLPACK CR	ZPPCB505392	ZPPCB505392	2026 trở về sau	Singapore	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Công dụng: Dung dịch pha loãng, sử dụng cùng với hoá chất khác để xác định các thành phần có nhân (WBC, EC, BACT) trên hệ thống máy phân tích cặn lắng nước tiểu tự động Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Acetic acid < 0,1% Đóng gói: 2.1L x 2/hộp	Lít	42	1.500.000	63.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
176	PP2600340552	Hóa chất ly giải trên kênh đo các Tế bào không nhân dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	Hóa chất ly giải trên kênh đo các Tế bào không nhân dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	UF-CELLPACK SF	ZPPCE604532	ZPPCE604532	2026 trở về sau	Singapore	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Công dụng: Dung dịch pha loãng, sử dụng cùng với hoá chất khác để xác định các thành phần không có nhân (RBC, CASTS...) trên hệ thống máy phân tích cặn lắng nước tiểu tự động Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: HEPES 1,2%, 1,2 benzisothiazolin-3(2H)-one < 0,01% Đóng gói: 2.1L x 2/hộp	Lít	42	1.500.000	63.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
177	PP2600340553	Hóa chất nhuộm trên kênh đo Tế bào có nhân dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	Hóa chất nhuộm trên kênh đo Tế bào có nhân dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	UF-Fluorocell CR	AG-792-864	AG-792-864	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Công dụng: Thuốc thử được sử dụng để đánh dấu các tế bào bạch cầu, tế bào biểu mô và vi khuẩn, ... trong nước tiểu hoặc trong dịch cơ thể để xác định số lượng của chúng trên máy xét nghiệm cặn lắng nước tiểu tự động Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: chất nhuộm Polymethine 0,02%, Ethylene glycol 99,9% Đóng gói: 29mL x 2/hộp	ml	580	138.673	80.430.340	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
178	PP2600340554	Hóa chất nhuộm trên kênh đo Tế bào không nhân dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	Hóa chất nhuộm trên kênh đo Tế bào không nhân dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	UF-Fluorocell SF	CE-919-553	CE-919-553	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Công dụng: Dung dịch nhuộm các thành phần cặn lắng như hồng cầu, trụ niệu, … trong nước tiểu hoặc dịch cơ thể để xác định số lượng trên máy phân tích cặn lắng nước tiểu tự động Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: chất nhuộm Polymethine 0,05%, Ethylene glycol 99,9% Đóng gói: 29mL x 2/hộp	ml	580	140.517	81.499.860	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
179	PP2600340555	Hóa chất nội kiểm cho máy phân tích cặn lắng nước tiểu	Hóa chất nội kiểm cho máy phân tích cặn lắng nước tiểu	UF-CONTROL	BE-740-265	BE-740-265	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Công dụng: Thuốc thử sử dụng cho chế độ kiểm soát chất lượng trên máy xét nghiệm cặn lắng nước tiểu hoàn toàn tự động và máy đọc cặn lắng nước tiểu tự động bằng hình ảnh kỹ thuật số, bao gồm các thông số sau: RBC, WBC, EC, CAST, BACT, Cond. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 30 ngày Thành phần: Hạt trong vật liệu kiểm soát: UF-Control-H: 0,4% (w/w) UF-Control-L: 0,1% (w/w) Đóng gói: UF-CONTROL-H: 30mL;UF-CONTROL-L: 30mL/Hộp	ml	1.500	128.333	192.499.500	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
180	PP2600340556	Chất hiệu chuẩn kênh đo tỷ trọng dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	Chất hiệu chuẩn kênh đo tỷ trọng dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	UF-CALIBRATOR	CN-383-000	CN-383-000	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Vật liệu hiệu chuẩn sử dụng để điều chỉnh độ nhạy của máy xét nghiệm cặn lắng nước tiểu hoàn toàn tự động Bảo quản: 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày Thành phần: hạt trong chất hiệu chuẩn 0,4% (w/w) Đóng gói: 30mL x 2/Hộp	ml	180	271.073	48.793.140	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
181	PP2600340557	Hóa chất rửa máy dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	Hóa chất rửa máy dùng cho phân tích cặn lắng nước tiểu	CELLCLEAN	834-0162-1	834-0162-1	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Dung dịch có tính kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống máy Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium hypochlorite (có chứa chlorine nồng độ 5%) Đóng gói: 1x50ml/hộp	ml	1.500	63.000	94.500.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
182	PP2600340558	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đo tỷ trọng nước tiểu	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đo tỷ trọng nước tiểu	SG Calibrator	CK-920-648	CK-920-648	2026 trở về sau	Nhật Bản	EIKEN CHEMICAL CO., LTD. Nogi Plant	Sản phẩm sử dụng để hiệu chuẩn tỉ trọng của nước tiểu trên máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động Bao gồm: Sucrose SG Calibrator L (tỉ trọng 1,005) 0,08 w/v % SG Calibrator M (tỉ trọng 1,015) 2,41 w/v % SG Calibrator H (tỉ trọng 1,035) 7,06 w/v % Khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-2H -isothiazol-3-one (3:1) SG Calibrator L (tỉ trọng, 1,005) < 0,01 w/v % SG Calibrator M (tỉ trọng, 1,015) < 0,01 w/v % SG Calibrator H (tỉ trọng, 1,035) < 0,01 w/v % Độ bền sau khi mở nắp: dùng trong ngày Đóng gói: (L: 10mL x 5,M: 10mL x 5,H: 10mL x 5)/Hộp	ml	900	49.667	44.700.300	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
183	PP2600340559	Chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm Sinh hóa nước tiểu	Chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm Sinh hóa nước tiểu	UC-CONTROL	AU-448-468	AU-448-468	2026 trở về sau	Hoa Kỳ	Cliniqa Corporation	Sản phẩm sử dụng làm vật liệu kiểm chuẩn cho máy phân tích sinh hóa nước tiểu tự động Bao gồm các thông số sau đây Urobilinogen (URO), Máu (Hemoglobin) (BLD), Bilirubin (BIL), Ketones (KET), Glucose (GLU), Protein (PRO), pH, Nitrite (NIT), Bạch cầu (LEU), Creatininee CRE), Albumin (ALB), Tỉ trọng (SG). Thành phần: Nước tiểu người 10-60%; Khối lượng phản ứng: 5-Chloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one và 2-Methyl-2H-isothiazol-3-one (3: 1) <0,01%; Acetone <5% Độ bền: Sau khi mở, ổn định 30 ngày ở 2 - 8 độ C khi thực hiện bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất	ml	720	120.000	86.400.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
184	PP2600340561	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm HBsAg, anti-HCV	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm HBsAg, anti-HCV	Viratrol	AT-474-543	AT-474-543	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Dùng để kiểm soát chất lượng của xét nghiệm kháng nguyên HBs, kháng thể HCV, kháng thể TP, kháng thể HIV và kháng thể HTLV-1.	ml	108	119.445	12.900.060	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
185	PP2600340562	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm HBsAg	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm HBsAg	HISCL HBsAg Assay Kit	CH-617-178	CH-617-178	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	- Khoảng đo: 0,03-2.500 IU/mL. + Thuốc thử R1: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng HBs gắn biotin 1,0 µg/mL + Thuốc thử R2: chứa vi hạt từ được phủ streptavidin. + Thuốc thử R3: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng HBs đánh dấu ALP 0,3 U/mL Thuốc thử R1 và thuốc thử R3 được cung cấp trong bình thuốc thử 2 trong 1. - Độ chính xác: + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: giá trị thực +/- 20%. - Độ tái lặp (10 lần): + Mẫu chuẩn dương tính (L, M, H): CV ≤15%.	Test	25.000	29.580	739.500.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
186	PP2600340563	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Anti-HBs	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Anti-HBs	HISCL Anti-HBs Assay Kit	AV-918-225	AV-918-225	2026 trở về sau	Nhật Bản	Japan Lyophilization Laboratory, Kiyose Factory	+ Thuốc thử R1: chứa kháng nguyên HBs tái tổ hợp gắn nhãn ALP 0,43U/mL + Thuốc thử R2: chứa vi hạt từ được phủ bởi kháng nguyên HBs tái tổ hợp 5 mg/mL - Khoảng đo: 5,0 - 1.000 mIU/mL - Độ chính xác: + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: giá trị thực +/-20%. - Độ tái lặp (10 lần): + Mẫu chuẩn dương tính (L, M, H): CV ≤ 15%.	Test	25.000	37.740	943.500.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
187	PP2600340564	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm HBcAb	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm HBcAb	HISCL Anti-HBc Assay Kit	AQ-094-429	AQ-094-429	2026 trở về sau	Nhật Bản	Japan Lyophilization Laboratory, Kiyose Factory	+ Thuốc thử R1: chứa chất đệm phản ứng + Thuốc thử R2: chứa hạt từ tính được bọc bởi kháng nguyên HBc tái tổ hợp 5 mg/mL + Thuốc thử R3: chứa kháng nguyên HBc tái tổ hợp gắn nhãn ALP 0,11 U/mL Thuốc thử R1 và thuốc thử R3 được cung cấp trong bình thuốc thử 2 trong 1. - Độ chính xác: + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: dương tính. - Độ tái lặp (3 lần): + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: dương tính.	Test	25.000	84.000	2.100.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
188	PP2600340565	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm HBeAg	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm HBeAg	HISCL HBeAg Assay Kit	CU-839-537	CU-839-537	2026 trở về sau	Nhật Bản	Japan Lyophilization Laboratory, Kiyose Factory	+ Thuốc thử R1: Chất đệm phản ứng + Thuốc thử R2: chứa vi hạt từ được phủ bởi kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên HBe (chuột) 5 mg/mL + Thuốc thử R3: chứa kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên HBe (chuột) có gắn nhãn ALP 0,11 U/mL Thuốc thử R1 và thuốc thử R3 được cung cấp trong cùng hộp 2 trong 1. - Độ chính xác: + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: dương tính. - Độ tái lặp (3 lần): + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: dương tính.	Test	3.000	74.000	222.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
189	PP2600340566	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm kháng thể Anti-HBe	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm kháng thể Anti-HBe	HISCL Anti-HBe Assay Kit	AN-554-637	AN-554-637	2026 trở về sau	Nhật Bản	Japan Lyophilization Laboratory, Kiyose Factory	+ Thuốc thử R1: chứa kháng nguyên HBe tái tổ hợp 12,0 PEIU/mL + Thuốc thử R2: chứa hạt từ tính được bọc bởi kháng thể đơn dòng anti-HBe (chuột) 5 mg/mL + Thuốc thử R3: chứa kháng thể đơn dòng anti-HBe (chuột) gắn nhãn ALP 0,16 U/mL Thuốc thử R1 và thuốc thử R3 được cung cấp trong bình thuốc thử 2 trong 1. - Độ chính xác: + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: dương tính. - Độ tái lặp (3 lần): + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: dương tính	Test	1.500	84.000	126.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
190	PP2600340567	Thuốc thử dùng cho đo lượng đồng phân glycosyl hóa của Mac-2 binding protein (M2BPGi)	Thuốc thử dùng cho đo lượng đồng phân glycosyl hóa của Mac-2 binding protein (M2BPGi)	HISCL M2BPGi Assay Kit	CB-090-850	CB-090-850	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	+ Thuốc thử R1: hóa chất để pha loãng mẫu + Thuốc thử R2: chứa hạt từ phủ WFA 5 mg/mL + Thuốc thử R3 chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng M2BP có gắn ALP 0,1 U/mL Thuốc thử R1 và R3 được đóng gói chung 2 trong 1. - Khoảng đo: 0,1 - 20 (COI). - Độ chính xác: + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: giá trị thực +/-30%. - Độ tái lặp (10 lần): + Mẫu chuẩn âm tính: âm tính. + Mẫu chuẩn dương tính: CV ≤ 15%.	Test	1.000	194.250	194.250.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
191	PP2600340568	Thuốc thử đo nồng độ của hoóc-môn kích thích tuyến giáp (TSH) trong huyết thanh hoặc huyết tương	Thuốc thử đo nồng độ của hoóc-môn kích thích tuyến giáp (TSH) trong huyết thanh hoặc huyết tương	HISCL TSH Assay Kit	BB-600-695	BB-600-695	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	+ Thuốc thử R1: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH có gắn nhãn ALP 0,4 U/mL + Thuốc thử R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin. + Thuốc thử R3: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH gắn biotin 9 µg/mL Thuốc thử R1 và R3 được cung cấp trong cùng hộp, dạng 2 trong 1. Khoảng đo: 0,002 - 200 µIU/mL. - Độ chính xác: Mẫu chuẩn dương tính: giá trị thực +/-20%. - Độ tái lặp (10 lần): Mẫu chuẩn dương tính (L, M, H): CV ≤ 15%.	Test	6.000	35.000	210.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
192	PP2600340569	Thuốc thử đo nồng độ Triodothyronine tự do trong huyết thanh hoặc huyết tương (FT3)	Thuốc thử đo nồng độ Triodothyronine tự do trong huyết thanh hoặc huyết tương (FT3)	HISCL FT3 Assay Kit	AJ-162-809	AJ-162-809	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	+ Thuốc thử R1: chứa kháng thể đơn dòng (cừu) kháng T3 có gắn biotin 6 ng/mL + Thuốc thử R2: chứa vi hạt từ được phủ streptavidin. + Thuốc thử R3: chứa T3 gắn nhãn ALP 0,04 U/mL Thuốc thử R1 và R3 được cung cấp trong cùng hộp, dạng 2 trong 1. - Khoảng đo: 1-30 pg/mL - Độ chính xác: + Mẫu chuẩn dương tính: giá trị thực +/-20%. - Độ tái lặp (10 lần): + Mẫu chuẩn dương tính (L, M, H): CV ≤ 15%.	Test	4.000	35.000	140.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
193	PP2600340570	Thuốc thử đo nồng độ Thyroxin tự do trong huyết thanh hoặc huyết tương (FT4)	Thuốc thử đo nồng độ Thyroxin tự do trong huyết thanh hoặc huyết tương (FT4)	HISCL FT4 Assay Kit	CB-825-811	CB-825-811	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	+ Thuốc thử R1: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 có gắn biotin 75 ng/mL + Thuốc thử R2: chứa vi hạt từ được phủ streptavidin. + Thuốc thử R3: chứa T3 gắn nhãn ALP 0,06 U/mL Thuốc thử R1 và R3 được cung cấp trong cùng hộp, dạng 2 trong 1. Khoảng đo: 0,25-8 ng/dL - Độ chính xác: + Mẫu chuẩn (L, M, H): giá trị thực +/-20%. - Độ tái lặp (10 lần): + Mẫu chuẩn (L, M, H):CV ≤ 15%.	Test	6.000	35.000	210.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
194	PP2600340571	Thuốc thử dùng để kiểm soát chất lượng cho xét nghiệm HBsAg, HBeAg, Anti-HBs, Anti-HBe và Anti-HBc.	Thuốc thử dùng để kiểm soát chất lượng cho xét nghiệm HBsAg, HBeAg, Anti-HBs, Anti-HBe và Anti-HBc.	HBV Immunoassay Control	06410214	06410214	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Dùng để kiểm soát chất lượng cho xét nghiệm HBsAg, HBeAg, Anti-HBs, Anti-HBe và Anti-HBc. Thành phần gồm: + Kháng nguyên HBV dương tính Mức 1 (HBsAg, HBeAg) + Kháng nguyên HBV dương tính Mức 2 (HBsAg, HBeAg) + Kháng thể HBV dương tính Mức 1 (Anti-HBs, Anti-HBe) + Kháng thể HBV dương tính Mức 2 (Anti-HBs, Anti-HBc) Vật liệu không chứa thành phần có nguồn gốc từ người. Vật liệu kiểm soát là kháng nguyên bao gồm các kháng nguyên tái tổ hợp không lây nhiễm và Vật liệu kiểm soát là kháng thể chứa các kháng thể đơn dòng chuột và kháng thể đa dòng từ thỏ không lây nhiễm.	ml	360	186.667	67.200.120	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
195	PP2600340572	Thuốc thử dùng để kiểm soát xét nghiệm M2BPGi	Thuốc thử dùng để kiểm soát xét nghiệm M2BPGi	HISCL M2BPGi Control	BX-457-600	BX-457-600	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm M2BPGi Mức 1 và Mức 2 có chứa kháng nguyên tái tổ hợp không lây nhiễm và các thành phần vật liệu kiểm soát không có nguồn gốc từ người. Thành phần gồm: + Vật liệu kiểm soát xét nghiệm M2BPGi Mức 1 2mL×3 + Vật liệu kiểm soát xét nghiệm M2BPGi Mức 2 2mL×3	ml	432	472.500	204.120.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
196	PP2600340573	Thuốc thử dùng để kiểm soát cho các xét nghiệm miễn dịch định lượng	Thuốc thử dùng để kiểm soát cho các xét nghiệm miễn dịch định lượng	HISCL Immuno Multi Control	AJ-255-081	AJ-255-081	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Vật liệu kiểm soát đa xét nghiệm miễn dịch Mức 1 và Mức 2 có chứa vật liệu có nguồn gốc từ người. Dùng để kiểm soát chất lượng cho các xét nghiệm: TSH, FT3, FT4, PSA, AFP, CEA, CA125, CA19-9, Ferritin, Insulin và CA15-3. Thành phần gồm: + Vật liệu kiểm soát đa xét nghiệm miễn dịch Mức 1: 3 mL × 3 + Vật liệu kiểm soát đa xét nghiệm miễn dịch Mức 2: 3 mL × 3	ml	648	388.889	252.000.072	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
197	PP2600340574	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm M2BPGi	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm M2BPGi	HISCL M2BPGi Calibrator	AT-609-958	AT-609-958	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm M2BPGi. Thành phần: + M2BPGi NC (Chất hiệu chuẩn âm tính M2BPGi) + M2BPGi PC (Chất hiệu chuẩn dương tính M2BPGi)	ml	24	1.045.306	25.087.344	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
198	PP2600340575	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg	HISCL HBsAg Calibrator	054-2311-1	054-2311-1	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Chất hiệu chuẩn HBsAg C1-C5 chứa HBsAg tái tổ hợp, và không chứa bất kỳ thành phần nào có dẫn xuất từ người. Dùng hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg. Thành phần: + HBsAg C0 (HBsAg 0 IU/mL) + HBsAg C1 (HBsAg 0,25 IU/mL) + HBsAg C2 (HBsAg 2,5 IU/mL) + HBsAg C3 (HBsAg 25 IU/mL) + HBsAg C4 (HBsAg 250 IU/mL) +. HBsAg C5 (HBsAg 2.500 IU/mL)	ml	60	473.333	28.399.980	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
199	PP2600340576	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-HCV	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-HCV	HISCL Anti-HCV II Calibrator	AF-606-801	AF-606-801	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Dùng để hiệu chuẩn cho kít xét nghiệm Anti-HCV. Thành phần: + HCV Ab NC (Chất hiệu chuẩn mức âm Anti-HCV) + HCV Ab PC (Chất hiệu chuẩn mức dương Anti-HCV) HCV Ab PC chứa kháng thể kháng HCV của người.	ml	24	700.000	16.800.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
200	PP2600340577	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-HBs	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-HBs	HISCL Anti-HBs Calibrator	AY-670-302	AY-670-302	2026 trở về sau	Nhật Bản	Japan Lyophilization Laboratory, Kiyose Factory	Dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs. HBsAb C1-C3 chứa kháng thể đa dòng kháng kháng nguyên HBs của thỏ, không chứa vật liệu có nguồn gốc từ con người. Thành phần: + HBsAb C0 (0 mIU/mL) 1 mL × 1 + HBsAb C1 (10 mIU/mL) 1 mL × 1 + HBsAb C2 (100 mIU/mL) 1 mL × 1 + HBsAb C3 (1000 mIU/mL) 1 mL × 1	ml	40	1.680.000	67.200.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
201	PP2600340578	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBeAg	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBeAg	HISCL HBeAg Calibrator	AN-056-324	AN-056-324	2026 trở về sau	Nhật Bản	Japan Lyophilization Laboratory, Kiyose Factory	Dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBeAg. Thành phần: + HBeAg NC 1 mL x 1 + HBeAg PC 1 mL x 1 HBeAg PC có chứa kháng nguyên HBe tái tổ hợp, không chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ con người.	ml	16	3.500.000	56.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
202	PP2600340579	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-HBe	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-HBe	HISCL Anti-HBe Calibrator	CN-286-685	CN-286-685	2026 trở về sau	Nhật Bản	Japan Lyophilization Laboratory, Kiyose Factory	Dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBe. Thành phần: + HBeAb NC 1 mL x 1 + HBeAb PC 1 mL x 1 HBeAb PC chứa kháng thể đơn dòng Anti-HBe ở chuột, không chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ con người.	ml	16	3.500.000	56.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
203	PP2600340580	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-HBc	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-HBc	HISCL Anti-HBc Calibrator	AA-324-310	AA-324-310	2026 trở về sau	Nhật Bản	Japan Lyophilization Laboratory, Kiyose Factory	Dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc. Thành phần: + HBcAb NC 1 mL × 1 + HBcAb PC 1 mL × 1 HBcAb PC chứa kháng thể đa dòng kháng kháng nguyên HBc của thỏ, không chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ con người.	ml	30	3.850.000	115.500.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
204	PP2600340581	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	HISCL TSH Calibrator	054-2441-9	054-2441-9	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm TSH. Thành phần: + TSH C0 (TSH 0 µIU/mL) + TSH C1 (TSH 2 µIU/mL) + TSH C2 (TSH 10 µIU/mL) + TSH C3 (TSH 50 µIU/mL) + TSH C4 (TSH 120 µIU/mL) + TSH C5 (TSH 200 µIU/mL) TSH có chứa TSH tái tổ hợp và không có thành phần nào có nguồn gốc từ người.	ml	30	526.496	15.794.880	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
205	PP2600340582	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT3	HISCL FT3 Calibrator	054-2411-7	054-2411-7	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT3. Thành phần: + FT3 C0 + FT3 C1 + FT3 C2 + FT3 C3 + FT3 C4 + FT3 C5 Tất cả chất hiệu chuẩn đều chứa huyết thanh người.	ml	30	816.667	24.500.010	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
206	PP2600340583	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4	HISCL FT4 Calibrator	054-2381-2	054-2381-2	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4. Thành phần: + FT4 C0 + FT4 C1 + FT4 C2 + FT4 C3 + FT4 C4 + FT4 C5 Tất cả chất hiệu chuẩn đều chứa huyết thanh người.	ml	30	717.949	21.538.470	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
207	PP2600340584	Chất hiện màu dùng trong các xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống miễn dịch	Chất hiện màu dùng trong các xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống miễn dịch	HISCL Substrate Reagent Set	064-4331-9	064-4331-9	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Chất hiện màu dùng trong các xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: + R4 Reagent + R5 Reagent CDP-Star: Disodium 2-chloro-5-(4-methoxyspiro{1,2-dioxetane-3,2'-(5'-chloro)-tricyclo[3.3.1.13,7]decan}-4-yl)-1-phenylphosphate 0,48 mM	ml	16.500	36.551	603.091.500	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
208	PP2600340585	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) của máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) của máy xét nghiệm miễn dịch	HISCL Washing Solution	054-2361-8	054-2361-8	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) của máy xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: Surfactant (Tween 20) 0,1% Đóng gói: 10Lx1/thùng	Lít	2.000	90.000	180.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
209	PP2600340586	Dung dịch rửa đường ống của máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa đường ống của máy xét nghiệm miễn dịch	HISCL Line Washing Solution	064-4341-6	064-4341-6	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Dung dịch rửa đường ống của máy xét nghiệm miễn dịch Thành phần: Đệm TRIS 0,2% Đóng gói: 10Lx1/thùng	Lít	5.000	39.000	195.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
210	PP2600340587	Dung dịch rửa kim hút hóa chất cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa kim hút hóa chất cho máy xét nghiệm miễn dịch	HISCL Probe Washing Solution	054-2541-4	054-2541-4	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Dung dịch rửa kim hút hóa chất cho máy xét nghiệm miễn dịch Thành phần: Sodium hypochlorite 3,5% Đóng gói: 250ml x 2/thùng	Thùng	90	630.000	56.700.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
211	PP2600340588	Dung dịch pha loãng mẫu đo với mỗi xét nghiệm	Dung dịch pha loãng mẫu đo với mỗi xét nghiệm	HISCL Diluent	CS617657	CS617657	2026 trở về sau	Nhật Bản	Sysmex Corporation Seishin Factory	Dùng pha loãng mẫu đo với mỗi xét nghiệm Thành phần: Bovine serum albumin 1%	ml	1.000	70.000	70.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
212	PP2600340589	Cup thực hiện phản ứng	Cup thực hiện phản ứng	HISCL Cuvette L	CP-815-570	CP-815-570	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Cúp phản ứng bằng nhựa, dùng 1 lần cho xét nghiệm miễn dịch Đóng gói: 5000 cái/thùng	Thùng	30	6.200.000	186.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
213	PP2600340590	Đầu côn bằng nhựa dùng 1 lần cho xét nghiệm miễn dịch	Đầu côn bằng nhựa dùng 1 lần cho xét nghiệm miễn dịch	HISCL DISPOSABLE TIP	064-5141-9	064-5141-9	2026 trở về sau	Nhật Bản	SYSMEX CORPORATION Ono Factory	Đầu côn dùng một lần trên hệ thống miễn dịch tự động sử dụng chất nền phát quang CDP-star 200 xét nghiệm/giờ Nạp tối đa 1000 đầu côn, nạp tại mọi thời điểm không cần dừng máy Thể tích hút mẫu từ 10µl đến 30µl (tùy vào từng loại xét nghiệm) Vật liệu: Polypropylen (PP) Chiều dài: 52,5mm, đường kính: 7,07mm Đóng gói: 5000 cái/thùng	Thùng	30	15.000.000	450.000.000	vn0304504714	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA MẠNH
214	PP2600340591	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng Helicobacter pylori bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng Helicobacter pylori bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định lượng và định tính kháng thể IgG kháng Helicobacter pylori (SERION ELISA classic Helicobacter pylori IgG)	ESR118G	SERION ELISA classic Helicobacter pylori IgG	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính phát hiện các kháng thể kháng Helicobacter pylori (HP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Độ nhạy: 96,6 % Độ đặc hiệu: > 99 % Độ lặp lại: CV ≤ 4,5 % Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin.	Test	4.800	66.108	317.318.400	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
215	PP2600340592	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng Helicobacter pylori bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng Helicobacter pylori bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định lượng và định tính kháng thể IgM kháng Helicobacter pylori (SERION ELISA classic Helicobacter pylori IgM)	ESR118M	SERION ELISA classic Helicobacter pylori IgM	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính phát hiện các kháng thể kháng Helicobacter pylori (HP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Độ nhạy: > 99% Độ đặc hiệu: 79,7 % Độ lặp lại: CV ≤ 5,8 % Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin. Cần xử lý mẫu với chất hấp thụ các yếu tố dạng thấp trước khi xác định IgM.	Test	4.800	63.126	303.004.800	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
216	PP2600340593	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng Varicella Zoster Virus bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng Varicella Zoster Virus bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgG kháng vi rút Varicella Zoster (SERION ELISA classic Varicella Zoster Virus IgG)	ESR104G	SERION ELISA classic Varicella Zoster Virus IgG	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Định lượng kháng thể Varicella Zoster Virus IgG - Độ nhạy: 98,9 % - Độ đặc hiệu: > 99 %. - Độ lặp lại: CV ≤ 9,2%. - Độ tái lặp: CV ≤ 3,8% Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin.	Test	6.720	66.108	444.245.760	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
217	PP2600340594	Yếu tố khử thấp	Yếu tố khử thấp	IVD hấp phụ yếu tố dạng thấp (SERION RF Absorbent)	Z200	SERION RF Absorbent	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Được dùng để loại bỏ các yếu tố dạng thấp RF IgM trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tuỷ (CSF), là bước ban đầu trong việc xác định sự hiện diện của kháng thể IgM đặc hiệu trong các xét nghiệm miễn dịch gián tiếp. Thành phần: Kháng thể IgG người được xử lí từ huyết thanh cừu hoặc dê, bảo quản trong Sodium Azide < 0,1%	ml	1.200	44.940	53.928.000	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
218	PP2600340595	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng virus Quai bị bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng virus Quai bị bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgG kháng vi rút Mumps (SERION ELISA classic Mumps Virus IgG)	ESR103G	SERION ELISA classic Mumps Virus IgG	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Định lượng kháng thể quai bị IgG - Độ nhạy: > 99 % - Độ đặc hiệu: 98,2%. - Độ lặp lại: CV≤ 4,7%. - Độ tái lặp: CV≤ 9,5%. Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin.	Test	480	66.108	31.731.840	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
219	PP2600340596	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng virus Quai bị bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng virus Quai bị bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgM kháng vi rút Mumps (SERION ELISA classic Mumps Virus IgM)	ESR103M	SERION ELISA classic Mumps Virus IgM	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Định lượng kháng thể quai bị IgM - Độ nhạy: > 99 % - Độ đặc hiệu: 97,6%. - Độ lặp lại: CV ≤ 6,3%. - Độ tái lặp: CV ≤ 6,5% Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin. Cần xử lý mẫu với chất hấp thụ các yếu tố dạng thấp trước khi xác định IgM.	Test	480	63.126	30.300.480	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
220	PP2600340597	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng virus sởi bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng virus sởi bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgG kháng vi rút Measles (SERION ELISA classic Masern/Measles Virus IgG)	ESR102G	SERION ELISA classic Masern/Measles Virus IgG	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Định lượng kháng thể sởi IgG - Độ nhạy: > 99 % - Độ đặc hiệu: 95%. - Độ lặp lại: CV ≤ 2,9%. - Độ tái lặp: CV ≤ 5,9% Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin.	Test	480	66.108	31.731.840	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
221	PP2600340598	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng virus viêm gan E bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng virus viêm gan E bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan E (HEV) (HEV IgM)	EVM.CE	HEV IgM	r năm 2025 trở về s	Ý	DIA.PRO Diagnostic BioProbes S.r.l.	Định tính kháng thể virus viêm gan E IgM - Giới hạn phát hiện: 1,0 IU/mL - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100%. - Độ tái lặp: CV ≤ 15%.	Test	480	44.100	21.168.000	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
222	PP2600340599	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng virus viêm gan E bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng virus viêm gan E bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng vi rút Hepatitis E (HEV IgG)	EVG.CE	HEV IgG	r năm 2025 trở về s	Ý	DIA.PRO Diagnostic BioProbes S.r.l.	Định tính kháng thể virus viêm gan E IgG - Giới hạn phát hiện: 0,1 IU/mL - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100%. - Độ tái lặp: CV ≤ 10%.	Test	480	44.100	21.168.000	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
223	PP2600340600	Bộ xét nghiệm kháng thể kháng virus viêm gan D bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể kháng virus viêm gan D bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan Delta (HDV) (HDV Ab)	DAB.CE	HDV Ab	r năm 2025 trở về s	Ý	DIA.PRO Diagnostic BioProbes S.r.l.	Định tính kháng thể virus viêm gan D - Độ nhạy: > 98% - Độ đặc hiệu: > 98%. - Độ tái lặp: CV ≤ 9,8%.	Test	960	71.652	68.785.920	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
224	PP2600340601	Bộ xét nghiệm virus viêm gan D bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm virus viêm gan D bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định tính kháng nguyên Hepatitis Delta (HDV) (HDV Ag)	DAG.CE	HDV Ag	r năm 2025 trở về s	Ý	DIA.PRO Diagnostic BioProbes S.r.l.	Định tính sự hiện diện virus viêm gan D - Độ nhạy: > 98% - Độ đặc hiệu: > 98%.	Test	960	71.652	68.785.920	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
225	PP2600340602	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng virus sốt xuất huyết bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng virus sốt xuất huyết bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgG kháng vi rút Dengue (SERION ELISA classic Dengue Virus IgG)	ESR114G	SERION ELISA classic Dengue Virus IgG	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Định lượng kháng thể IgG đặc hiệu virus Dengue (1-4) - Độ nhạy: 96,7% - Độ đặc hiệu: 99% - Độ lặp lại: CV ≤ 1,5% - Độ tái lặp: CV≤ 7,8%. Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin.	Test	480	66.108	31.731.840	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
226	PP2600340603	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng virus sốt xuất huyết bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng virus sốt xuất huyết bằng phương pháp Elisa	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgM kháng vi rút Dengue (SERION ELISA classic Dengue Virus IgM)	ESR114M	SERION ELISA classic Dengue Virus IgM	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Định lượng kháng thể IgM đặc hiệu virus Dengue (1-4) - Độ nhạy: 96,2% - Độ đặc hiệu: 99,3% - Độ lặp lại: CV ≤ 6,8% - Độ tái lặp: CV ≤ 7,7%. Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin. Cần xử lý mẫu với chất hấp thụ các yếu tố dạng thấp trước khi xác định IgM.	Test	480	63.126	30.300.480	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
227	PP2600340604	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dung tích 1100 ul chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dung tích 1100 ul chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	TIPS 1100ul	CRAT1100-Q-	TIPS 1100ul	2025 trở về sau	Trung Quốc	Cotaus Co.,Ltd.	Đầu côn dẫn điện 1100µl. - Vật liệu tip: PP – Polypropylene - Vật liệu khay: PC – Polycarbonate - Kích thước tip : + Chiều dài: 97,0 mm + Đồng tâm ≤ 1,5 Kích thước khay: + Chiều dài: 126,9 mm + Chiều rộng: 88,4 mm	Cái	33.600	3.360	112.896.000	vn0310913521	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC
228	PP2600340605	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dung tích 300 ul chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dung tích 300 ul chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	TIPS 300ul	CRAT300-Q-P	TIPS 300ul	2025 trở về sau	Trung Quốc	Cotaus Co.,Ltd.	Đầu côn dẫn điện 300 µl. - Vật liệu tip: PP – Polypropylene - Vật liệu khay: PC – Polycarbonate - Kích thước tip: + Chiều dài: 55,0 mm + Đồng tâm ≤ 1,5 Kích thước khay: + Chiều dài: 126,9 mm + Chiều rộng: 88,4 mm	Cái	48.000	2.940	141.120.000	vn0310913521	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
229	PP2600340606	Đĩa pha loãng mẫu	Đĩa pha loãng mẫu	IVD xét nghiệm dùng cho máy phân tích nhóm máu (Galileo Plates)	0066050	Galileo Plates	r năm 2024 trở về s	Mỹ	IMMUCOR, Inc.	Galileo Plates (khay vi giếng) có mục đích được dùng trong các xét nghiệm ngưng kết hồng cầu trên các thiết bị tự động. Galileo Plates được tạo thành từ khay vi giếng nhựa. Galileo Plates được cung cấp ở dạng khay. Mỗi khay có 96 vi giếng. Mỗi khay là sẵn dùng như được cung cấp. Các giếng trong Galileo Plates chỉ dùng một lần. Khay có thể sử dụng tiếp nếu chưa dùng hết giếng lưu trữ các thanh chưa dùng tại 1-30°C	Cái	500	90.405	45.202.500	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
230	PP2600340607	Mẫu ngoại kiểm Sinh hóa	Mẫu ngoại kiểm Sinh hóa	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa (RIQAS Monthly General Clinical Chemistry Programme)	RQ9128	RQ9128	2026 trở về sau	Vương Quốc Anl	Randox Laboratories Ltd	- Đáp ứng trên 50 thông số, bao gồm cả ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine, eGFR (estimated glomerular filtration rate), GLDH và NEFA. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. - Dạng đông khô, nguồn gốc từ người - Tần suất phân tích: hàng tháng. - Cung cấp báo cáo thống kê, giới hạn chấp nhận và chỉ số hiệu suất dưới dạng tệp ".csv". - Báo cáo ngoại kiểm cung cấp biểu đồ Điểm Đích giúp đánh giá hiệu xuất của phòng xét nghiệm cho 20 mẫu gần nhất, bao gồm cả chu kỳ trước đó. - Có thể đăng ký tối đa 5 thiết bị mà không cần phải trả thêm phí quản lý.	ml	60	280.000	16.800.000	vn0311733313	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH
231	PP2600340608	Mẫu ngoại kiểm Huyết học	Mẫu ngoại kiểm Huyết học	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm huyết học (RIQAS Monthly Haematology Programme)	RQ9140A, RQ9	RQ9140A, RQ9140B, RQ9140C, RQ9140D	2026 trở về sau	Vương Quốc Anl	Randox Laboratories Ltd	- Đáp ứng trên 10 thông số công thức máu bao gồm cả thông số Plateletcrit (PCT). - Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. - 100% máu toàn phần có nguồn gốc từ người, Dạng dung dịch sẵn sàng sử dụng. - Độ ổn định sau mở nắp 2 ngày. - Tần suất phân tích: hàng tháng. - Cung cấp báo cáo thống kê, giới hạn chấp nhận và chỉ số hiệu suất dưới dạng tệp ".csv". - Báo cáo ngoại kiểm cung cấp biểu đồ Điểm Đích giúp đánh giá hiệu xuất của phòng xét nghiệm cho 20 mẫu gần nhất, bao gồm cả chu kỳ trước đó. - Có thể đăng ký tối đa 5 thiết bị mà không cần phải trả thêm phí quản lý.	ml	24	717.000	17.208.000	vn0311733313	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
232	PP2600340609	Mẫu ngoại kiểm Miễn dịch	Mẫu ngoại kiểm Miễn dịch	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Miễn dịch (RIQAS Monthly Immunoassay Programme)	RQ9130	RQ9130	2026 trở về sau	Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	- Đáp ứng trên 48 thông số, bao gồm cả thông số Gentamicin, PTH, Free Testosterone và 1-25-(OH)2-Vitamin D. - Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. - Dạng đông khô, 100% huyết thanh người. - Độ ổn định trong vòng 2 ngày sau khi hoàn nguyên. - Tần suất phân tích: hàng tháng. - Có thể nhận được bản tóm tắt bổ sung về số liệu báo cáo thống kê, giới hạn chấp nhận và chỉ số hiệu suất dưới dạng tệp ".csv". - Bài báo cáo ngoại kiểm cung cấp biểu đồ Điểm Đích giúp đánh giá hiệu xuất của phòng xét nghiệm cho 20 mẫu gần nhất, bao gồm cả chu kỳ trước đó. - Có thể đăng ký tối đa 5 thiết bị mà không cần phải trả thêm phí.	ml	60	476.500	28.590.000	vn0311733313	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH
233	PP2600340610	Mẫu ngoại kiểm Viêm gan	Mẫu ngoại kiểm Viêm gan	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm chất lượng xét nghiệm HIV/Viêm Gan (RIQAS Serology (HIV/Hepatitis) Programme)	RQ9151	RQ9151	2026 trở về sau	Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	- Chương trình ngoại kiểm HIV/Viêm gan. Đáp ứng hơn 15 thông số, bao gồm thông số Anti-CMV (Total). - Có chu kỳ bắt đầu tháng 7 hàng năm. - Dạng lỏng, 100% huyết thanh người. - Tần suất phân tích: hàng tháng. - Kết quả báo cáo dạng định tính và bán định lượng. - Có thể đăng ký tối đa 5 thiết bị mà không cần phải trả thêm phí quản lý.	ml	24	509.000	12.216.000	vn0311733313	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH
234	PP2600340611	Ống nghiệm nhựa 5mL có nắp	Ống nghiệm nhựa 5mL có nắp	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn	ONG_35MLNC	Hồng Thiện Mỹ	2025-2026	Việt Nam	Hồng Thiện Mỹ	"- Chất liệu: Nhựa PS/PP trung tính, tinh khiết. - Màu trắng, trong suốt. - Kích thước 12x75mm. - Có nắp, không nhãn."	Cái	10.000	550	5.500.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
235	PP2600340612	Gel dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	Gel dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	POP-7™ Polymer, for 3500/SeqStudio™ Flex	4393708	Life Technologies Corporation	2026	Mỹ	Life Technologies Corporation	- Gel số 7 - Là polymer được sử dụng như chất nền phân tách trong điện di mao quản, cho phép mao quản được sử dụng nhiều lần, có thể sử dụng cho các ứng dụng giải trình tự đọc ngắn đến đọc dài cũng như phân tích đoạn - Hóa chất sẵn sàng sử dụng - Sử dụng RFID để theo dõi hạn sử dụng và số lần sử dụng - Sử dụng trên máy Giải trình tự Seq Studio 24 Flex do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P50010)	Hộp	2	11.292.000	22.584.000	vn0102956002	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC BIOMEDIC
236	PP2600340613	Dung dịch buffer anode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	Dung dịch buffer anode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	Anode Buffer Container (ABC), for 3500/SeqStudio™ Flex	4393927	Life Technologies Ltd	2026	Anh	Life Technologies Ltd	- Chứa đệm 1X để chạy điện di mao quản - Hóa chất sẵn sàng sử dụng - Sử dụng RFID để theo dõi hạn sử dụng và số lần sử dụng - Sử dụng trên máy Giải trình tự Seq Studio 24 Flex do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P50010)	Hộp	2	5.975.000	11.950.000	vn0102956002	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC BIOMEDIC

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
237	PP2600340614	Dung dịch buffer cathode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	Dung dịch buffer cathode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	Cathode Buffer Container (CBC), for 3500/SeqStudio™ Flex	4408256	Life Technologies Ltd	2026	Anh	Life Technologies Ltd	- Chứa đệm 1X để chạy điện di mao quản - Hộp chứa có 2 ngăn: một ngăn chứa đệm cực âm cho điện di, một ngăn dùng để rửa capillary (mao quản) và đầy chất thải polymer đã qua sử dụng giữa các lần hút - Hóa chất sẵn sàng sử dụng - Sử dụng RFID để theo dõi hạn sử dụng và số lần sử dụng - Sử dụng trên máy Giải trình tự Seq Studio 24 Flex do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P50010)	Hộp	2	8.339.000	16.678.000	vn0102956002	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC BIOMEDIC
238	PP2600340615	Thuốc thử đo tải lượng virut HIV theo phương pháp RT-PCR tự động	Thuốc thử đo tải lượng virut HIV theo phương pháp RT-PCR tự động	09040803190 KIT COBAS 58/68/8800 HIV 192T IVD	09040803190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	- Loại mẫu: Huyết tương chống đông bằng EDTA, Mẫu huyết tương khô - LoD=13,2cp/mL cho thể tích 500 µL, 35,5 cp/mL cho thể tích 200 µL (Mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA) - Khoảng tuyến tính: thể tích mẫu 500 µL, tuyến tính từ 20 cp/mL đến 1,00E+07 cp/mL (33,3IU/mL đến 1,67E+07 IU/mL); thể tích mẫu 200 µL, tuyến tính từ 50 cp/mL đến 1,00E+07 cp/mL (83,3IU/mL đến 1,67E+07 IU/mL); - Độ chụm: SD tổng=0,05-0,12 (với 500 µL mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA); từ 0,04-0,16 với mẫu 200 µL - Kiểu gen phát hiện: HIV-1 nhóm M (A–D, F–H, CRF01_AE, CRF02_AG), HIV-1nhóm O, HIV-nhóm N; - Độ đặc hiệu: 100% - Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8002)	Test	5.000	310.079	1.550.395.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
239	PP2600340616	Thuốc thử đo tải lượng virut HBV theo phương pháp RT-PCR tự động	Thuốc thử đo tải lượng virut HBV theo phương pháp RT-PCR tự động	09040820190 KIT COBAS 58/68/8800 HBV 192T IVD	09040820190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	- Giới hạn phát hiện (LoD): ở nồng độ 3 IU/mL với tỷ lệ đạt ≥ 95% cho thể tích xử lý mẫu 500 µL và ở nồng độ 17,5 IU/mL với tỷ lệ đạt ≥ 95% cho thể tích xử lý mẫu 200mL trong huyết tương chống đông bằng EDTA, - Khoảng tuyến tính: Với thể tích xử lý 500 µL mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và huyết thanh từ 10 IU/mL đến 1,00E+09 IU/mL; với thể tích xử lý 200 µL mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và huyết thanh từ 25 IU/mL đến 1,00E+09 IU/mL - Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003)	Test	1.920	459.375	882.000.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
240	PP2600340617	Thuốc thử đo tải lượng virut HCV theo phương pháp RT-PCR tự động	Thuốc thử đo tải lượng virut HCV theo phương pháp RT-PCR tự động	09040765190 KIT COBAS 58/68/8800 HCV 192T IVD	09040765190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	- Phát hiện kiểu gen HCV 1-6; - LoD: 8,46 IU/mL với khoảng tin cậy 95% là 7,50-9,79 IU/mL (mẫu 500 µL trong huyết tương chống đông bằng EDTA) và ở nồng độ 9,61 IU/mL với khoảng tin cậy 95% là 8,70-10,95 IU/mL cho thể tích xử lý mẫu 500 µL trong huyết thanh; - Khoảng tuyến tính: Với thể tích xử lý mẫu 500 µL, với mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và huyết thanh từ 15IU/mL đến 1,00E+08 IU/mL - Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003)	Test	960	516.797	496.125.120	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
241	PP2600340618	Chứng dương sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm	Chứng dương sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm	09040773190 KIT COBAS 58/68/8800 HBV/HCV/HIV RMC IVD	09040773190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	Kiểm soát dương tính nồng độ thấp HBV/HCV/HIV-1 Low Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 L(+)C): Kiểm soát dương tính nồng độ cao HBV/HCV/HIV-1 High Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 H(+)C), Tương thích với thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động 192 test - Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) - Đóng gói: 8 bộ/Hộp	Bộ	352	689.063	242.550.176	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
242	PP2600340619	Chứng âm sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm	Chứng âm sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm	09051554190 KIT COBAS 58/68/8800 NHP NEG RMC IVD	09051554190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	Kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện / định tính / định lượng RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV bằng phương pháp RT-PCR tự động, Sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm RT-PCR tự động và tương thích với thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động 192 test Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) - Đóng gói: 16 bộ/Hộp	Bộ	352	344.531	121.274.912	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
243	PP2600340620	Hạt thủy tinh từ tính	Hạt thủy tinh từ tính	06997546190 KIT COBAS 58/68/8800 MGP IVD	06997546190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	Hạt thủy tinh từ tính, đóng gói đảm bảo đủ chạy cho 480 phản ứng, sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm RT-PCR tự động tương thích với thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động 192 test Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) Đóng gói: 480 test/hộp	Hộp	15	7.524.724	112.870.860	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
244	PP2600340621	Hóa chất ly giải sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	Hóa chất ly giải sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	06997538190 KIT COBAS 58/68/8800 LYS REAGENT IVD	06997538190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	Hóa chất ly giải dùng trong xử lý và tách chiết mẫu; sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm RT-PCR tự động và tương thích với thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động 192 test Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) Đóng gói: 4 bình x 875 ml/thùng	Thùng	30	37.043.629	1.111.308.870	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
245	PP2600340622	Hóa chất pha loãng sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	Hóa chất pha loãng sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	06997511190 KIT COBAS 58/68/8800 SPEC DIL RGNT IVD	06997511190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	Hóa chất pha loãng sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm RT-PCR tự động tương thích với thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động 192 test Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) Đóng gói: 4 bình x 875 ml/thùng	Thùng	30	7.594.020	227.820.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
246	PP2600340623	Hóa chất rửa hệ thống	Hóa chất rửa hệ thống	06997503190 KIT COBAS 58/68/8800 WASH IVD	06997503190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	Hóa chất rửa hệ thống sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm RT-PCR tự động tương thích với thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động 192 test Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) Đóng gói: 4200ml/Thùng	Thùng	20	2.847.758	56.955.160	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
247	PP2600340624	Đầu côn có lọc, thể tích 1ML	Đầu côn có lọc, thể tích 1ML	04639642001 Tip CORE TIPS w. Filter 1ml	04639642001	Hamilton Bonaduz AG, Switzerland	2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Hamilton Bonaduz AG, Switzerland	Đầu côn có lọc dùng để hút mẫu và thuốc thử, thể tích 1ml được sử dụng trên nhiều hệ thống RT- PCR tự động, sử dụng tương thích thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV, Sản phẩm được sản xuất trong Phòng sạch (Tiêu chuẩn ISO 8) và không có Pyrogen, RNAse, DNAse, chất ức chế PCR, DNA và ATP của người Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) Đóng gói: 8x480 cái/thùng	Thùng	50	17.595.900	879.795.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
248	PP2600340625	Đầu côn có lọc, thể tích 300 ul	Đầu côn có lọc, thể tích 300 ul	07345607001 Tip CORE TIPS with Filter, 300 µL	07345607001	Hamilton Bonaduz AG, Switzerland	2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Nolato Treff AG, Switzerland	Đầu côn có lọc dùng để hút mẫu và thuốc thử, thể tích 300ul được sử dụng trên nhiều hệ thống RT- PCR tự động, sử dụng tương thích thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV, Sản phẩm được sản xuất trong Phòng sạch (Tiêu chuẩn ISO 8) và không có Pyrogen, RNAse, DNAse, chất ức chế PCR, DNA và ATP của người Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) Đóng gói: 60x96 cái/thùng	Thùng	10	11.025.000	110.250.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
249	PP2600340626	Đĩa khuếch đại 24 vị trí	Đĩa khuếch đại 24 vị trí	08499853001 cobas omni Amplification Plate 24	08499853001	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Trung Quốc	Zhejiang Boomingshing Medical Technology Co., Ltd., China	Đĩa khuếch đại mẫu loại 24 vị trí để thực hiện phản ứng realtime PCR Đĩa khuếch đại tương thích với thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động 192 test Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) Đóng gói: 120 cái/ thùng	Thùng	10	3.307.500	33.075.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
250	PP2600340627	Đĩa xử lý 24 vị trí	Đĩa xử lý 24 vị trí	08413975001 cobas omni Processing Plate 24	08413975001	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Trung Quốc	Zhejiang Boomingshing Medical Technology Co., Ltd., China	Đĩa xử lý mẫu loại 24 vị trí để thực hiện phản ứng realtime PCR Đĩa xử lý tương thích với thuốc thử đo tải lượng virut HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động 192 test Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) Đóng gói: 60 cái/thùng	Thùng	15	3.307.500	49.612.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
251	PP2600340628	Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí	Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí	08413983001 cobas omni Liquid Waste Plate 24	08413983001	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Trung Quốc	Zhejiang Boomingshing Medical Technology Co., Ltd., China	Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí sử dụng cho hệ hống thiết bị xét nghiệm RT-PCR tự động Sử dụng trên máy Cobas 5800 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P8003) Đóng gói: 60 cái/thùng	Thùng	15	3.307.500	49.612.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
252	PP2600340629	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể, kháng nguyên HIV	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể, kháng nguyên HIV	08836973190 Elecsys HIV DUO 300T	08836973190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Sử dụng trên máy Cobas 8000 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Xét nghiệm miễn dịch điện hoá phát quang Định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1, bao gồm nhóm O, và HIV-2 trong huyết thanh và huyết tương người Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu : 98%	Test	12.000	48.510	582.120.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
253	PP2600340630	Chất chuẩn cho xét nghiệm HIV	Chất chuẩn cho xét nghiệm HIV	06924107190 PreciControl HIV Gen II	06924107190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Sử dụng trên máy Cobas 8000 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: PC HIV1: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL huyết thanh chứng PC HIV2: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL huyết thanh chứng PC HIV3: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL huyết thanh chứng	ml	60	326.595	19.595.700	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
254	PP2600340631	Dung dịch điều hòa điện cực, rửa phản ứng, tạo tín hiệu điện hóa	Dung dịch điều hòa điện cực, rửa phản ứng, tạo tín hiệu điện hóa	06908799214 ProCell M G2 2x2L Elec.	06908799214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	Sử dụng trên máy Cobas 8000 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: Đệm phosphate 300 mmol/L; tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy :0,1%; pH6,8	Lít	200	422.258	84.451.600	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
255	PP2600340632	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch	06908853214 PreClean II M 2x2 L	06908853214	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	Sử dụng trên máy Cobas 8000 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có thể gây nhiễu đối với việc phát hiện các tín hiệu. Đệm phosphate 10 mmol/L; natri chloride 20 mmol/L; chất tẩy : 0.1 %; chất bảo quản; pH 7.0.	Lít	100	245.858	24.585.800	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
256	PP2600340633	Thuốc thử định lượng HBsAg	Thuốc thử định lượng HBsAg	08814872190 Elecsys HBsAg II quant II e8	08814872190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Sử dụng trên máy Cobas 8000 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Xét nghiệm miễn dịch điện hoá phát quang Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên bề mặt viêm gan B Dãy đo được 0,05 - 130 IU/mL với mẫu không pha loãng Dãy đo được khi pha loãng: 45 - 3.500.000 IU/ml (với các mức pha loãng khác nhau)	Test	500	241.365	120.682.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
257	PP2600340634	Thuốc thử kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HBsAg	Thuốc thử kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HBsAg	07143745190 PreciCtrl HBsAg II quant II	07143745190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Sử dụng trên máy Cobas 8000 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: PC HBSAGQ2N1: 5 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng PC HBSAGQ2N2: 5 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng PC HBSAGQ2N3: 5 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng	ml	39	148.413	5.788.107	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
258	PP2600340635	Dung dịch ly giải hồng cầu	Dung dịch ly giải hồng cầu	BD FACS™ Lysing Solution	349202	BD FACS™ Lysing Solution	Năm 2026 trở về sau	Mỹ	Antibodies, Inc.	Dung dịch dùng để ly giải tế bào hồng cầu sau khi nhuộm huỳnh quang trực tiếp tế bào máu ngoại vi của người với các kháng thể đơn dòng. - Dung dịch ly giải có nồng độ 10X chứa 25 – <50% 2,2′-oxybisethanol (diethylene glycol), 5 – <10% formaldehyde và 3 – <5% methanol. Sử dụng trên máy FacsCanto II	ml	1.200	58.940	70.728.000	vn0315804815	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION
259	PP2600340636	Dung dịch tạo dòng chảy	Dung dịch tạo dòng chảy	BD FACSFlow™ Sheath Fluid	342003	BD FACSFlow™ Sheath Fluid	Năm 2026 trở về sau	Ba Lan	Avantor Performance Materials Poland S.A.	Dung dịch đệm chứa Sodium Fluoride (NaF) dùng để tạo dòng chảy trên các thiết bị phân tích dòng chảy tế bào. Sử dụng trên máy FacsCanto II	Lít	200	94.000	18.800.000	vn0315804815	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION
260	PP2600340637	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa	BD FACSClean™	340345	BD FACSClean™	Năm 2026 trở về sau	Ba Lan	Avantor Performance Materials Poland S.A.	Dung dịch dùng để khử nhiễm cho máy đo dòng chảy tế bào Sử dụng trên máy FacsCanto II	Lít	60	444.000	26.640.000	vn0315804815	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION
261	PP2600340638	Dung dịch rửa duy trì máy chuyên dụng	Dung dịch rửa duy trì máy chuyên dụng	BD FACS™ Shutdown Solution	334224	BD FACS™ Shutdown Solution	Năm 2026 trở về sau	Ba Lan	Avantor Performance Materials Poland S.A.	Dung dịch dùng để chạy tắt hay rửa định kỳ máy đo dòng chảy tế bào Sử dụng trên máy FacsCanto II	Lít	60	412.800	24.768.000	vn0315804815	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
262	PP2600340639	Chất chuẩn kiểm soát chất lượng các đặc tính, theo dõi và báo cáo hiệu năng cho máy đo dòng chảy tế bào	Chất chuẩn kiểm soát chất lượng các đặc tính, theo dõi và báo cáo hiệu năng cho máy đo dòng chảy tế bào	BD FACSDiva™ CS&T IVD Beads	656046	BD FACSDiva™ CS&T IVD Beads	Năm 2026 trở về sa	Mỹ	Becton Dickinson Caribe, Ltd.	Chất chuẩn được sử dụng để thực hiện kiểm tra chất lượng hàng ngày (QC) và dùng để cài đặt chương trình cho dung dịch kiềm/rửa (LW). - Thành phần: hạt bead trong PBS với BSA và 0,1% sodium azide Sử dụng trên máy FacsCanto II	Test	150	407.000	61.050.000	vn0315804815	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION
263	PP2600340640	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đếm tế bào CD4/CD8 nồng thấp	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đếm tế bào CD4/CD8 nồng thấp	BD™ Multi-Check CD4 Low Control	349703	BD™ Multi-Check CD4 Low Control	Năm 2026 trở về sa	Mỹ	R&D Systems Inc.	- Được sử dụng như một đối chứng quy trình hoàn chỉnh cho việc định kiểu hình miễn dịch bằng phương pháp đếm tế bào dòng chảy. - Đây là đối chứng cho việc nhuộm kháng thể, ly giải hồng cầu, thiết lập và hiệu năng máy và phân tích dữ liệu Sử dụng trên máy FacsCanto II	ml	75	2.734.000	205.050.000	vn0315804815	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION
264	PP2600340641	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đếm tế bào CD4/CD8 bình thường	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đếm tế bào CD4/CD8 bình thường	BD Multi-Check Control	349700	BD Multi-Check Control	Năm 2026 trở về sa	Mỹ	R&D Systems Inc.	- Được sử dụng như một đối chứng quy trình hoàn chỉnh cho việc định kiểu hình miễn dịch bằng phương pháp đếm tế bào dòng chảy. - Đây là đối chứng cho việc nhuộm kháng thể, ly giải hồng cầu, thiết lập và hiệu năng máy và phân tích dữ liệu Sử dụng trên máy FacsCanto II	ml	75	1.566.800	117.510.000	vn0315804815	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION
265	PP2600340642	Kháng thể đơn dòng hỗn hợp chứa 4 kháng thể kháng CD3/CD8/CD45/CD4	Kháng thể đơn dòng hỗn hợp chứa 4 kháng thể kháng CD3/CD8/CD45/CD4	BD Multitest™ CD3/CD8/CD45/CD4	340499	BD Multitest™ CD3/CD8/CD45/CD4	Năm 2026 trở về sa	Mỹ	Becton Dickinson Caribe, Ltd.	Chất thử dùng để xác định phần trăm và số lượng tuyệt đối các tế bào lympho T (CD3+) và các phân nhóm của nó như T hỗ trợ (CD3+ CD4+), T ức chế/độc (CD3+CD8+). Thành phần bao gồm hỗn hợp các kháng thể đóng gói dạng dung dịch: CD3 gắn màu FITC; CD8 gắn màu PE; CD45 gắn màu PerCP và CD4 gắn màu APC. Sử dụng trên máy FacsCanto II	Test	2.000	174.640	349.280.000	vn0315804815	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION
266	PP2600340643	Ống nhựa 5ml đáy tròn có nắp	Ống nhựa 5ml đáy tròn có nắp	Tubes Falcon 5ml,12x75 mm Polystyrene	352054	Tubes Falcon 5ml,12x75 mm Polystyrene	Năm 2026 trở về sa	Trung Quốc	Corning Life Sciences (Wujiang) Co., Ltd	Ống đáy tròn, có nắp, làm từ nhựa Polystyren, kích thước Ø12× 75mm Chịu được tốc độ ly tâm 1.400 RCF, không chứa RNase/DNase Đã tiệt trùng, đã được kiểm tra tính không gây sốt, với mức nội độc tố nhỏ hơn 0,1 EU/mL Sử dụng trên máy FacsCanto II	Cái	10.000	6.000	60.000.000	vn0315804815	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BIOMEDVION
267	PP2600340644	Ống trữ lạnh tiệt trùng 2ml	Ống trữ lạnh tiệt trùng 2ml	Lọ trữ lạnh cryotube 2.0ml	81-8204	"Biologix "	2025-2026	Trung Quốc	"Biologix "	"Chất liệu Polypropylen Đã tiệt trùng Chịu được nhiệt độ từ -86 đến 121 độ C Có thể đông lạnh và rã đông lặp lại nhiều lần Không chứa DNase, RNase, nội độc tố (endotoxin), kim loại nặng và DNA người. Có vùng ghi nhãn màu trắng và các vạch chia thể tích màu đen. Quy cách: 100 cái/túi"	Cái	13.000	4.000	52.000.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
268	PP2600340645	Thuốc thử đo tải lượng virut HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 120 phản ứng	Thuốc thử đo tải lượng virut HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 120 phản ứng	08792992190 KIT COBAS 4800 HIV-1 120T	08792992190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	- MMX R1 (Thuốc thử cobas® Master Mix Reagent 1): Mangan acetate, kali hydroxide, < 0.1% natri azide - HIV-1 MMX R2 (Thuốc thử cobas® HIV-1 Master Mix Reagent 2): Đệm tricine, kali acetate, 18% dimethyl sulfoxide, glycerol, < 0.1% Tween 20, EDTA, < 0.12% dATP, dCTP, dGTP, dUTP, < 0.01% các đoạn mồi HIV, < 0.01% Mồi xuôi và mồi ngược chuẩn định lượng, < 0.01% các đoạn dò oligonucleotide đánh dấu huỳnh quang đặc hiệu cho HIV và Chuẩn định lượng,< 0.01% oligonucleotide aptamer, < 0.01% Z05D DNA polymerase (vi khuẩn), < 0.01% AmpErase (uracil-N- glycosylase) men (vi khuẩn), < 0.1% natri azide - RNA QS (Chuẩn định lượng cobas® RNA Quantitation Standard): Đệm Tris, < 0.05% EDTA, < 0.001% cấu trúc RNA khô - HIV, chứa	Test	15.000	221.879	3.328.185.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
269	PP2600340646	Chứng nội sử dụng cho thuốc thử định lượng HIV/HBV/HCV	Chứng nội sử dụng cho thuốc thử định lượng HIV/HBV/HCV	06979572190 KIT c4800 HXV CTLS 10T CEIVD	06979572190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	HBV/HCV/HIV-1 L(+)C (Mẫu chứng dương thấp cobas® HBV/HCV/HIV-1 Low Positive Control): < 0.001% (armored) RNA HIV-1 Nhóm M tổng hợp đóng gói trong thực khuẩn thể MS2 phủ protein, < 0.001% (plasmid) DNA HBV tổng hợp đóng gói trong thực khuẩn thể Lambda phủ protein, < 0.001% (armored) RNA HCV tổng hợp đóng gói trong thực khuẩn thể MS2 phủ protein, huyết tương người bình thường, không có phản ứng qua các xét nghiệm hợp quy cho kháng thể kháng HIV 1/2, kháng thể kháng HCV, HBsAg, kháng thể kháng HBc; không phát hiện RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, và DNA HBV bằng các phương pháp PCR. 0.1% chất bảo quản ProClin® 300 HBV/HCV/HIV-1 H(+)C (Mẫu chứng dương cao cobas® HBV/HCV/HIV-1 High Positive Control): < 0.001%	Bộ	50	1.041.863	52.093.150	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
270	PP2600340647	Hóa chất tách chiết mẫu phẩm	Hóa chất tách chiết mẫu phẩm	06979521190 c4800 Sample Prep 2 960T CE	06979521190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	MGP 2 (cobas® 4800 MGP Reagent 2): Hạt thủy tinh từ tính, đệm Tris, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate, < 0.1% natri azide EB 2 (cobas® 4800 Elution Buffer 2): Đệm Tris, 0.2% methyl-4 hydroxybenzoate	Test	21.120	28.941	611.233.920	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
271	PP2600340648	Nước rửa sử dụng cho hóa chất định lượng virut	Nước rửa sử dụng cho hóa chất định lượng virut	05235871190 c4800 SYS WASH BUFFER 960T	05235871190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	10 ống WB 200ml; thành phần WB gồm: Sodium citrate dihydrate; 0.05% N-Methylisothiazolone HCl	Test	21.120	14.470	305.606.400	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
272	PP2600340649	Hóa chất ly giải tế bào trong tách chiết	Hóa chất ly giải tế bào trong tách chiết	06979548190 KIT c4800 LYS 2 960T CEIVD	06979548190	Roche Diagnostics GmbH, Germany	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	P 2 (cobas® 4800 Protease 2): Đệm Tris, < 0.05% EDTA, calci chloride, calci acetate, 8% (w/v) proteinase LYS 2 (cobas® 4800 Lysis Buffer 2): 43% (w/w) guanidine thiocyanate, 5% (w/v) polydocanol, 2% (w/v) dithiothreitol, dihydro natri citrate	Test	21.120	28.941	611.233.920	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
273	PP2600340650	Đĩa khuếch đại 96 vị trí	Đĩa khuếch đại 96 vị trí	05232724001 AD-plate 0.3ml	05232724001	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Đức	Balda Medical GmbH, Germany	-Đĩa phản ứng 0.3 ml. Có bao gồm phim hàn.	Cái	750	277.830	208.372.500	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
274	PP2600340651	Đĩa xử lý 96 vị trí	Đĩa xử lý 96 vị trí	06884008001 Extraction Plate 2.0ml	06884008001	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Weidmann Medical Technology AG, Switzerland	-Thể tích khoang: 2.0ml Vật liệu: PP	Cái	800	185.220	148.176.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
275	PP2600340652	Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu phẩm, thể tích 200ml	Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu phẩm, thể tích 200ml	05232759001 Reagent reservoir 200ml	05232759001	Hamilton Bonaduz AG, Switzerland	2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Nolato Treff AG, Switzerland	-Bình hóa chấ thể tích 200ml. Vật liệu nhựa PP. Có dán mã vạch.	Cái	200	231.525	46.305.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
276	PP2600340653	Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu phẩm, thể tích 50ml	Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu phẩm, thể tích 50ml	05232732001 Reagent reservoir 50ml	05232732001	Hamilton Bonaduz AG, Switzerland	2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Nolato Treff AG, Switzerland	-Kích thước (l x w x h): 90 x 20 x 65 [mm] Thể tích: 50 [ml] Vật liệu: PP tự nhiên	Cái	200	231.525	46.305.000	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
277	PP2600340654	Dung dịch hoàn nguyên mẫu máu khô dùng cho xét nghiệm PCR chẩn đoán sớm nhiễm HIV ở trẻ dưới 18 tháng tuổi	Dung dịch hoàn nguyên mẫu máu khô dùng cho xét nghiệm PCR chẩn đoán sớm nhiễm HIV ở trẻ dưới 18 tháng tuổi	08064695190 Cobas Specimen PreExtraction	08064695190	Roche Molecular Systems, Inc., USA	2025 trở về sau	Mỹ	Roche Molecular Systems, Inc., USA	SPER (cobas® Specimen Pre-Extraction Reagent): 28% (w/w) guanidine thiocyanateb, 6% (w/v) polydocanolb, 1% (w/v) dithiothreitol, dihydro natri citrate	Hộp	6	24.175.841	145.055.046	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
278	PP2600340655	Bộ lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh	Bộ lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh	07141947001 K50SUK 50T Sin.Use-CHAI spec	07141947001	LABMATE (PTY) LTD, Unit 11, SOUTH AFRICA	2025 trở về sau	Nam Phi	LABMATE (PTY) LTD, Unit 11, SOUTH AFRICA	Hộp 50 bộ, mỗi bộ là một bộ dụng cụ dùng một lần cho một xét nghiệm. Bộ dụng cụ bao gồm: - Thẻ lấy máu khô DBS - Kim lấy máu có cơ chế tự động rút kim sau khi sử dụng, độ sâu đâm kim cố định 2 mm - Giá phơi - Túi Ziploc đơn bằng nhựa - Túi Ziploc hai khóa miết - Gói hút ẩm silica - Găng tay Latex không bột - Bông gạc tẩm cồn - Gạc bông	Bộ	1.250	129.389	161.736.250	vn0306310369	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG DƯƠNG
279	PP2600340656	Thuốc thử xét nghiệm định tính HIV	Thuốc thử xét nghiệm định tính HIV	ARCHITECT HIV Ag/Ab Combo Reagent kit	4J27-27	ARCHITECT HIV Ag/Ab Combo Reagent kit	Năm 2025 trở đi	Đức	Abbott GmbH, Đức	Dùng trên hệ thống miễn dịch tự động, có thể phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV và kháng thể kháng HIV Sử dụng kỹ thuật miễn dịch vi hạt hóa phát quang. Độ nhạy 100% Độ đặc hiệu ≥99,5%	Test	5.000	59.430	297.150.000	vn0400567178	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG
280	PP2600340657	Mẫu chuẩn cho thuốc thử xét nghiệm định tính HIV	Mẫu chuẩn cho thuốc thử xét nghiệm định tính HIV	ARCHITECT HIV Ag/Ab Combo Calibrator	4J27-03	ARCHITECT HIV Ag/Ab Combo Calibrator	Năm 2025 trở đi	Đức	Abbott GmbH, Đức	Mẫu chuẩn với 1 mức nồng độ, tương thích với Thuốc thử xét nghiệm HIV trên hệ thống máy miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	ml	20	688.710	13.774.200	vn0400567178	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG
281	PP2600340658	Mẫu chứng cho thuốc thử xét nghiệm định tính HIV	Mẫu chứng cho thuốc thử xét nghiệm định tính HIV	ARCHITECT HIV Ag/Ab Combo Controls	4J27-12	ARCHITECT HIV Ag/Ab Combo Controls	Năm 2025 trở đi	Đức	Abbott GmbH, Đức	Mẫu chứng với 4 mức nồng độ, tương thích với Thuốc thử xét nghiệm HIV trên hệ thống máy miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	ml	160	68.060	10.889.600	vn0400567178	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
282	PP2600340659	Dung dịch rửa có chứa muối đệm phosphate dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	Dung dịch rửa có chứa muối đệm phosphate dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	Architect Concentrated Wash Buffer	6C54-58	Architect Concentrated Wash Buffer	Năm 2025 trở đi	Ireland	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo), Ireland	Dung dịch rửa có chứa muối đệm phosphate, tương thích với Thuốc thử xét nghiệm HIV, dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	ml	19.500	320	6.240.000	vn0400567178	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG
283	PP2600340660	Dung dịch hydrogen dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	Dung dịch hydrogen dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	Architect Pre-Trigger Solution	6E23-68	Architect Pre-Trigger Solution	Năm 2025 trở đi	Ireland	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo), Ireland	Dung dịch hydrogen peroxide để tách thuốc nhuộm acridinium ra khỏi liên hợp liên kết với phức hợp vi hạt.	ml	39.000	987	38.493.000	vn0400567178	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG
284	PP2600340661	Dung dịch natri hydroxit dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	Dung dịch natri hydroxit dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	ARCHITECT Trigger solution	6C55-63	ARCHITECT Trigger solution	Năm 2025 trở đi	Ireland	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo), Ireland	Dung dịch natri hydroxit được sử dụng để tạo ra phản ứng phát quang hóa học cung cấp kết quả đọc cuối cùng.	ml	39.000	410	15.990.000	vn0400567178	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG
285	PP2600340662	Dung dịch rửa kim hút, dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	Dung dịch rửa kim hút, dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang.	ARCHITECT Probe Conditioning Solution	1L56-40	ARCHITECT Probe Conditioning Solution	Năm 2025 trở đi	Đức	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo), Ireland	Dung dịch rửa kim, có thành phần là huyết tương người đã vôi hóa lại.	ml	200	65.710	13.142.000	vn0400567178	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG
286	PP2600340663	Khay thử test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2	Khay thử test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2	Determine™ HIV- 1/2	7D2343	Determine™ HIV-1/2	năm 2025 về sau	Nhật Bản	Abbott Diagnostics Medical Co., Ltd.-Chiba Plant	- Phát hiện kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 - Sử dụng mẫu bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần - Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 99,75% - Thời gian đọc kết quả của mẫu từ 15 phút đến tối đa 60 phút (khoảng thời gian cho phép đọc kết quả đến 45 phút), - Thể tích mẫu sử dụng:: 50uL - Quy cách đóng gói: 100 test/hộp	Test	3.000	43.407	130.221.000	vn0301020722	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT LỤC TỈNH
287	PP2600340664	Khay thử test nhanh 2 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2	Khay thử test nhanh 2 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2	HIV 1/2/O Tri-line Human Immunodeficiency Virus Rapid Test Device (Whole Blood/Serum/Plasma)	IHI-T402	HIV 1/2/O Tri-line Human Immunodeficiency Virus Rapid Test Device (Whole Blood/Serum/Plasma)	năm 2025 về sau	Trung Quốc	Abon Biopharm (Hangzhou) Co., Ltd.	- Phát hiện và phân biệt sự có mặt của kháng thể kháng HIV 1, 2 và tuýp phụ O bằng sự hình thành vạch rõ ràng (3 vạch) - Sử dụng mẫu bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần - Độ nhạy 100%; Độ đặc hiệu: 98,74%; Độ chính xác: 99% - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 25uL; máu toàn phần: 50uL - Thời gian đọc kết quả: 10 - 20 phút - Quy cách đóng gói: 40 test/hộp	Test	1.000	17.850	17.850.000	vn0301020722	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT LỤC TỈNH
288	PP2600340665	Khay thử test nhanh 3 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2	Khay thử test nhanh 3 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2	Bioline™ HIV 1/2 3.0	03FK11	Bioline™ HIV 1/2 3.0	năm 2025 về sau	Hàn Quốc	Abbott Diagnostics Korea Inc.	- Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA), phân biệt virus HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2 - Sử dụng mẫu bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần -Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8% so với ELISA -Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút - Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 320 lần của mẫu huyết thanh dương tính với HIV. - Quy cách: 100 test/hộp	Test	1.000	32.550	32.550.000	vn0301020722	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT LỤC TỈNH
289	PP2600340666	Kháng sinh đĩa Ampicilin 10 ug	Kháng sinh đĩa Ampicilin 10 ug	Hóa chất thử nghiệm, AMPICILLIN AMP 10 µg	9006	AMPICILLIN AMP 10 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.250	2.099	2.623.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
290	PP2600340667	Kháng sinh đĩa Ampicillin+sulbactam 10/10 ug	Kháng sinh đĩa Ampicillin+sulbactam 10/10 ug	Hóa chất thử nghiệm, AMPICILLIN-SULBACTAM AMS 20 µg	9031	AMPICILLIN-SULBACTAM AMS 20 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
291	PP2600340668	Kháng sinh đĩa Amikacin 30 ug	Kháng sinh đĩa Amikacin 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, AMIKACIN AK 30 µg	9004	AMIKACIN AK 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.250	2.099	2.623.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
292	PP2600340669	Kháng sinh đĩa Azithromycin 15 ug	Kháng sinh đĩa Azithromycin 15 ug	Hóa chất thử nghiệm, AZITHROMYCIN AZM 15 µg	9105	AZITHROMYCIN AZM 15 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
293	PP2600340670	Kháng sinh đĩa Amox+clavulanic acid 20/10 ug	Kháng sinh đĩa Amox+clavulanic acid 20/10 ug	Hóa chất thử nghiệm, AMOXICILLIN-CLAVULANIC ACID AUG 30 µg	9048	AMOXICILLIN-CLAVULANIC ACID AUG 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.250	2.099	2.623.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
294	PP2600340671	Kháng sinh đĩa Aztreonam 30 ug	Kháng sinh đĩa Aztreonam 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, AZTREONAM ATM 30 µg	9008	AZTREONAM ATM 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
295	PP2600340672	Kháng sinh đĩa Cefazolin 30 ug	Kháng sinh đĩa Cefazolin 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFAZOLIN KZ 30 µg	9015	CEFAZOLIN KZ 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
296	PP2600340673	Kháng sinh đĩa Cefaclor 30 ug	Kháng sinh đĩa Cefaclor 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFACLORC 30 µg	9010	CEFACLORC 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
297	PP2600340674	Kháng sinh đĩa Ceftazidime 30 ug	Kháng sinh đĩa Ceftazidime 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFTAZIDIME CAZ 30 µg	9019	CEFTAZIDIME CAZ 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
298	PP2600340675	Kháng sinh đĩa Ceftazidime-clavulanic acid 30/10 ug	Kháng sinh đĩa Ceftazidime-clavulanic acid 30/10 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFTAZIDIME+CLAVULANIC ACID CAL 40 µg	9145	CEFTAZIDIME+CLAVULANIC ACID CAL 40 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
299	PP2600340677	Kháng sinh đĩa Cefotaxim 30 ug	Kháng sinh đĩa Cefotaxim 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFOTAXIME CTX 30 µg	9017	CEFOTAXIME CTX 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	500	2.099	1.049.500	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
300	PP2600340678	Kháng sinh đĩa Ceftolozane-tazobactam 30/10 ug	Kháng sinh đĩa Ceftolozane-tazobactam 30/10 ug	Hóa chất thử nghiệm, Ceftolozane-tazobactam C/T 40 µg	9246	Ceftolozane-tazobactam C/T 40 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
301	PP2600340679	Kháng sinh đĩa Cefuroxim 30 ug	Kháng sinh đĩa Cefuroxim 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFUROXIME CXM 30 µg	9021	CEFUROXIME CXM 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
302	PP2600340680	Kháng sinh đĩa Cefepime 30 ug	Kháng sinh đĩa Cefepime 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFEPIME FEP 30 µg	9104	CEFEPIME FEP 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.500	2.099	3.148.500	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
303	PP2600340681	Kháng sinh đĩa Cefixime 5 ug	Kháng sinh đĩa Cefixime 5 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFIXIME CFM 5 µg	9089	CEFIXIME CFM 5 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
304	PP2600340682	Kháng sinh đĩa Cefiderocol 30ug	Kháng sinh đĩa Cefiderocol 30ug	Hóa chất thử nghiệm, Cefiderocol FDC 30 µg	9266	Cefiderocol FDC 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	500	6.527	3.263.500	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
305	PP2600340683	Kháng sinh đĩa Cefoxitin 30 ug	Kháng sinh đĩa Cefoxitin 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFOXITIN FOX 30 µg	9018	CEFOXITIN FOX 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
306	PP2600340684	Kháng sinh đĩa Ceftaroline 30 ug	Kháng sinh đĩa Ceftaroline 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFTAROLINE CPT 30 µg	9198	CEFTAROLINE CPT 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.250	2.099	2.623.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
307	PP2600340685	Kháng sinh đĩa Ceftriaxone 30 ug	Kháng sinh đĩa Ceftriaxone 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CEFTRIAXONE CRO 30 µg	9020	CEFTRIAXONE CRO 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
308	PP2600340686	Kháng sinh đĩa Ciprofloxacin 5 ug	Kháng sinh đĩa Ciprofloxacin 5 ug	Hóa chất thử nghiệm, CIPROFLOXACIN CIP 5 µg	9056	CIPROFLOXACIN CIP 5 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.500	2.099	3.148.500	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
309	PP2600340687	Kháng sinh đĩa Clindamycin 2 ug	Kháng sinh đĩa Clindamycin 2 ug	Hóa chất thử nghiệm, CLINDAMYCIN CD 2 µg	9047	CLINDAMYCIN CD 2 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
310	PP2600340688	Kháng sinh đĩa Chloramphenicol 30 ug	Kháng sinh đĩa Chloramphenicol 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, CHLORAMPHENICOL C 30 µg	9022	CHLORAMPHENICOL C 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
311	PP2600340689	Kháng sinh đĩa Doxycycline 30 ug	Kháng sinh đĩa Doxycycline 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, DOXYCYCLINE DXT 30 µg	9059	DOXYCYCLINE DXT 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
312	PP2600340690	Kháng sinh đĩa Erythromycin 15 ug	Kháng sinh đĩa Erythromycin 15 ug	Hóa chất thử nghiệm, ERYTHROMYCIN E 15 µg	9024	ERYTHROMYCIN E 15 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.250	2.099	2.623.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
313	PP2600340692	Kháng sinh đĩa Gentamicin 10 ug	Kháng sinh đĩa Gentamicin 10 ug	Hóa chất thử nghiệm, GENTAMICIN CN 10 µg	9026	GENTAMICIN CN 10 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.500	2.099	3.148.500	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
314	PP2600340693	Kháng sinh đĩa Imipenem10 ug	Kháng sinh đĩa Imipenem10 ug	Oxoid™ Imipenem Antimicrobial Susceptibility discs	CT0455B	OXOID (ThermoFisher Scientific)	r năm 2026 trở về s	Anh	OXOID (ThermoFisher Scientific)	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.748	2.748.000	vn0310143350	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN
315	PP2600340694	Kháng sinh đĩa Imipenem+relebactam 10/25 ug	Kháng sinh đĩa Imipenem+relebactam 10/25 ug	Hóa chất thử nghiệm, Imipenem-relebactam I/R 35 µg	9253	Imipenem-relebactam I/R 35 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	6.527	1.631.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
316	PP2600340695	Kháng sinh đĩa Linezolid 30 ug	Kháng sinh đĩa Linezolid 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, LINEZOLID LNZ 30µg	9136	LINEZOLID LNZ 30µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.250	2.099	2.623.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
317	PP2600340696	Kháng sinh đĩa Lefamulin 20 ug	Kháng sinh đĩa Lefamulin 20 ug	Hóa chất thử nghiệm, Lefamulin LMU 20 µg	9250	Lefamulin LMU 20 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
318	PP2600340697	Kháng sinh đĩa Levofloxacin 5 ug	Kháng sinh đĩa Levofloxacin 5 ug	Hóa chất thử nghiệm, LEVOFLOXACIN LEV 5 µg	9102	LEVOFLOXACIN LEV 5 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.500	2.099	3.148.500	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
319	PP2600340698	Kháng sinh đĩa Moxifloxacin 5ug	Kháng sinh đĩa Moxifloxacin 5ug	Hóa chất thử nghiệm, MOXIFLOXACIN MXF 5 µg	9103	MOXIFLOXACIN MXF 5 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
320	PP2600340699	Kháng sinh đĩa Minocycline 30ug	Kháng sinh đĩa Minocycline 30ug	Hóa chất thử nghiệm, MINOCYCLINE MN 30 µg	9030	MINOCYCLINE MN 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
321	PP2600340700	Kháng sinh đĩa Nitrofurantoin 300 ug	Kháng sinh đĩa Nitrofurantoin 300 ug	Hóa chất thử nghiệm, NITROFURANTOIN F 300 µg	9034	NITROFURANTOIN F 300 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
322	PP2600340701	Kháng sinh đĩa Penicillin 10units	Kháng sinh đĩa Penicillin 10units	Hóa chất thử nghiệm, PENICILLIN G P 10 IU	9037	PENICILLIN G P 10 IU	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.250	2.099	2.623.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
323	PP2600340702	Kháng sinh đĩa Piperacillin-tazobactam 100/10 ug	Kháng sinh đĩa Piperacillin-tazobactam 100/10 ug	Hóa chất thử nghiệm, PIPERACILLIN-TAZOBACTAM TZP 110 µg	9100	PIPERACILLIN-TAZOBACTAM TZP 110 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.250	2.099	2.623.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
324	PP2600340703	Kháng sinh đĩa Quinupristin dalfopristin 15 ug	Kháng sinh đĩa Quinupristin dalfopristin 15 ug	Hóa chất thử nghiệm, Quinupr-Dalfopristin QDA 15 µg	9161	Quinupr-Dalfopristin QDA 15 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	7.438	7.438.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
325	PP2600340704	Kháng sinh đĩa Spectinomycin 100ug	Kháng sinh đĩa Spectinomycin 100ug	Hóa chất thử nghiệm, SPECTINOMYCIN SPC 100 µg	9067	SPECTINOMYCIN SPC 100 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
326	PP2600340705	Kháng sinh đĩa Rifampin 5 ug	Kháng sinh đĩa Rifampin 5 ug	Hóa chất thử nghiệm, RIFAMPICIN RD 5 µg	9118	RIFAMPICIN RD 5 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
327	PP2600340706	Kháng sinh đĩa Tetracycline 30 ug	Kháng sinh đĩa Tetracycline 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, TETRACYCLINE TE 30 µg	9043	TETRACYCLINE TE 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.000	2.099	2.099.000	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
328	PP2600340707	Kháng sinh đĩa Tobramycin 10ug	Kháng sinh đĩa Tobramycin 10ug	Hóa chất thử nghiệm, TOBRAMYCIN TOB 10 µg	9044	TOBRAMYCIN TOB 10 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	250	2.099	524.750	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
329	PP2600340708	Kháng sinh đĩa Trimethoprim-sulfamethoxazole 1.25/23.75 ug	Kháng sinh đĩa Trimethoprim-sulfamethoxazole 1.25/23.75 ug	Hóa chất thử nghiệm, TRIMETHOPRIM-SULFAMETHOXAZOLE SXT 25 µg	9042	TRIMETHOPRIM - SULFAMETHOXAZOLE SXT 25 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	1.500	2.099	3.148.500	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
330	PP2600340709	Kháng sinh đĩa Vancomycin 30 ug	Kháng sinh đĩa Vancomycin 30 ug	Hóa chất thử nghiệm, VANCOMYCIN VA 30 µg	9045	VANCOMYCIN VA 30 µg	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa được sản xuất theo thông số kỹ thuật CLSI hoặc EUCAST hoặc DIN hoặc tương đương	Đĩa	500	2.099	1.049.500	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
331	PP2600340711	Thuốc thử sinh hóa nitrate	Thuốc thử sinh hóa nitrate	70442 - NIT1 NIT2	70442	Biomerieux	2025-2026	Pháp	Biomerieux	"Thuốc thử dùng trong định danh trực khuẩn Gram âm. Gồm Nitrate 1 và Nitrate 2, thể tích mỗi loại 5ml"	ml	50	206.000	10.300.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
332	PP2600340712	Thuốc thử TDA (Tryptophan Deaminase)	Thuốc thử TDA (Tryptophan Deaminase)	70402 - TDA	70402	Biomerieux	2025-2026	Pháp	Biomerieux	"Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn Thành phần: Iron trichloride 3-10g trong 100ml H2O"	ml	50	187.400	9.370.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
333	PP2600340714	Kit định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococus và Kocuria	Kit định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococus và Kocuria	20500-API Staph	20500	Biomerieux	2025-2026	Pháp	Biomerieux	"Định danh Staphycococcus, Micrococcus và Kocuria. Thành phần gồm thanh định danh, ống môi trường, khay ủ và nắp khay ủ Thành phần: 25 API® STAPH strips (STR) • 25 ampules of API® STAPH Medium (MED STAPH) • 25 incubation boxes (INCUB) • 25 result sheets (SHEET) • 1 package insert "	Test	25	274.200	6.855.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
334	PP2600340715	Kit định danh các nhóm vi khuẩn họ Enterobacteriaceae và các trực khuẩn Gram âm gồm 10 phản ứng	Kit định danh các nhóm vi khuẩn họ Enterobacteriaceae và các trực khuẩn Gram âm gồm 10 phản ứng	10100 - API 10 S	10100	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Định danh các nhóm vi khuẩn họ Enterobacteriaceae và các trực khuẩn Gram âm khác Thành phần tối thiểu gồm: thanh định danh, khay ủ và nắp khay ủ Strip gồm 10 tuýp nhỏ (microtube) chứa cơ chất phản ứng dehydrate"	Test	150	137.100	20.565.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
335	PP2600340716	Kit định danh xác định vi khuẩn Neisseria, Haemophilus	Kit định danh xác định vi khuẩn Neisseria, Haemophilus	10400 - API NH	10400	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Định danh vi khuẩn Neisseria, Haemophilus Thành phần gồm thanh định danh, NaCl, thuốc thử, khay ủ và nắp khay ủ "	Test	30	685.500	20.565.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
336	PP2600340718	Đĩa giấy yếu tố Hemin định danh Haemophilus	Đĩa giấy yếu tố Hemin định danh Haemophilus	Chất thử , X FACTOR TEST	9503	X FACTOR TEST	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa giấy chứa yếu tố Hemin để xác định Haemophilus spp	Đĩa	100	8.421	842.100	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
337	PP2600340719	Đĩa giấy yếu tố Nicotinamide-Adenine-Dinucleotide định danh Haemophilus	Đĩa giấy yếu tố Nicotinamide-Adenine-Dinucleotide định danh Haemophilus	Chất thử , V FACTOR TEST	9504	V FACTOR TEST	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa giấy chứa NAD (Nicotinamide-Adenine-Dinucleotide) để xác định Haemophilus spp	Đĩa	100	8.421	842.100	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
338	PP2600340720	Đĩa giấy yếu tố Nicotinamide-Adenine-Dinucleotide và Hemin định danh Haemophilus	Đĩa giấy yếu tố Nicotinamide-Adenine-Dinucleotide và Hemin định danh Haemophilus	Chất thử , V+X FACTOR TEST	9505	V+X FACTOR TEST	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Đĩa giấy chứa NAD (Nicotinamide-Adenine-Dinucleotide) và Hemin để xác định Haemophilus spp	Đĩa	100	8.421	842.100	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
339	PP2600340721	Kháng huyết thanh Heamophilus influenzae tuyp b	Kháng huyết thanh Heamophilus influenzae tuyp b	Chất thử Haemophilus influenza As b	214782	Haemophilus influenza As b	2025 trở đi	Nhật Bản	Denka Company Limited	Kháng huyết thanh Haemophillus influenza được tạo ra từ thỏ và có chứa 0,08% sodium azide là chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	Lọ	2	5.581.275	11.162.550	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
340	PP2600340722	Bộ kháng huyết thanh Shigella	Bộ kháng huyết thanh Shigella	Bộ kháng huyết thanh Shigella (Bao gồm: Chất thử Shigella As dysenteriae poly A; Chất thử Shigella As flexneri poly B; Chất thử Shigella As boydii poly C; Chất thử Shigella As sonnei poly D)	2100xx	Bộ kháng huyết thanh Shigella (Bao gồm: Chất thử Shigella As dysenteriae poly A; Chất thử Shigella As flexneri poly B; Chất thử Shigella As boydii poly C; Chất thử Shigella As sonnei poly D)	2025 trở đi	Nhật Bản	Denka Company Limited	Dùng trong thử nghiệm ngưng kết cụm nhằm xác định loài Shigella. Thành phần: gồm nhóm A: S. dysenteriae, nhóm B: S. flexneri, nhóm C: S. boydii, nhóm D: S. sonnei. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	ml	8	1.376.970	11.015.760	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
341	PP2600340723	Kháng huyết thanh Salmonella O đa giá	Kháng huyết thanh Salmonella O đa giá	Chất thử Salmonella As Poly O	211231	Salmonella As Poly O	2025 trở đi	Nhật Bản	Denka Company Limited	Thử nghiệm ngưng kết cụm để định danh Salmonella	ml	2	1.376.970	2.753.940	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
342	PP2600340724	Kháng huyết thanh Salmonella Vi	Kháng huyết thanh Salmonella Vi	Chất thử Salmonella As Vi	211408	Salmonella As Vi	2025 trở đi	Nhật Bản	Denka Company Limited	Thử nghiệm ngưng kết cụm để định danh Salmonella	ml	2	991.200	1.982.400	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
343	PP2600340725	Kháng huyết thanh Salmonella H đa giá	Kháng huyết thanh Salmonella H đa giá	Remel™ Agglutinating Sera, Salmonella H	R30858501	Remel (ThermoFisher Scientific)	r năm 2026 trở về s	Anh	Remel (ThermoFisher Scientific)	Thử nghiệm ngưng kết cụm để định danh Salmonella	ml	2	3.029.618	6.059.236	vn0310143350	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN
344	PP2600340726	Kháng huyết thanh E.coli O 157	Kháng huyết thanh E.coli O 157	Chất thử E.coli As O 157	210753	E.coli As O 157	2025 trở đi	Nhật Bản	Denka Company Limited	Thử nghiệm ngưng kết cụm để định danh E.coli O 157	ml	2	1.376.970	2.753.940	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
345	PP2600340727	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 2	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 2	Chất thử Escherichia coli As poly 2	210517	Escherichia coli As poly 2	2025 trở đi	Nhật Bản	Denka Company Limited	Bộ kit ngưng các type E.coli gồm kháng nguyên: O26, O55, O111, O119, O126	ml	2	1.376.970	2.753.940	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
346	PP2600340728	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 3	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 3	Chất thử Escherichia coli As poly 3	210524	Escherichia coli As poly 3	2025 trở đi	Nhật Bản	Denka Company Limited	Bộ kit ngưng các type E.coli gồm kháng nguyên: O86, O114, O125, O127, O128	ml	2	1.376.970	2.753.940	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
347	PP2600340729	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 4	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 4	Chất thử Escherichia coli As poly 4	210531	Escherichia coli As poly 4	2025 trở đi	Nhật Bản	Denka Company Limited	Bộ kit ngưng các type E.coli gồm kháng nguyên: O44, O112, O124, O142	ml	2	1.376.970	2.753.940	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
348	PP2600340730	Kit thử nghiệm định danh ngưng kết Streptococcus	Kit thử nghiệm định danh ngưng kết Streptococcus	Streptococcal Grouping Kit using Latex Agglutination	DR0585A	Thermo Fisher Scientific	r năm 2026 trở về s	Anh	Thermo Fisher Scientific	Dùng trong thử nghiệm hạt ngưng kết nhanh, phản ứng qua kháng thể gắn trên hạt latex, nhằm xác định liên cầu nhóm A, B, C, D, F, G theo xếp loại của Lancefield. Thành phần: gồm enzyme, các lọ thuốc thử liên cầu nhóm A, B, C, D, F, G và chất chuẩn (control dương).	Test	100	317.862	31.786.200	vn0310143350	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN
349	PP2600340731	Kít định danh Staphylococcus aureus bằng thử nghiệm hạt ngưng kết	Kít định danh Staphylococcus aureus bằng thử nghiệm hạt ngưng kết	Staphytect Plus™ Latex Agglutination Test	DR0850M	Thermo Fisher Scientific	r năm 2026 trở về s	Anh	Thermo Fisher Scientific	Thử nghiệm hạt ngưng kết nhanh phát hiện enzyme coagulase để xác định S. aureus Thành phần: gồm thuốc thử và chất chuẩn (control)	Test	100	62.572	6.257.200	vn0310143350	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN
350	PP2600340733	Dung dịch chuẩn Mc Farland	Dung dịch chuẩn Mc Farland	Remel™ McFarland Equivalence Turbidity Standards	R20421	Remel (ThermoFisher Scientific)	r năm 2026 trở về s	Anh	Remel (ThermoFisher Scientific)	1 hộp gồm 5 ống: McF Standard Set (0,5; 1,0; 2,0; 3,0; 4,0), McF 0,5; McF 1,0; McF 2,0; McF 3,0 và McF 4,0.	Bộ	1	7.696.674	7.696.674	vn0310143350	CÔNG TY TNHH MỸ ÂN

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
351	PP2600340734	Kít phát hiện kháng nguyên Dengue NS1	Kít phát hiện kháng nguyên Dengue NS1	Khay thử xét nghiệm, Dengue NS1 Antigen Test Kit	DENN1W-X	Dengue NS1 Antigen Test Kit	2025 trở đi	Trung Quốc	Anhui Deepblue Medical Technology Co., Ltd	Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Độ nhạy: ≥ 90%, Độ đặc hiệu: ≥95%. Đạt tiêu chuẩn: CE-IVD	Test	500	20.475	10.237.500	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB
352	PP2600340736	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương - GP	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương - GP	21342 - GP	21342	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Định danh vi khuẩn Gram dương, 43 phản ứng sinh hóa, thời gian hoàn thành khoảng 8 giờ hoặc ngắn hơn. Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact	Test	160	198.000	31.680.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
353	PP2600340737	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm - GN	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm - GN	21341 - GN	21341	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Định danh vi khuẩn Gram âm, 47 phản ứng sinh hóa, thời gian hoàn thành khoảng 10 giờ hoặc ngắn hơn. Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact"	Test	160	198.000	31.680.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
354	PP2600340738	Thẻ định danh Neisseria/Haemophilus (NH)	Thẻ định danh Neisseria/Haemophilus (NH)	21346 - NH	21346	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Định danh vi khuẩn Neisseria/Haemophilus, 30 phản ứng sinh hóa, thời gian hoàn thành khoảng 6 giờ Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact "	Test	60	198.000	11.880.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
355	PP2600340739	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và loài Corynebacterium-ANC	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và loài Corynebacterium-ANC	21347 - ANC	21347	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và loài Corynebacterium, 36 phản ứng sinh hóa, thời gian hoàn thành khoảng 6 giờ Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact do Viện sở hữu và đang sử dụng, MSKK: 8097 "	Test	20	198.000	3.960.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
356	PP2600340740	Thẻ kháng sinh đồ xác định tính mẫn cảm của trực khuẩn Gram âm- AST N443	Thẻ kháng sinh đồ xác định tính mẫn cảm của trực khuẩn Gram âm-AST N443	424541-AST N443	424541	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Xác định tính mẫn cảm kháng sinh của trực khuẩn Gram âm (phương pháp định lượng nồng độ ức chế tối thiểu MIC trên hệ thống tự động). Các kháng sinh bao gồm: Amikacin, Aztreonam, Cefepime, Ceftazidime, Ceftazidime/ Avibactam, Ceftolozane/ Tazobactam, Ciprofloxacin, Colistin, Imipenem, Imipenem/Relebactam, Levofloxacin, Meropenem, Piperacillin/ Tazobactam, Tobramycin Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact do Viện sở hữu và đang sử dụng, MSKK: 8097 "	Test	160	198.000	31.680.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
357	PP2600340741	Thẻ kháng sinh đồ xác định tính mẫn cảm của trực khuẩn Gram âm-AST N439	Thẻ kháng sinh đồ xác định tính mẫn cảm của trực khuẩn Gram âm-AST N439	424501 AST N439	424501	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Xác định tính mẫn cảm kháng sinh của trực khuẩn Gram âm (phương pháp định lượng nồng độ ức chế tối thiểu MIC trên hệ thống tự động). Các kháng sinh bao gồm: Amikacin, Amoxicillin/ Clavulanic Acid, Cefepime, Ceftazidime, Ceftazidime/ Avibactam, Ceftolozane/ Tazobactam, Ciprofloxacin, Colistin, Fosfomycin, Gentamicin, Imipenem/Relebactam, Meropenem, Meropenem/ Vaborbactam, Piperacillin/ Tazobactam, Tigecycline Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact do Viện sở hữu và đang sử dụng, MSKK: 8097 "	Test	200	198.000	39.600.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
358	PP2600340742	Thẻ kháng sinh đồ xác định tính mẫn cảm của vi khuẩn Staphylococcus spp., Enterococcus spp. và S. agalactia - AST GP 67	Thẻ kháng sinh đồ xác định tính mẫn cảm của vi khuẩn Staphylococcus spp., Enterococcus spp. và S. agalactia - AST GP 67	22226 AST GP 67	22226	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Xác định tính mẫn cảm kháng sinh của vi khuẩn Staphylococcus spp., Enterococcus spp. và S. agalactiae (phương pháp định lượng nồng độ ức chế tối thiểu MIC trên hệ thống tự động) Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact do Viện sở hữu và đang sử dụng, MSKK: 8097 "	Test	120	198.000	23.760.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
359	PP2600340743	Thẻ kháng sinh đồ xác định tính mẫn cảm của Streptococcus pneumoniae, beta-hemolytic Streptococcus và Viridans Streptococcus - AST ST03	Thẻ kháng sinh đồ xác định tính mẫn cảm của Streptococcus pneumoniae, beta-hemolytic Streptococcus và Viridans Streptococcus - AST ST03	421040 AST ST03	421040	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Xác định tính mẫn cảm kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus S. pneumoniae, beta - hemolytic Streptococcus và Viridans Streptococcus (phương pháp định lượng nồng độ ức chế tối thiểu MIC trên hệ thống tự động) Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact do Viện sở hữu và đang sử dụng, MSKK: 8097 "	Test	60	198.000	11.880.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
360	PP2600340744	Thẻ kháng sinh đồ nấm men	Thẻ kháng sinh đồ nấm men	420739 -AST-YS08	420739	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Xác định tính mẫn cảm với thuốc kháng nấm của vi nấm men (phương pháp định lượng nồng độ ức chế tối thiểu MIC trên hệ thống tự động) Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact do Viện sở hữu và đang sử dụng, MSKK: 8097 "	Test	20	198.000	3.960.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
361	PP2600340745	Thẻ định danh nấm men	Thẻ định danh nấm men	21343 YST	21343	Biomerieux	2025-2026	Mỹ	Biomerieux	"Dùng để định danh vi nấm. Thẻ bao gồm 46 xét nghiệm hóa sinh. Thời gian hoàn thành trong khoảng 18 giờ Sử dụng trên Hệ thống Vitek2 compact do Viện sở hữu và đang sử dụng, MSKK: 8097 "	Test	20	198.000	3.960.000	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG
362	PP2600340746	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Entamoeba histolytica	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Entamoeba histolytica	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Entamoeba histolytica	7051167	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch liên kết enzyme để định tính phát hiện kháng thể kháng E.Histolytica, ở trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 20 phút) - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100%"	Test	192	42.000	8.064.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
363	PP2600340747	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Cysticercosis	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Cysticercosis	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Cysticercosis	7051186	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh kháng Taenia solium bằng kỹ thuật xét nghiệm chất hấp thụ miễn dịch liên kết với enzym (ELISA). - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 20 phút) - Độ nhạy: 88% - Độ đặc hiệu: 96%"	Test	4.320	42.000	181.440.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
364	PP2600340748	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	7051184	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch liên kết enzyme định tính để phát hiện kháng thể kháng Strongyloides trong huyết thanh hoặc huyết tương. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 20 phút) - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100%"	Test	7.200	42.000	302.400.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẬT
365	PP2600340749	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma	Bộ xét nghiệm ELISA định tính kháng thể IgG kháng giun đầu gai (Gnathostoma spinigerum)	E01GNA01.1A	Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Khoa Thương	ừ năm 2026 trở về s	Việt Nam	Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Khoa Thương	Định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma spinigerum trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB (Tetramethylbenzidine), Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng Tổng thời gian ủ: tối đa 50 phút Độ nhạy: ≥ 90% Độ đặc hiệu: ≥ 95%	Test	4.800	39.583	189.998.400	vn0303340051	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC KHOA THƯƠNG
366	PP2600340750	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Toxocara	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Toxocara	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Toxocara (Toxocara IgM ELISA Kit)	5024	Toxocara IgM ELISA Kit	r năm 2025 trở về s	Mỹ	New Life Diagnostics, Inc.	Bán định lượng kháng thể IgM kháng Toxocara trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Thành phần gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng Tổng thời gian ủ: 50 phút Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100%	Test	1.920	53.550	102.816.000	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
367	PP2600340751	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Toxocara	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Toxocara	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Toxocar	7051188	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme định tính để phát hiện kháng thể Toxocara trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 20 phút) - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100%	Test	10.560	42.000	443.520.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẬT
368	PP2600340752	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	7051173	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Sàng lọc định tính kháng thể IgG kháng Fasciola hepatica trong huyết thanh bằng kỹ thuật Xét nghiệm miễn dịch liên kết với enzyme (ELISA). - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 20 phút) Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100%"	Test	1.440	42.000	60.480.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẬT

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
369	PP2600340753	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	7051169	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Sàng lọc định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus sp trong huyết thanh người bằng kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA) - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 20 phút) - Độ nhạy: 97,9% - Độ đặc hiệu: 91,7%	Test	7.200	42.000	302.400.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
370	PP2600340754	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Trichinella	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Trichinella	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Trichinella	7051190	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme định tính phát hiện kháng thể kháng Trichinella trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 20 phút) - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100%	Test	288	42.000	12.096.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
371	PP2600340755	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma spp	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma spp	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma spp	7051182	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Bộ xét nghiệm Schistosoma IgG để xác định định tính kháng thể IgG trong huyết thanh kháng Schistosoma spp. sử dụng kỹ thuật ELISA. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 25 phút) - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 85%	Test	768	42.000	32.256.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
372	PP2600340756	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Paragonimus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Paragonimus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Paragonimus	7051180	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme định tính để phát hiện kháng thể kháng Paragonimus trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút) - Độ nhạy: 95% - Độ đặc hiệu: 100%	Test	480	42.000	20.160.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
373	PP2600340757	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Ascaris	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Ascaris	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Ascaris	7051161	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Sàng lọc định tính kháng thể IgG kháng Ascari trong huyết thanh bằng kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 20 phút) - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 90%"	Test	960	42.000	40.320.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
374	PP2600340758	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Clonorchis	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Clonorchis	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Clonorchis	7051165	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme định tính để phát hiện kháng thể kháng Clonorchis trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút) - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 92%	Test	288	42.000	12.096.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
375	PP2600340759	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Filaria	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Filaria	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Filaria	7051171	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme để định tính phát hiện kháng thể IgG (phân nhóm 4) kháng Filaria trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút)	Test	96	42.000	4.032.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
376	PP2600340760	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng Angiostrongylus bằng phương pháp ELISA	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng Angiostrongylus bằng phương pháp ELISA	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng Angiostrongylus bằng phương pháp ELISA	7051323	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh kháng Angiostrongylus bằng kỹ thuật Xét nghiệm miễn dịch liên kết với enzyme (ELISA) - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút) - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 98%	Test	288	42.000	12.096.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
377	PP2600340761	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Angiostrongylus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Angiostrongylus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Angiostrongylus	7051331	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgM kháng Angiostrongylus trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người bằng xét nghiệm miễn dịch liên kết enzyme (ELISA) - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút) - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 98%	Test	96	52.000	4.992.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
378	PP2600340762	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Paragonimus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Paragonimus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Paragonimus	7051176	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme bán định lượng phát hiện kháng thể kháng Paragonimus trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút) - Độ nhạy: 95% - Độ đặc hiệu: 100%	Test	96	52.000	4.992.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
379	PP2600340763	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Clonorchis	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Clonorchis	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Clonorchis	7051166	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme bán định lượng phát hiện kháng thể IgM kháng Strongyloides trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút)	Test	96	52.000	4.992.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT
380	PP2600340764	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Schistosoma bằng kỹ thuật ELISA	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Schistosoma bằng kỹ thuật ELISA	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Schistosoma bằng kỹ thuật ELISA	7051183	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme bán định lượng phát hiện kháng thể IgM kháng Schistosoma trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút)	Test	96	52.000	4.992.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẤT

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
381	PP2600340765	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Cysticercosis (T.Solium)	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Cysticercosis (T.Solium)	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Cysticercosis (T.Solium)	7051187	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme để bán định lượng phát hiện kháng thể IgM kháng Cysticercosis (T.solium) trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút) - Độ nhạy: 88% - Độ đặc hiệu: 96%	Test	192	52.000	9.984.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẬT
382	PP2600340766	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Echinococcus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Echinococcus	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Echinococcus	7051170	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme bán định lượng phát hiện kháng thể IgM kháng Echinococcus trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút)	Test	192	52.000	9.984.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẬT
383	PP2600340767	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Ascaris	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Ascaris	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Ascaris (Ascaris IgM ELISA Kit)	5016	Ascaris IgM ELISA Kit	r năm 2025 trở về s	Mỹ	New Life Diagnostics, Inc.	Bán định lượng kháng thể IgM kháng Ascaris trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Thành phần gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng Tổng thời gian ủ: 50 phút	Test	192	53.550	10.281.600	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
384	PP2600340768	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Trichinella	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Trichinella	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Trichinella	7051191	ImmunoCentrix	2026	Mỹ	ImmunoCentrix	- Xét nghiệm miễn dịch enzyme bán định lượng phát hiện kháng thể IgM kháng Trichinella trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy trình 3 bước ủ (tổng thời gian 50 phút).	Test	96	52.000	4.992.000	vn0312397569	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG MINH NHẬT
385	PP2600340769	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Herpes Simplex Virus 1/2	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Herpes Simplex Virus 1/2	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgG kháng vi rút Herpes Simplex (SERION ELISA classic Herpes Simplex Virus 1/2 IgG)	ESR105G	SERION ELISA classic Herpes Simplex Virus 1/2 IgG	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Định tính kháng thể IgG kháng Herpes Simplex Virus 1/2 bằng phương pháp ELISA Thành phần gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Huyết thanh chuẩn, Chứng âm, Cơ chất pNPP, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng Tổng thời gian ủ: 120 phút Độ nhạy: 95,5%, Độ đặc hiệu: 99%	Test	96	66.108	6.346.368	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
386	PP2600340770	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng Herpes Simplex Virus 1/2 bằng phương pháp ELISA	Bộ xét nghiệm kháng thể IgM kháng Herpes Simplex Virus 1/2 bằng phương pháp ELISA	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgM kháng vi rút Herpes Simplex (SERION ELISA classic Herpes Simplex Virus 1/2 IgM)	ESR105M	SERION ELISA classic Herpes Simplex Virus 1/2 IgM	r năm 2025 trở về s	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Định tính kháng thể IgM kháng Herpes Simplex Virus 1/2 bằng phương pháp ELISA Thành phần gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Huyết thanh chuẩn, Chứng âm, Cơ chất pNPP, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng Tổng thời gian ủ: 120 phút Độ nhạy: 95,7%, Độ đặc hiệu: 94,3%	Test	96	63.126	6.060.096	vn0304222357	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y TẾ PHÚ GIA
387	PP2600340771	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Chlamydia trachomatis	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Chlamydia trachomatis	ErbaLisa CHLAMYDIA TRACHOMATIS IgG	IME00086	ErbaLisa CHLAMYDIA TRACHOMATIS IgG	2025 trở về sau	Mỹ	Calbiotech Inc.	Định tính kháng thể IgG kháng Chlamydia trachomati bằng phương pháp Elisa Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng Tổng thời gian ủ: tối đa 50 phút Độ nhạy: ≥ 95% Độ đặc hiệu: ≥ 98%	Test	96	60.690	5.826.240	vn0310913521	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC
388	PP2600340772	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Chlamydia trachomatis	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Chlamydia trachomatis	ErbaLisa CHLAMYDIA TRACHOMATIS IgM	IME00087	ErbaLisa CHLAMYDIA TRACHOMATIS IgM	2025 trở về sau	Mỹ	Calbiotech Inc.	Định tính kháng thể IgM kháng Chlamydia trachomati bằng phương pháp ELISA Thành phần: tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng Tổng thời gian ủ: tối đa 50 phút Độ nhạy: ≥ 95% Độ đặc hiệu: ≥ 98%	Test	96	60.690	5.826.240	vn0310913521	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC
389	PP2600340773	Bộ xét nghiệm dị ứng (36 dị nguyên)	Bộ xét nghiệm dị ứng (36 dị nguyên)	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgE đặc hiệu	85046	Optigen Asean Panel	Từ 2025 trởđi	Hoa Kỳ	Canon Medical Diagnostics USA, Inc	Chất thử chẩn đoán dị ứng dùng trong xét nghiệm dị ứng. Thành phần kit gồm thanh chẩn đoán 36 dị nguyên (IgE toàn phần, nhựa, chuối, cam, gạo/bột gạo, lúa mì, mè, đậu tương, lạc, sữa bò, chocolate, lòng đỏ trứng, lòng trắng trứng, thịt gà, thịt bò, sò, cua, tôm, cá biển loại lớn, cá ngừ, cá hồi, nấm mốc, cỏ đuôi mèo, cỏ bermuda, nấm alternaria, nấm aspergillus, nấm candida, nấm cladosporium, nấm penicillium, chó, mèo, gián, bụi nhà, mạt bụi nhà Farinae, mạt bụi nhà Pteronyssinus, mạt bụi nhà Blomia tropicalis), các dung dịch phát quang AB, CD và dung dịch rửa đảm bảo đủ sử dụng cho 20 thanh chẩn đoán dị ứng để xác định mức độ dị ứng. Sử dụng cho Máy phân tích dị ứng do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK 1198235P90034)	Test	2.000	725.000	1.450.000.000	vn0103360438	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN VIỆT
390	PP2600340774	Bọ xét nghiệm dị ứng (20 dị nguyên thường gặp ở người Việt)	Bọ xét nghiệm dị ứng (20 dị nguyên thường gặp ở người Việt)	RIDA qLine Allergy Panel 1 VIET	A6142VIET	RIDA qLine	2026 trở về sau	Đức	R-Biopharm AG	Xét nghiệm miễn dịch enzyme trên màng miễn dịch nitrocellulose để phát hiện định lượng các kháng thể IgE đặc hiệu với chất gây dị ứng trong huyết thanh và huyết tương (citrate) của người Việt.	Test	200	566.500	113.300.000	vn0312003976	CÔNG TY TNHH MEDIPRO VIET NAM

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
391	PP2600340775	Bộ xét nghiệm dị ứng (20 dị nguyên ở trẻ em)	Bộ xét nghiệm dị ứng (20 dị nguyên ở trẻ em)	RIDA qLine Allergy Panel 4	A6442	RIDA qLine	2026 trở về sau	Đức	R-Biopharm AG	Xét nghiệm miễn dịch enzyme trên màng miễn dịch nitrocellulose để phát hiện định lượng các kháng thể IgE đặc hiệu với chất gây dị ứng trong huyết thanh và huyết tương (citrate) của trẻ em.	Test	200	566.500	113.300.000	vn0312003976	CÔNG TY TNHH MEDIPRO VIET NAM
392	PP2600340776	Bộ xét nghiệm dị ứng (53 dị ứng nguyên)	Bộ xét nghiệm dị ứng (53 dị ứng nguyên)	EUROLINE Atopy "Venezuela 1" (IgE)	DP 3704-1601-	EUROLINE Atopy "Venezuela 1" (IgE)	2026 về sau	Đức	Euroimmun	Hoá chất xét nghiệm dị ứng 53 dị nguyên theo phương pháp immunoblot (thanh sắc ký miễn dịch). Dị nguyên bao gồm: lòng trắng trứng, lòng đỏ trứng, sữa bò, thành phần sữa (bao gồm Alpha-lactalbumin, Beta-lactoglobulin, Casein), bột mì, bột lúa mạch đen, bột lúa mạch, bột yến mạch, gạo, đậu nành, bắp, gluten, đậu phộng, hạt phỉ, hạt hạnh nhân, cá tuyết, tôm, cá ngừ, cá mòi, chocolate, sữa dê, cà chua, chanh, cam, dâu, táo, thơm, thịt heo, bò, gà, nấm men bia, men bánh mì, latex, mạt nhà Dermatophagoides pter, mạt nhà Dermatophagoides farina, mạt nhà Blomia tropicalis, lông chó, mèo, lông gà, các loại nấm mốc (Penicillium notatum, Cladosporium herbarum, Aspergillus fumigatus, Candida albicans, Alternaria alternata), Cỏ gà, Bồ công anh, Nọc ong mật, Nọc ong vò vẽ, Kiến lửa	Test	480	1.100.000	528.000.000	vn0310775984	CÔNG TY TNHH CA NA RO
393	PP2600340777	Bộ xét nghiệm dị ứng (50 dị ứng nguyên hô hấp)	Bộ xét nghiệm dị ứng (50 dị ứng nguyên hô hấp)	SGTi-Allergy Screen Inhalant Panel	ALIB024E	SGTi-Allergy Screen Inhalant Panel	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Sugentech, Inc.	Theo Chương V tại E-HSMT	Test	480	570.000	273.600.000	vn0310631534	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ANH KHÔI
394	PP2600340778	Bộ xét nghiệm dị ứng (52 dị ứng nguyên thực phẩm)	Bộ xét nghiệm dị ứng (52 dị ứng nguyên thực phẩm)	SGTi - Allergy Screen Food Panel	ALFB024E	SGTi - Allergy Screen Food Panel	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Sugentech, Inc.	Theo Chương V tại E-HSMT	Test	480	530.000	254.400.000	vn0310631534	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ANH KHÔI
395	PP2600340779	Bộ xét nghiệm ELISA định lượng Interferon Gamma	Bộ xét nghiệm ELISA định lượng Interferon Gamma	'QuantiFERON-TB Gold plus (QFT-plus) 2 Plate Kit ELISA và QuantiFERON-TB Gold plus (QFT-plus) Blood Collection Tubes	622120 và 6225	QuantiFERON-TB Gold Plus (QFT- Plus) 2 Plate Kit ELISA và QuantiFERON-TB Gold Plus	r năm 2025 trở về s	(Mỹ) và Austria	QIAGEN Sciences LLC và Greiner Bio-One GmbH	'Bộ kit bao gồm: 1. Hộp QuantiFERON-TB Gold plus (QFT-plus 2 plate kit Elisa): - Thành phần là IFN-ɣ tái tổ hợp, bovine casein - Dung dịch pha loãng (Green Diluent) - Thành	Bộ	15	35.400.750	531.011.250	vn0104683512	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tekmax
396	PP2600340780	Bộ xét nghiệm phát hiện 14 kiểu gen nguy cơ cao Human Papilloma virus	Bộ xét nghiệm phát hiện 14 kiểu gen nguy cơ cao Human Papilloma virus	HPV genotypes 14 Real-TM Quant	V67-100FRT	HPV genotypes 14 Real-TM Quant	Từ năm 2026	Ý	Sacace Biotechnologies S.r.l./ Ý	Theo bảng danh mục hàng hóa dự thầu đính kèm E-HSDT	Test	200	340.000	68.000.000	vn0304444286	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT VIỆT HUY
397	PP2600340781	Bộ xét nghiệm phát hiện kiểu gene Human Papilloma virus typ 6 và 11	Bộ xét nghiệm phát hiện kiểu gene Human Papilloma virus typ 6 và 11	HPV 6/11 Real-TM	V11-100FRT	HPV 6/11 Real-TM	Từ năm 2026	Ý	Sacace Biotechnologies S.r.l./ Ý	Theo bảng danh mục hàng hóa dự thầu đính kèm E-HSDT	Test	200	169.785	33.957.000	vn0304444286	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT VIỆT HUY
398	PP2600340782	Bộ xét nghiệm phát hiện và phân biệt virus Herpes type I và II	Bộ xét nghiệm phát hiện và phân biệt virus Herpes type I và II	HSV 1/2 Typing Real-TM	V38-100FRT	HSV 1/2 Typing Real-TM	Từ năm 2026	Ý	Sacace Biotechnologies S.r.l./ Ý	Theo bảng danh mục hàng hóa dự thầu đính kèm E-HSDT	Test	100	173.775	17.377.500	vn0304444286	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT VIỆT HUY

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
399	PP2600340783	Bộ xét nghiệm phát hiện phức hợp vi khuẩn lao (MTBC)	Bộ xét nghiệm phát hiện phức hợp vi khuẩn lao (MTBC)	MTB Real-TM (Cung cấp kèm tách chiết)	B15-50FRT (T	MTB Real-TM (Cung cấp kèm tách chiết)	Từ năm 2026	Ý	Sacace Biotechnologies S.r.l./ Ý	Theo bảng danh mục hàng hóa dự thầu đính kèm E-HSDT	Test	100	210.000	21.000.000	vn0304444286	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT VIỆT HUY
400	PP2600340784	Kit phát hiện 12 tác nhân gây bệnh tình dục	Kit phát hiện 12 tác nhân gây bệnh tình dục	careGENE STD 12 Detection Kit	MST-N10082	careGENE STD 12 Detection Kit	2026	Hàn Quốc	Wellsbio, Inc.,	"- Kit phát hiện 12 tác nhân nguy cơ cao lây bệnh đường sinh dục gồm: Neisseria gonorrhea, Chlamydia trachomatis, Ureaplasma urealyticum, Mycoplasma genitalium, Treponema pallidum, Ureaplasma parvum, Mycoplasma hominis, Trichomonas vaginalis, Candida albicans, Gardnerella vaginalis, Herpes Simplex Virus 1, Herpes Simplex Virus 2 - Công nghệ: Real-time PCR sử dụng Taqman Probe - LoD: 0.5~5 copies/ul - Độ nhạy: 96.44% - 100% - Độ đặc hiệu: 98.20% - 100% - Có hệ thống chống ngoại nhiễm Uracil-DNA Glycosylase(UDG) - Các kênh màu huỳnh quang sử dụng: FAM, HEX, Cy5, Q705, Rox - Sử dụng trên các máy: Rotorgene Q, Biorad CFX 96, Quanstudio 5, Insta 96 - Himedia."	Test	200	362.250	72.450.000	vn0316460638	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC NKTBIO
401	PP2600340785	Sinh phẩm xác định các tuýp HPV nguy cơ cao và nguy cơ thấp	Sinh phẩm xác định các tuýp HPV nguy cơ cao và nguy cơ thấp	Allplex™ HPV28 Detection	HP10372X	Allplex™ HPV28 Detection	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời và xác định 19 type HPV nguy cơ cao và 9 type HPV nguy cơ thấp gây ung thư cổ tử cung, bao gồm: + 19 type HPV nguy cơ cao: 16, 18, 26, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 53, 56, 58, 59, 66, 68, 69, 73, 82. + 9 type HPV nguy cơ thấp: 6, 11, 40, 42, 43, 44, 54, 61, 70 - Kết quả giá trị Ct cho từng type - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	200	281.400	56.280.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt
402	PP2600340786	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp (panel 1)	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp (panel 1)	Allplex™ Respiratory Panel 1A	RP9702X	Allplex™ Respiratory Panel 1A	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: IInfluenza A virus (Flu A) Influenza B virus (Flu B) Respiratory syncytial virus A (RSV A) Respiratory syncytial virus B (RSV B) Flu A-H1 Flu A-H1pdm09 Flu A-H3 Chứng nội - IC - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	100	305.000	30.500.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
403	PP2600340787	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp (panel 2)	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp (panel 2)	Allplex™ Respiratory Panel 2	RP9802X	Allplex™ Respiratory Panel 2	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Adenovirus (Adv) Enterovirus (HEV) Parainfluenza virus 1 (PIV 1) Parainfluenza virus 2 (PIV 2) Parainfluenza virus 3 (PIV 3) Parainfluenza virus 4 (PIV 4) Metapneumovirus (MPV) Chứng nội - IC - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	100	305.000	30.500.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt
404	PP2600340788	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp (panel 3)	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp (panel 3)	Allplex™ Respiratory Panel 3	RP9601X	Allplex™ Respiratory Panel 3	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Bocavirus (HBoV) Rhinovirus (HRV) Coronavirus NL63 (CoV NL63) Coronavirus 229E (CoV 229E) Coronavirus OC43 (CoV OC43) Chứng nội - IC - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	100	305.000	30.500.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt
405	PP2600340789	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường hô hấp	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường hô hấp	Allplex™ PneumoBacter Assay	PB10176X	Allplex™ PneumoBacter Assay	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Mycoplasma pneumoniae (MP) Chlamydophila pneumoniae (CP) Legionella pneumoniae (LP) Haemophulus influenzae (HI) Streptococcus pneumoniae (SP) Bordetella pertussis (BP) Bordetella parapertusis (BPP) Chứng nội - IC - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	100	242.000	24.200.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt
406	PP2600340790	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường tiêu hóa	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường tiêu hóa	Allplex™ GI-Virus Assay	GI9701X	Allplex™ GI-Virus Assay	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Norovirus G I Norovirus G II Rotavirus Adenovirus Astrovirus Sapovirus Chứng nội - IC - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	100	425.000	42.500.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt
407	PP2600340791	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiêu hóa (I)	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiêu hóa (I)	Allplex™ GI-Bacteria(I) Assay	GI9801X	Allplex™ GI-Bacteria(I) Assay	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Campylobacter spp. Clostridium difficile toxin B Salmonella spp. Shigella spp./EIEC Vibrio spp. Yersinia enterocolitica Aeromonas spp. Chứng nội - IC - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	100	305.000	30.500.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)	Mã định danh	Tên nhà thầu
408	PP2600340792	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiêu hóa (II)	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiêu hóa (II)	Allplex™ GI-Bacteria(II) Assay	GI9702X	Allplex™ GI-Bacteria(II) Assay	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Clostridium difficile hypervirulent E.coli O157 STEC (stx1/2) EPEC (eaeA) ETEC (lt/st) EAEC (aggR) Chứng nội - IC - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	100	305.000	30.500.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt
409	PP2600340793	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân ký sinh gây nhiễm trùng đường tiêu hóa	Sinh phẩm phát hiện đa tác nhân ký sinh gây nhiễm trùng đường tiêu hóa	Allplex™ GI-Parasite Assay	GI9703X	Allplex™ GI-Parasite Assay	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Giardia lambilia Entamoeba histolytica Cryptosporidium spp. Blastocystis hominis Dientamoeba fragilis Cyclospora cayetanensis Chứng nội - IC - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	100	305.000	30.500.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt
410	PP2600340794	Sinh phẩm phát hiện các đột biến gây kháng thuốc của CPE, VRE và ESBLs	Sinh phẩm phát hiện các đột biến gây kháng thuốc của CPE, VRE và ESBLs	Allplex™ Entero-DR Assay	CR9700X	Allplex™ Entero-DR Assay	2026 trở về sau	Hàn Quốc	Seegene, Inc.	Bộ kit real-time PCR phát hiện 3 nhóm kháng kháng sinh chính (CPE, VRE, ESBL) cho từng gen kháng: - CTX-M - Imipenemase (IMP) - Klebsiella pneumoniae carbapenemase (KPC) - New Delhi Metallo-beta-lactamase (NDM) - Oxacillinase-48 (OXA-48) - VanA - VanB - Verona Integron–encoded Metallo-β-Lactamase (VIM) - Chứng nội - IC - DOC: chứng nhận hợp chuẩn theo chỉ thị In-vitro 98/79/EC của Liên minh Châu Âu - Nhãn hiệu CE-IVD trên bộ kit	Test	100	242.000	24.200.000	vn0108538481	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt
Tổng cộng (VNĐ)														**57.057.009.092**		